

Sống với vị Lạt Ma (Living with the Lama)

VỀ TÁC GIẢ

Tuesday Lobsang Rampa tự nhận mình là linh hồn một vị Lạt ma người Tây Tạng đã mượn tạm xác của một

người Anh tên là Cyril Hoskin (8 tháng 4 năm 1910 - 25 tháng 1 năm 1981). Cái tên Tuesday (thứ Ba) liên quan đến lời ông kể rằng các quý tộc người Tây Tạng được đặt tên theo ngày mà họ sinh ra.

Vào tháng 11 năm 1956, cuốn sách đầu tiên với tựa đề *The Third Eye* (*Con mắt thứ ba* hay *Tây Tạng huyền bí*) được xuất bản ở Anh. Cuốn sách kể lại những kinh nghiệm của ông khi lớn lên trong một tu viện ở Tây Tạng từ năm lên bảy tuổi. Tựa

đề cuốn sách liên quan đến một cuộc phẫu thuật trên trán để mở ra con mắt thứ ba làm tăng cường khả năng nhìn hào quang của ông.

Trong cuốn *The Rampa story (Câu chuyện của Rampa)* và *Doctor from Lhasa (Bác sĩ từ Lhasa)*, ông kể rằng

xác ông đã bị hủy hoại nặng nề vì những đòn tra tấn của phát xít Nhật nên đã mượn xác của Cyril Henry Hoskin để viết ra những cuốn sách ký tên là Lobsang Rampa. Ông Cyril là một người thợ sửa ống nước, sau khi hôn của Tu sĩ Bác sĩ Rampa nhập vào mới bắt đầu viết những cuốn sách về Tây Tạng.

Theo lời nhà xuất bản *Secker & Warburg*, tác giả Lobsang Rampa đã cung cấp tài liệu chứng minh rằng ông có bằng y khoa của Đại học Trùng Khánh, và trong các văn bằng đó ông được mô tả là một vị Lạt Ma của tu viện Potala ở Lhasa. Nhiều cuộc trò chuyện cá nhân của NXB với ông đã chứng minh ông là một người có quyền năng và tri thức khác thường. Về cuộc sống cá nhân của mình, ông thể hiện sự dè dặt đôi khi khó hiểu; nhưng mọi người đều có quyền riêng tư và Lobsang Rampa có thái độ như vậy có lẽ để che giấu sự an toàn cho gia đình ông vẫn đang sống ở mảnh đất Tây Tạng hiện đang do Trung Quốc quản lý. Thật vậy, một số chi tiết, chẳng hạn như vị trí thực của cha ông ở Tây Tạng, đã được cố tình ngụy trang vì mục đích này.

Vì những lý do trên, Tác giả buộc phải nhận và đã tự nguyện nhận trách nhiệm duy nhất về những về những gì ông viết trong sách. Ta có thể cảm thấy rằng đâu đó ông đã dành được sự tin tưởng của người phương Tây, dù cái nhìn của người phương Tây về vấn đề những cuốn sách nói tới rất khó để khẳng định.

Các sách viết bởi tác giả T. Lobsang Rampa

Tác giả viết tổng cộng 19 cuốn dưới đây:

1. Con mắt thứ ba hay Tây Tạng Huyền bí - (The Third Eye - Lần đầu xuất bản năm 1956). Đây là cuốn sách đầu tiên, một cuốn tự truyện về cuộc hành trình của một thanh niên trẻ để trở thành một vị Lạt ma y tế và trải qua phẫu thuật để mở con mắt thứ ba. Chúng ta có được cái nhìn thoáng qua về cuộc sống trong tu viện lạt ma ở Tây Tạng và hiểu biết sâu sắc về kiến thức tâm linh. Cho đến thời điểm này cuộc sống trong các tu viện lạt ma ở Tây Tạng vẫn chưa được biết đến, ngay cả với một số ít người đã thực sự viếng thăm Tây Tạng. Lobsang đã vào tu viện Chakpori ở Tây Tạng và được học những điều bí mật nhất của khoa học Tây Tạng bí truyền và nhiều điều hơn nữa.

2. Bác sĩ từ Lhasa - (Doctor from Lhasa - Lần đầu xuất bản năm 1959) câu chuyện tiếp tục với việc Lobsang rời Lhasa và sống ở Trùng Khánh, Trung Quốc. Ở đây, ông đẩy mạnh nghiên cứu y khoa, học lái máy bay và cuối cùng bị người Nhật bắt và tra tấn. Lobsang trải qua thời gian rất dài sống trong trại tập trung, làm việc như các nhân viên y tế chính thức cho đến ngày ông trốn thoát. Lobsang là một

trong số rất ít người còn sống sót khi quả bom nguyên tử đầu tiên ném xuống Hiroshima. Trong cuốn sách ông cũng hướng dẫn làm thế nào để sử dụng một quả cầu pha lê cho khoa chiêm tinh và tập thở để cải thiện sức khỏe.

3. Câu chuyện của Rampa - (The Rampa Story - Lần đầu xuất bản năm 1960), hành trình của Bác sĩ Rampa tiếp tục khi ông đi từ Hàn Quốc vào Nga, qua Châu Âu, đi thuyền sang Mỹ, cuối cùng kết thúc ở Anh. Lobsang bị bắt và tiếp tục chịu đựng sự tra tấn cho đến khi một lần nữa, ông trốn thoát bằng cách lái chiếc xe ô tô sang trọng. Trong cuốn sách này, Lobsang cho biết ông đã mượn tạm thân xác của một người đàn ông người Anh tên là Cyril Henry Hoskins, người mong muốn rời khỏi thế giới này, để tiếp tục nhiệm vụ đặc biệt của mình.

4. Hang đá của người cổ đại - (The Cave of the Ancients – Lần đầu xuất bản năm 1963), cuốn sách cho ta một cái nhìn thoáng vào lịch sử đã qua của Trái đất và những cư dân của nó thời đó, những người đã giấu các thiết bị kỹ thuật cao mà cho đến ngày nay vẫn còn bí ẩn. Lobsang cùng với Thầy của ông, Đại Đức Lạt Ma Mingyar Dondup, đã đến thăm nơi mà công nghệ này được cất giấu và nhìn thấy tận mắt thiết bị tuyệt vời này. Công nghệ này vẫn đang chờ đợi những người có thể sử dụng nó cho lợi ích của nhân loại và thời gian đó đang đến gần.

5. Sống với vị Lạt Ma - (Living with the Lama – Lần đầu xuất bản năm 1964), cuốn sách được một trong những con mèo của Bác sĩ Rampa, Fifi Greywhiskers, đọc cho ông viết bằng ngoại cảm,. Loài vật không cảm như nhiều người nghĩ, chúng ta mới cảm so với tất cả các loài động vật. Tất cả các loài động vật đều có thể giao tiếp thông qua thần giao cách cảm, con người cũng có khả năng này nhưng đã bị ngăn chặn do bản chất xấu xa của họ. Fifi nói về cuộc sống của mình trước khi gặp Bác sĩ Rampa và những cuộc hành trình họ đã cùng bên nhau.

6. Bạn là mãi mãi - (You Forever – Lần đầu xuất bản năm 1965) là cuốn sách đầu tiên trong hai cuốn sách tự luyện tập siêu hình học. Cuối cùng, chân lý! Cuốn sách này giải thích bằng những thuật ngữ đơn giản rõ ràng làm thế nào để bắt đầu học một vài kỹ năng siêu hình và những điều có thể làm, những điều không được làm để đạt được mục tiêu đó. Các nội dung được nói tới gồm du hành bằng thể vía, thần giao cách cảm, thấu thị, hào quang và nhiều hơn nữa.

7. Trí tuệ người xưa - (Wisdom of the Ancients – Lần đầu xuất bản năm 1965) là cuốn sách thứ hai trong hai cuốn sách tự luyện tập siêu hình học. Trong cuốn sách này Lobsang giải thích ý nghĩa hoặc nhiều từ huyền bí theo một dạng dễ hiểu cho người phương Tây. Nhiều bài tập về thở, về đá, về chế độ ăn kiêng và tại sao bạn không nên tập thể dục.

8. Chiếc áo cà sa - (The Saffron Robe – Lần đầu xuất bản năm 1966) cuốn sách đưa ra nhìn sâu sắc hơn nữa vào cuộc sống của Bác sĩ Rampa trong Lạt ma viện với người Thầy cao quý của ông, Đại Đức Lạt Ma Mingyar Dondup. Nguồn gốc của Phật giáo, với những câu chuyện có thực về Thái tử Gautama, và làm thế nào Ngài trở thành Đức Phật với Tứ diệu đế.

9. Các chương của cuộc đời - (Chapters of Life – Lần đầu xuất bản năm 1967) Bác sĩ Lobsang nói về các chiều, về các thế giới song song và những lời tiên tri, cung cấp cho người đọc một sự hiểu biết sâu sắc hơn. Tác giả cũng trả lời các câu hỏi về tôn giáo nói chung và Kitô giáo nói riêng. Tôn giáo phục vụ một mục đích mà nhiều người bỏ qua khi chúng ta có thể thấy rõ xã hội và cộng đồng đang ngày càng mục nát.

10. Vượt lên chiều thứ mười - (Beyond the Tenth – Lần đầu xuất bản năm 1969) Cuốn sách gồm những câu hỏi và lời giải đáp đầu tiên này. Bác sĩ Rampa đưa ra lời tư vấn, giảng dạy để chăm sóc cho cơ thể vật chất và tinh thần của bạn, mục đích của cuộc sống, cái chết, tái sinh và UFO. Một vài liệu pháp thảo dược cho những căn bệnh thông thường. Bác sĩ Rampa cũng hướng dẫn cách bắt đầu cho những người thực sự muốn biết làm thế nào để nhìn thấy hình ảnh hào quang.

11. Nuôi dưỡng ngọn lửa - (Feeding the Flame – Lần đầu xuất bản năm 1971) mười cuốn sách đầu tiên đã cố gắng để thắp sáng ngọn nến, nhưng bây giờ chúng ta phải nuôi dưỡng ngọn lửa đó, ngọn lửa của cuộc đời. Nhiều câu trả lời cho những câu hỏi của người đọc. Bằng chứng xác thực về luân hồi bằng cách trích dẫn một ví dụ trong lịch sử và giải thích sự kiện đó một cách chi tiết.

12. Ẩn sĩ - (The Hermit – Lần đầu xuất bản năm 1971), Bác sĩ Lobsang gặp một ẩn sĩ mù để tiếp tục việc học của mình và phát hiện về những người đầu tiên sống trên trái đất, những người này được gọi là Người Làm Vườn của Trái Đất. Chúng ta không phải là hành tinh duy nhất có người ở trong thái dương hệ này mà cả trong bất kỳ hệ mặt trời và thiên hà nào khác. Một cái nhìn chân thực sâu sắc về nhà tiên tri Moses và Đức Chúa Giêsu Kitô.

13. Ngọn nến thứ mười ba - (The Thirteenth Candle – Lần đầu xuất bản năm 1972), cuốn sách kể thêm về hành trình trong cuộc đời của Bác sĩ Lobsang. Ông cũng trao đổi chi tiết về vấn đề đồng tính luyến ái, và cũng đưa vào ý kiến của một người đồng tính. Kỹ thuật thở và Chân Ngã được giải thích chi tiết hơn và một vài quan niệm sai lầm về Thầy hướng dẫn Tâm linh. Một lần nữa, ông lại đi sâu hơn vào cách du hành bằng thể vía.

14. Ánh sáng ngọn nến - (Candlelight – Lần đầu xuất bản năm 1973) trong cuốn sách này Bác sĩ Lobsang cho chúng ta biết về con lắc và làm thế nào để sử dụng chúng. Những biểu đồ hoàng đạo và chiêm tinh học. Ông cũng đưa vào nội dung một cuộc họp trước đó với báo chí – được người bạn thân của ông, ông Alain Stanke, sắp xếp. Trả lời các câu hỏi của người đọc và tập trung nhiều về bí ẩn của cuộc sống.

15. Hoàng hôn - (Twilight – Lần đầu xuất bản năm 1975) Lobsang giải thích việc du hành bằng thể vía và các cấp độ của nó. Ông chuyển đến ở Calgary và trả lời nhiều hơn về những bí ẩn của cuộc sống và bí ẩn lớn nhất của Trái đất rộng của chúng ta một cách chi tiết hơn. Bác sĩ Rampa giải thích sử dụng con lắc một cách

đúng đắn như thế nào, sức mạnh của lời cầu nguyện, hôn nhân và ly dị, phù thủy và sở hữu, và nhiều, nhiều vấn đề khác.

16. Như là đã xảy ra - (As it Was – Lần đầu xuất bản năm 1976) Cuốn sách này tiếp tục câu chuyện về cuộc đời của Bác sĩ Rampa, từ khi ông sống ở Tây Tạng đến những chuyến phiêu lưu trên toàn cầu. Cũng là CÂU CHUYỆN CÓ THẬT - trực tiếp từ phía bên kia - về cuộc đời của Cyril Henry Hoskins trước khi Bác sĩ Rampa mượn xác Cyril, để giải thích những nhận xét thô thiển rằng ông chỉ là một người thợ sửa ống nước.

17. Tôi tin - (I Believe – Lần đầu xuất bản năm 1977) trong cuốn sách này Bác sĩ Rampa nói về một người tự sát, chính xác những gì sẽ xảy ra, và họ sẽ phải trả như thế nào món nợ mà nó có thể trải dài qua nhiều kiếp sống – mỗi một lần điều kiện sẽ trở nên càng khó khăn hơn nếu họ không học hỏi từ những sai lầm của họ. Bất cứ ai dự tính tự tử nên đọc điều này trước khi hành động quyết liệt như vậy. Bên cạnh đó, ông cũng đưa ra cái nhìn về Thượng Đế từ những quan điểm khác nhau, về Phong trào Giải phóng Phụ nữ, nơi phụ nữ bắt đầu đi sai đường.

18. Ba đời sống - (Three Lives – Lần đầu xuất bản năm 1977), cuốn sách kể về những kiếp sống của ba người rất khác nhau và những gì họ cảm nhận được khi chết tùy theo niềm tin nơi họ. Chúng ta sẽ được dẫn theo từng con đường và thấy cuộc hành trình đưa họ đến đâu, cách tất cả chấm dứt tại cùng một nơi. Trước hết là một người vô thần, thứ hai là một Người Do Thái cải sang những giáo phái khác, cuối cùng một tu sĩ Thiên chúa giáo.

19. Nhà thông thái người Tây Tạng - (Tibetan Sage - Lần đầu xuất bản năm 1980) cuốn sách cuối cùng của Bác sĩ Rampa. Ông nhớ lại những trải nghiệm với Thầy của mình trong ngôi đền bên trong hang động của người xưa. Thế giới được bắt đầu như thế nào bởi vụ nổ lớn và Big Bang là gì. Giải thích thêm nó diễn ra như thế nào và các tác hại của dầu khí không phải là nhiên liệu hóa thạch. Đây là những lời cuối cùng của Bác sĩ Lobsang trước khi rời trái đất này để không bao giờ quay trở lại vào tháng 1 năm 1981, ở độ tuổi khoảng từ 271 và 306 tuổi.

LỜI NÓI ĐẦU

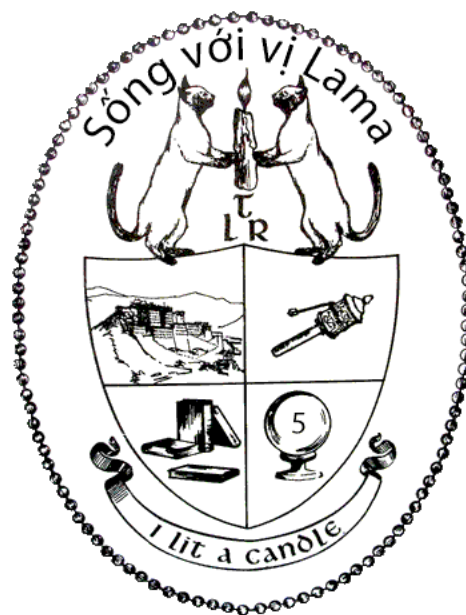
“Mày mất trí rồi Feef” vị Lạt ma nói. “Ai sẽ tin chú mày viết sách cơ chứ” Ông mỉm cười cúi xuống nhìn và vuốt ve cằm tôi theo cách mà tôi thích trước khi bước ra khỏi phòng đi công chuyện.

Tôi ngồi xuống suy ngẫm “Tại sao mình lại không thể viết sách” tôi nghĩ. Đúng vậy! Tôi là một chú mèo, nhưng đâu phải một chú mèo bình thường. Trời ạ! Tôi là một chú Mèo Xiêm, một kẻ đã đi đây đi đó và đã thấy rất nhiều. “THẤY!”, ồ, dĩ nhiên là giờ tôi đã bị mù và phải nhờ tới Lạt ma và bà Ku’ei miêu tả khung cảnh hiện tại, tuy vậy, tôi vẫn có ký ức!

Đúng là tôi đã già, rất già là đằng khác, và cũng không ít bệnh tật, nhưng đó chẳng phải là lý do thuyết phục để tôi viết ra giấy những sự kiện của đời mình khi còn có thể hay sao? Vậy nên đây là câu chuyện của tôi về Cuộc Sống với vị Lạt ma, những chuỗi ngày hạnh phúc nhất đời tôi, những ngày tươi sáng sau một quãng dài tăm tối.

Ký tên

(Cô mèo) Fifi Greywhiskers.



Thà thắp một ngọn nến còn hơn nguyện rửa bóng tối

Quốc huy được bao bọc bởi một chuỗi tràng hạt Tây Tạng gồm một trăm lẻ tám hạt tượng trưng cho một trăm lẻ tám cuốn sách của Đại Tạng Kinh Tây Tạng. Bên trong quốc huy mô tả hai con mèo Xiêm đứng trên hai chân sau và cầm một ngọn nến thắp sáng bằng hai chân trước. Ở phần trên bên trái của quốc huy mô tả cung điện Potala và ở phía trên bên phải, bạn có thể thấy một kinh luân Tây Tạng đang quay, như được thể hiện bởi trọng lượng nhỏ được nâng lên trên bánh xe. Ở phía dưới bên trái của quốc huy có những cuốn sách tượng trưng cho tài năng của nhà văn và kiến thức của tác giả, trong khi ở phía bên phải là một quả cầu pha lê tượng trưng cho các khoa học huyền bí.

Dưới quốc huy là phương châm của T. Lobsang Rampa: "Tôi thắp sáng một ngọn nến."

Với ý nghĩa : Thà thắp một ngọn nến còn hơn nguyên rửa bóng tối.

CHƯƠNG 1

Bà Mẹ Tương Lai lắc đầu “Tôi muốn một chú mèo Tôm”, bà hét lên “Một chú mèo Tôm khỏe đẹp” Tiếng gào thật khủng khiếp, Con người than vãn. Rồi sau đó, Bà Mẹ lại rất nổi tiếng vì tiếng kêu the thé đó. Với nhu cầu cấp thiết của bà, tất cả các trại mèo tốt nhất ở Paris đã bị lục tung để tìm cho được một chàng mèo Tôm giống Xiêm thuần chủng. Tiếng Mèo Mẹ càng lúc càng lớn và đình tai nhức óc. Và nó càng làm cho Con người quyết tâm hơn khi quay lại cuộc tìm kiếm.

Cuối cùng một ứng cử viên sáng giá được tìm thấy, anh ta và Mèo Mẹ được giới thiệu với nhau. Từ buổi gặp đó, sau một thời gian, tôi được sinh ra và chỉ riêng tôi là được phép sống, các anh chị em còn lại đều bị vứt xuống hồ.

Mẹ và tôi sống cùng một gia đình người Pháp, họ có một điền trang rộng lớn ở vùng ngoại ô Paris. Ông chủ là một nhà ngoại giao cấp cao, thường vào thành phố làm việc hầu hết các ngày trong tuần. Ông ấy thường không về nhà mỗi tối mà ở lại thành phố với nhân tình của mình. Bà chủ sống cùng chúng tôi, Bà Đại Sứ, là một phụ nữ cứng rắn, hẹp hòi, đầy bất mãn. Với bà ta, loài mèo chúng tôi không phải là “Người” (như đối với Lạt ma) mà chỉ là thứ đồ chơi để khoe mẽ tại các buổi tiệc trà.

Mẹ tôi có một vẻ ngoài lộng lẫy, với gương mặt đen tuyền và chiếc đuôi thẳng đứng. Bà đã thắng rất nhiều giải thưởng. Một ngày nọ trước khi tôi chính thức cai sữa, bà đã hát một bài với giọng lớn hơn thường lệ. Bà Đại Sứ nổi cơn tam bành và hét gọi người làm vườn. “Pierre” bà ta lớn tiếng, “Quảng nó ra hồ ngay, tôi không thể chịu nổi tiếng ồn này.” Pierre, một gã người Pháp nhỏ con với khuôn mặt xệ, không ưa chúng tôi chỉ vì chúng tôi thi thoảng giúp gã làm vườn bằng việc kiểm tra các rễ cây để xem chúng có đang phát triển hay không, vậy là ông ta quắp người mẹ xinh đẹp của tôi, nhét bà vào một bao tải khoai tây bẩn thỉu và xách đi. Đêm ấy, cô đơn và sợ hãi, tôi khóc đến thiếp đi trong một nhà kho lạnh lẽo nơi Bà Đại Sứ sẽ không bị quấy rầy bởi những lời than khóc của tôi.

Tôi trần trọc, xoay đi xoay lại trên chiếc giường lạnh lẽo làm từ các tờ báo cũ trên sàn bê tông. Cơn đói cồn cào quẩn lầy thân thể nhỏ bé và tôi tự hỏi mình sẽ xoay sở ra sao.

Khi những tia sáng bình minh đầu tiên miễn cưỡng len lỏi qua cửa sổ đầy mạng nhện của nhà kho, tôi run rẩy nghe những bước chân nặng nhọc đang tiến lại gần trên lối đi, ngập ngừng trước cửa rồi sau đó đẩy cửa tiến vào. “Ah” Tôi thở phào

nhẽ nhõm, “chỉ là bà quản gia Albertine thôi mà.” Vừa thở hổn hển, bà vừa từ từ cúi thân hình to lớn xuống mặt sàn, nhúng một ngón tay to tướng vào trong một bát sữa ấm và dịu dàng dỗ tôi uống.

Ngày qua ngày, tôi bước đi trong nỗi buồn u ám, tiếc thương người mẹ bị sát hại chỉ vì giọng hát tuyệt vời của bà. Những ngày ấy, tôi chẳng còn cảm thấy hơi ấm của mặt trời, cũng chẳng được vui mừng mỗi khi nghe âm thanh của tiếng kêu thân thuộc. Tôi đói khát và sống hoàn toàn nhờ vào lòng tốt của bà Albertine. Nếu không có bà, tôi chắc chắn đã chết đói vì tôi còn quá nhỏ và chưa thể tự ăn một mình.

Ngày kéo dài thành tuần. Tôi đã học được cách tự vệ, nhưng nỗi vất vả của những ngày chào đời đã khiến tôi có thể trạng yếu ớt. Điều trang rất rộng lớn và tôi thường tha thẩn, tránh xa con người cùng những bước chân vụng về của họ. Cây cối là niềm yêu thích của tôi, tôi trèo lên chúng, vươn người dọc theo những cành cây thân thiện và tắm mình dưới nắng. Cây cối thì thầm cùng tôi, nói cho tôi nghe về những ngày hạnh phúc sẽ đến khi cuộc đời tôi xế bóng. Tôi không hiểu điều đó nhưng tôi tin chúng và gìn giữ những lời ấy thậm chí trong những giờ phút đen tối nhất.

Một buổi sáng nọ tôi thức giấc với một ham muốn kỳ lạ. Tôi buột miệng thốt lên một vài câu hỏi, và thật xui xẻo, Bà Đại Sứ đã nghe thấy. “Pierre!”, bà ta gọi, “Tìm con mèo đi, bất kỳ là con nào cũng phải làm cho nó hết kêu.” Thế là trong ngày hôm đó, tôi bị bắt và ném một cách thô bạo vào trong một hộp gỗ. Trước khi tôi kịp hoàn hồn, thì một gã mèo già đáng ghét nhảy chồm lên lưng. Mẹ đã không có bất cứ cơ hội nào để kể cho tôi về “những thực tế của cuộc đời”, vì thế mà tôi chưa được chuẩn bị tinh thần cho những điều xảy đến. Gã mèo già nhảy lên lưng và tôi cảm thấy một cú sốc. Trong khoảnh khắc tôi nghĩ rằng một trong những Con người đã đá mình. Một cơn đau xẹt qua và có cảm giác cái gì đó bị rách. Tôi rú lên đau đớn, sợ hãi và cào cào gã mèo già; máu tứa ra từ một chiếc tai của gã, tiếng hét của gã xoáy vào tai tôi. Nhanh như chớp nắp hộp được mở và những đôi mắt tò mò ngó vào. Tôi nhanh chân nhảy ra ngoài, khi đã trốn thoát, tôi thấy gã mèo già gằm gừ nhảy bổ vào Pierre khiến ông ta té ngửa vào chân Bà Đại Sứ.

Ngang qua bãi cỏ, tôi tìm chỗ trú trên một cây táo thân thiện. Trèo lên những cành cây, tôi tìm đến một nhánh thân thuộc, nằm dài và thở hổn hển. Những chiếc lá xào xạc trong gió nhẹ nhàng vỗ về. Các nhánh cây đung đưa chậm chậm ru tôi vào giấc ngủ mệt mỏi.

Nguyên thời gian còn lại ngày hôm đó và cả đêm, tôi nằm trên nhánh cây, đói, sợ và phát ốm, tự hỏi tại sao con người lại tàn nhẫn và vô tâm với cảm xúc của các loài vật nhỏ bé, những sinh vật hoàn toàn phụ thuộc vào họ. Đêm lạnh, một cơn mưa phùn thổi từ thành phố Paris. Tôi ướt nhẹp và lạnh cóng nhưng quá sợ để leo xuống và tìm chỗ trú.

Ánh sáng lành lạnh của buổi sớm mai từ từ nhường chỗ cho ngày u ám đã qua. Những đám mây đen bao phủ bầu trời. Tỉnh thoảng có một vệt mưa thoáng qua. Vào khoảng giữa buổi sáng, một bóng dáng thân thuộc tiến lại từ hướng ngôi nhà. Bà Albertine nặng nề đi tới gần cái cây và nhìn lên. Tôi yếu ớt gọi, bà đưa tay ra đón tôi. “Ah! Fifi bé nhỏ tội nghiệp, nhanh nhanh lại đây. Ta có đồ ăn cho con đây.” Tôi trượt về phía sau, dọc theo các nhánh cây và từ từ xuống thân cây. Bà quỳ xuống thăm cỏ bên cạnh, vuốt ve khi tôi uống sữa và ăn mẩu thịt bà mang đến. Khi đã ăn xong, tôi rúc đầu vào người bà để tỏ lòng biết ơn, tôi biết rằng bà không nói ngôn ngữ của mèo và tôi thì không nói tiếng Pháp (mặc dù tôi hoàn toàn hiểu nó). Bà bế tôi lên, đặt trên đôi vai rộng của mình, đưa tôi vào nhà và mang tôi đến phòng của bà.

Tôi tròn mắt nhìn quay đầu ngạc nhiên và thích thú. Đây là một căn phòng hoàn toàn mới với tôi và những đồ nội thất này thật phù hợp cho việc mài giũa móng vuốt biết bao. Tôi vẫn còn nằm trên vai bà Albertine, bà di chuyển một cách nặng nề về phía chỗ ngồi rộng cạnh cửa sổ và nhìn ra ngoài. “Ah!” bà thốt lên, thở ra một cách nặng nhọc, “Thật đáng tiếc, một nơi đẹp thế này lại chứa đựng quá nhiều sự tàn nhẫn.” Bà đặt tôi vào lòng, nhìn tôi và nói, “Fifi nhỏ xinh tội nghiệp của ta, Bà Đại Sứ là một người đàn bà khó tính và tàn nhẫn, một kẻ trèo cao trên nấc thang danh vọng. Với bà ta, con chỉ là món đồ chơi để khoe mẽ. Nhưng với ta, con là tạo vật tuyệt vời của Thượng Đế. Nhưng con chẳng thể hiểu được điều ta nói đâu chú mèo nhỏ ạ!” Tôi kêu lên để cho thấy mình hiểu và liếm tay bà. Bà vỗ về tôi và nói, “Ôi! Những tình cảm này mà bỏ đi thật là uổng phí. Con sẽ là một bà mẹ tốt, Fifi bé nhỏ.”

Tôi cuộn người thoải mái trong lòng bà trong khi nhìn qua cửa sổ. Khung cảnh thật thú vị đến nỗi tôi nhồm dậy và áp mũi vào cửa kính để có tầm nhìn tốt hơn. Bà Albertine mỉm cười triu mến, tinh nghịch vuốt đuôi tôi, nhưng khung cảnh kia đã chiếm trọn sự chú ý của tôi. Bà quay người và xoay gối với một tiếng răng rắc. Chúng tôi cùng nhau nhìn ra ngoài cửa sổ, má kề má.

Bên dưới chúng tôi, bãi cỏ được chăm sóc kỹ lưỡng trông như một tấm thảm xanh mượt trải dưới chân một đại lộ những cây cỏ thụ sùng sững. Uốn cong nhẹ nhàng về bên trái là con đường màu xám mượt mà kéo dài đến tận phía xa nơi vắng vắng

tiếng inh ỏi ồn ào của xe cộ đến và đi từ Đại đô thị. Người bạn già của tôi, cây táo, đứng trơ trọi, thẳng tắp bên bờ của một hồ nước nhân tạo, bề mặt của nó phản chiếu bầu trời xám xịt trông như một lớp chì cũ óng ả. Quanh mép nước mọc lên một vạt sậy lúa thưa, hết như mái tóc lột thớt của ông Curé, người hay đến gặp ông “Le Duc” – chồng của Bà Đại Sứ.

Tôi lại nhìn vào hồ nước và nghĩ về bà mẹ tội nghiệp của mình, người đã kết thúc cuộc đời ở đó. “Và còn bao nhiêu chú mèo khác nữa?” Tôi tự hỏi. Bà Albertine bất chợt nhìn tôi và nói, “Sao vậy Fifi bé nhỏ, ta nghĩ con đang khóc, đúng rồi con đã ứa một giọt lệ. Đây là một thế giới tàn nhẫn, Fifi bé nhỏ, tàn nhẫn với tất cả chúng ta.” Đột nhiên, phía xa xa, những đốm đen nhỏ mà theo hiểu biết của tôi là xe hơi, rẽ vào lối đi, phóng nhanh đến ngôi nhà, dừng lại với tiếng rít của bánh xe và một làn bụi đằng sau. Một tiếng chuông vang lên nóng vội khiến lông tôi dựng ngược, đuôi xù hết lên. Bà già nhắc lên một thứ gì màu đen, mà tôi được biết là điện thoại, tiếng nói lạnh lạnh của Bà Đại Sứ vang lên một cách đầy tức tối: “Albertine, Albertine, tại sao bà không chú ý đến phận sự của mình? Tôi trả lương cho bà làm gì? Tôi đã quá nhân từ khi giữ bà ở đây. Đến đây ngay lập tức, chúng ta có khách. Đừng có lười biếng, Albertine!” Giọng nói im bặt và bà Albertine thở dài ngao ngán. “Ah! Cuộc chiến này khiến ta khổ thế đấy. Giờ ta phải làm việc mười sáu giờ mỗi ngày với đồng lương rẻ mạt. Con nằm nghỉ ở đây nhé Fifi bé nhỏ, đây là một hộp đất.” Bà lại thở dài, rồi vỗ về tôi lần nữa và đi ra khỏi phòng. Tôi nghe thấy tiếng cầu thang kéo kẹt dưới sức nặng của bà và sau đó – là im lặng.

Thềm đá bên dưới cửa sổ chật ních người. Bà Đại Sứ đang cúi chào cung kính đến mức tôi biết đó là những vị khách quan trọng. Những chiếc bàn con xuất hiện nhanh chóng như có phép màu, chúng được bao phủ bởi các tấm trải trắng (Tôi dùng báo – tờ Le Paris Soir – như khăn trải bàn của mình) và người hầu mang ra rất nhiều đồ ăn thức uống. Tôi vừa xoay người định cuộn tròn thì một suy nghĩ bất chợt khiến đuôi tôi dựng lên cảnh giác. Tôi đã xem nhẹ những cảnh báo căn bản, Tôi đã suýt quên mất điều đầu tiên mà Mẹ dạy “Con luôn luôn phải tìm hiểu một căn phòng mới, Fifi”, bà đã nói như thế. “Hãy kiểm tra từng góc ngách. Kiểm tra tất cả các lối thoát. Đề phòng những điều bất thường, ngoài dự tính. Không bao giờ, không bao giờ nghỉ ngơi cho đến khi con biết rõ căn phòng.”

Đầy hồi lỗi, tôi đứng dậy, đánh hơi trong không khí và suy nghĩ cách tiến hành. Tôi sẽ kiểm tra bức tường bên trái trước rồi đi vòng quanh. Thả người xuống sàn, tôi quan sát bên dưới ghế ngồi cạnh cửa sổ, đánh hơi bất kỳ điều gì bất thường. Xem xét cách bài trí, những bất lợi và thuận lợi. Giấy dán tường hình hoa lá đã phai màu. Những bông hoa vàng trên nền tím. Ghế cao, sạch không tì vết nhưng đệm ngồi hung đỏ đã bạc. Dưới ghế và bàn đều sạch sẽ không có mạng nhện.

Loài mèo, bạn biết đấy nhìn mọi vật từ phía dưới, không phải từ bên trên, nên con người sẽ bỏ qua những thứ từ điểm nhìn của chúng tôi.

Một cái tủ kéo cao đứng dựa vào tường và tôi tiến vào giữa căn phòng để suy tính cách leo lên đến nóc. Một tính toán nhanh đã cho tôi thấy rằng mình có thể nhảy từ một chiếc ghế lên đến chiếc bàn – Ôi! Nó thật trơn làm sao – và từ bàn nhảy lên nóc tủ. Tôi ngồi đó một lúc, liếm mặt, liếm tai trong khi quan sát mọi thứ. Tình cờ tôi liếc nhìn phía sau và suýt nữa té ngửa vì giật mình: một chú mèo Xiêm đang nhìn tôi – rõ ràng là tôi đã quấy rầy khi cô ấy đang chải chuốt. “Thật kỳ lạ” tôi nghĩ, “không ngờ lại thấy một chú mèo nữa ở đây.” Bà Albertine chắc hẳn đã giấu chuyện này. Tôi định đến chào hỏi nên tiến về phía cô ấy và hình như cô ấy cũng có cùng ý nghĩ khi tiến về phía tôi. Chúng tôi dừng lại ngay trước một cái giống cửa sổ ở giữa. “Thật đáng ngạc nhiên!” Tôi trầm ngâm, “Chuyện này là sao nhỉ?”. Đoán rằng đây chỉ là một trò đùa, tôi thận trọng đi vòng qua bên kia cửa sổ. Không có ai ở đó cả. Thật kinh ngạc cô ta sao chép mọi cử động của tôi. Cuối cùng thì tôi cũng nhận ra. Đây là một chiếc gương, một vật dụng lạ lùng mà Mẹ đã kể cho tôi. Tất nhiên đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó vì đây là lần đầu tiên tôi được vào trong nhà. Bà Đại Sứ rất khắt khe và mèo không được phép vào nhà trừ những khi bà ta muốn khoe chúng tôi – và tôi cho đến nay vẫn may mắn chưa bị làm xấu mặt theo kiểu đó.

“Dù sao thì” tôi lẩm bẩm, “mình phải tiếp tục cuộc điều tra. Cái gương có thể đợi.” Ngang qua căn phòng tôi nhìn thấy một cái khung kim loại lớn với các núm bằng đồng ở mỗi góc, và toàn bộ không gian ở giữa các núm đồng được trải bằng vải. Tôi vội vàng nhảy xuống bàn – trượt một chút trên lớp sơn bóng – và nhảy thẳng vào cái khung kim loại bọc vải kia. Tôi đáp lên ngay giữa và thật kinh khủng, nó ném tôi lên không trung! Khi đáp xuống lần nữa, tôi bắt đầu chạy trong khi quyết định điều phải làm tiếp theo.

Tôi ngồi một lúc vào giữa tấm thảm màu đỏ và xanh với thiết kế “xoắn ốc”, dù sạch không tì vết, chiếc thảm này chắc chắn đã có một quá khứ tốt hơn ở một nơi khác. Nó có vẻ thích hợp cho việc mài vuốt, vì thế tôi cào nhẹ vài cái, việc này dường như giúp tôi suy nghĩ rõ ràng hơn. Tất nhiên rồi! Cái khung khổng lồ kia là một chiếc giường. Giường của tôi là những mẫu báo cũ trên nền bê tông của một nhà kho; còn Bà Albertine có một vài tấm vải cũ trải lên một khung sắt. Reo lên hài lòng vì đã giải mã được bí ẩn, tôi tiến về phía nó và xem xét bên dưới với vô vàn thích thú. Những chiếc lò xo lớn được bao phủ bởi cái rõ ràng là một cái bao tải khổng lồ gánh trọng lượng của hàng đồng vải chất chồng lên nó. Tôi có thể phân biệt rõ ràng nơi cơ thể nặng nề của bà Albertine làm biến dạng một vài cái lò xo và khiến chúng bị chùng xuống.

Với tinh thần nghiên cứu khoa học, tôi chọc vào góc treo vật liệu hoa văn sọc phía xa gần bức tường. Trước sự kinh hoàng tột độ của tôi, lông vũ bay ra tung tóe. “Tuyệt cú mèo!” Tôi kêu lên, “Bà ấy giữ những chú chim đã chết ở đây. Bảo sao bà ấy mập như vậy – bà ấy chắc hẳn đã ăn chúng vào ban đêm.” Tôi đánh hơi thêm một vài lần xung quanh, và thế là tôi đã tìm hiểu tất cả mọi thứ về chiếc giường.

Nhìn quanh và tự hỏi nơi mình sẽ khám phá tiếp theo, tôi thấy một cái cửa đang để hé. Sau vài bước nhẩy, tôi thận trọng cúi người bên một cột cửa và rướn người về phía trước để ghé một con mắt ra quan sát. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, quang cảnh thật kỳ lạ đến mức tôi không thể hiểu được những gì mình đang thấy. Những thứ sáng bóng trên sàn với hoa văn đen trắng. Tựa vào một bức tường là một cái máng ngựa khổng lồ (tôi biết chúng vì người ta đặt chúng ở gần chuồng ngựa!), trong khi tại một bức tường khác, trên một bệ gỗ, là chiếc cốc sứ lớn nhất mà tôi có thể tưởng tượng. Nó nằm trên bệ gỗ, có một cái nắp bằng gỗ màu trắng. Mắt tôi càng lúc càng mở to đến nỗi tôi phải ngồi lại gãi tai và suy xét kỹ lưỡng, tự hỏi ai sẽ uống nước trong một thứ như thế.

Vừa hay nghe thấy tiếng bà Albertine leo lên cầu thang kéo kẹt, tôi chẳng kịp dừng lại để kiểm tra xem bộ lông có được chải chuốt gọn gàng, mà lao nhanh ra cửa để chào bà. Trước những tiếng kêu hạnh phúc của tôi, bà cười rạng rỡ nói, “Ah! Fifi bé bỏng của ta, ta đã lấy được những món ngon nhất trên bàn cho con đây. Kem và phần chân ếch ngon nhất, chúng là của con. Mấy con heo đó còn đang nhồi nhét, khiếp thật! Chúng làm ta phát ốm!” Bà khom người và đặt đồ ăn xuống – trên những cái đĩa thật! – ngay trước mặt tôi. Nhưng tôi chưa muốn ăn, tôi phải nói với bà rằng tôi yêu bà đến nhường nào. Tôi kêu meo meo khi bà ôm tôi vào thân hình đồ sộ của bà.

Đêm đó, tôi ngủ dưới chân giường của bà Albertine. Rúc người vào chiếc mền lớn, tôi chưa bao giờ cảm thấy thoải mái đến thế kể từ khi tôi bị tách khỏi mẹ. Việc học hỏi của tôi lại tiếp tục; tôi đã khám phá ra mục đích của cái “máng ngựa”, cái mà với sự thiếu hiểu biết của mình, tôi đã nghĩ là một chiếc cốc sứ khổng lồ. Nó khiến tôi đỏ bừng mặt khi nghĩ về việc mình đã ngốc thế nào.

Sáng hôm sau, bà Albertine thay quần áo và xuống lầu. Có nhiều âm thanh náo động và nhiều giọng nói lớn. Từ cửa sổ, tôi nhìn thấy Gaston, người tài xế, đang đánh bóng chiếc xe hơi lớn hiệu Renault. Sau đó ông ta biến mất và quay trở lại trong bộ đồng phục đẹp nhất của mình. Ông ta lái xe đến trước cửa rồi người hầu chất đầy khoang hành lý với rất nhiều thùng và túi đồ. Tôi cúi xuống thấp hơn, “Quý ông le Duc” và Bà Đại Sứ bước lên xe, và Gaston lái xe đưa họ xuống đại lộ.

Những âm thanh bên dưới càng lúc càng lớn, nhưng lần này là những âm thanh vui mừng. Bà Albertine thở hổn hển bước lên những bậc thang cọt kẹt, gương mặt bà ửng hồng vì rượu và mừng rỡ. “Họ đi rồi, Fifi bé bỏng.”, bà reo lên cứ như thể nghĩ rằng tôi bị điếc, “Họ đã đi rồi – trong cả một tuần chúng ta sẽ thoát khỏi sự đầy đọa của họ. Giờ ta có thể vui vẻ rồi! Bà bế tôi và mang tôi xuống lầu nơi một bữa tiệc đang diễn ra. Đám người hầu bây giờ đều đang rất vui vẻ, và tôi cũng cảm thấy vô cùng tự hào về việc bà Albertine đang bế mình mặc dù e ngại rằng cân nặng gần 2 ký của tôi sẽ làm bà mỏi.

Suốt một tuần chúng tôi hỉ hả cùng nhau và vào cuối tuần thì dọn dẹp lại nhà cửa và khoác lên mình biểu cảm đau khổ nhất trong khi chuẩn bị cho sự trở về của Bà Đại Sứ và chồng bà ta. Chúng tôi không bận tâm về ông chủ chút nào, ông thường đi đi lại lại và mân mê Huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh trên ve áo của mình. Dù gì thì ông ấy chỉ luôn nghĩ về việc “Phụng sự” Quốc Gia, không phải về những người hầu và những con mèo. Bà Đại Sứ mới là rắc rối, bà ta thật sự là một người đàn bà chua ngoa, và chúng tôi cảm thấy như vừa được khoan hồng thoát khỏi án tử khi nghe tin vào hôm thứ bảy, rằng họ sẽ đi xa thêm một hoặc hai tuần nữa vì họ đang gặp gỡ “Những người quan trọng”.

Thời gian trôi nhanh. Vào các buổi sáng tôi sẽ phụ giúp những người làm vườn bằng cách đào xới một hai cái cây để kiểm tra xem rễ của chúng có phát triển tốt hay không. Vào buổi chiều tôi sẽ nghỉ ngơi trên một nhánh táo dễ chịu, mơ mộng về một khí hậu ấm áp hơn, về những ngôi đền cổ kính nơi các thầy tu mặc áo cà sa di chuyển lặng lẽ xung quanh, thực hiện các lễ nghi tôn giáo của họ. Và rồi tôi sẽ chợt tỉnh giấc vì âm thanh của những chiếc máy bay Không quân Pháp đang gầm rú điên cuồng trên bầu trời.

Tôi đang dần trở nên nặng nề hơn và mèo con đã bắt đầu động đậy trong bụng. Di chuyển không hề dễ dàng nên tôi phải nhấc từng bước. Trong vài ngày trước, tôi đã có thói quen đi đến kho sữa để xem sữa bò được cho vào một cái gì đó xoay tròn và chảy ra hai dòng, một là sữa và một là kem. Tôi ngồi trên kệ thấp tránh lối đi của mọi người. Cô hầu gái sẽ nói chuyện với tôi và tôi sẽ đáp lời.

Một buổi tối nọ tôi đang ngồi trên kệ, cách một thùng sữa đầy áp khoảng hai mét. Cô hầu gái đang kể cho tôi nghe về bạn trai gần nhất của cô và tôi đang trả lời cô, trấn an cô rằng mối quan hệ của họ sẽ tốt đẹp. Thành linh có một tiếng rít đinh tai nhức óc, giống như tiếng của một con mèo bị giẫm vào đuôi. Bà Đại Sứ xông vào kho sữa và thét, “Tao đã bảo là không được cho mèo vào đây, mày định đầu độc chúng tao đấy à!” Bà ta chộp lấy thứ đầu tiên trong tầm tay, một cái cân đồng và ném hết sức bình sinh vào tôi. Nó đập trúng sườn của tôi một cách dữ dội, làm

tôi ngã văng vào thùng sữa. Cơn đau thật khủng khiếp. Tôi khó có thể bơi để giữ cho mình không chìm. Tôi cảm thấy bên trong tôi đang ứa ra. Sàn nhà rung chuyển dưới những bước chân nặng nề, bà Albertine xuất hiện. Nhanh chóng lật thùng sữa, bà đổ chỗ sữa lẫn máu ra ngoài. Bà nhẹ nhàng đặt tay lên tôi, “Gọi bác sĩ thú y ngay,” bà ra lệnh. Tôi ngất lịm.

Tôi thức dậy thì thấy mình đang ở trong phòng ngủ của bà Albertine, trong chiếc hộp lót ấm áp. Ba chiếc xương sườn bị gãy và tôi đã mất đám mèo con của mình. Lúc đó, tôi thực sự ốm yếu. Bác sĩ thú y đến thăm khám thường xuyên và ông ấy đã nói với Bà Đại Sứ những lời răn đe nghiêm khắc. “Quá tàn nhẫn. tàn nhẫn không cần thiết” “Những người xung quanh sẽ không thích điều này. Thiên hạ sẽ nói rằng bà là một người độc ác. Những người hầu đã kể cho tôi. Cô mèo mẹ bé nhỏ này rất sạch sẽ và RẤT đáng yêu. Không, Bà Đại Sứ, bà thật sự không nên làm như thế.”

Bà Albertine làm ướt môi tôi bằng nước, vì tôi sẽ tái nhợt khi nghĩ đến sữa. Ngày qua ngày bà cố dỗ tôi ăn. Bác sĩ thú y nói, “Thật là vô vọng, nó sẽ chết, nó sẽ không thể sống thêm ngày nào nếu không có thức ăn.” Tôi rơi vào hôn mê. Ở đâu đó tôi nghe thấy tiếng thì thầm và xào xạc của những tán cây, “Mèo con bé bóng”, cây táo gọi, “Mèo con bé bóng, đây chưa phải là kết thúc. Cô có nhớ điều tôi đã nói với cô không, mèo con bé nhỏ.” Những âm thanh xa lạ ù ù trong đầu. Tôi thấy một tia sáng màu vàng rực rỡ, thấy những khung cảnh kỳ diệu và ngửi thấy niềm vui của Thiên đàng. “Mèo con bé nhỏ”, những cái cây thì thầm, “Đây chưa phải là kết thúc. Hãy ăn và sống. Ăn và sống. Đây chưa phải là kết thúc. Cô có mục tiêu trong đời, cô mèo bé bóng. Cô sẽ kết thúc cuộc đời trong niềm vui, khi đã già cả. Không phải bây giờ. Đây không phải là kết thúc.”

Tôi mệt mỏi mở mắt và ngẩng đầu lên nhẹ nhàng, Bà Albertine nước mắt đầm đìa quỳ bên cạnh, tay cầm vài miếng thịt gà thái mỏng. Bác sĩ thú y đứng cạnh chiếc bàn cầm ống tiêm đang lấy thuốc từ một cái chai. Mệt mỏi tôi cố đớp một miếng thịt gà, ngậm trong miệng một lúc rồi mới nuốt “Một phép màu! Ôi, một phép màu!”. Bà Albertine thốt lên.

Bác sĩ thú y quay lại, há miệng ngạc nhiên, đặt ống tiêm xuống và đi lại phía tôi “Đúng như bà nói, quả là một phép màu!” ông ta nhấn mạnh. “tôi đang định lấy thuốc để thực hiện ân huệ cuối cùng giúp nó không chịu đựng thêm đau đớn nào nữa”. Tôi mỉm cười nhìn họ, cố gắng gừ lên ba tiếng- đó là tất cả những gì tôi có thể làm. Rồi tôi lại chìm vào giấc ngủ, trong lúc nghe tiếng bác sĩ thú y nói “Nó sẽ hồi phục”.

Suốt một tuần tôi ở trong tình trạng thật tệ, tôi không thể thở mạnh và chỉ có thể đi lại vài bước. Bà Albertine đã đặt hộp cát của tôi ở rất gần, vì Mẹ đã dạy tôi phải hết sức gọn gàng trong sinh hoạt của mình. Khoảng một tuần sau, Bà Albertine mang tôi xuống lầu. Bà Đại Sứ đứng trực trước cửa phòng nhìn chăm chăm vào tôi, tỏ vẻ không đồng ý. “Nó phải được đưa đến nhà kho, Albertine”, Bà Albertine nói “Xin Bà đó, thưa Bà!”, “Nó chưa khỏe hẳn và nếu nó bị đối xử không tốt, tôi và các người hầu khác sẽ bỏ việc”. Với một cái khịt mũi và một cái nhìn bất mãn, Bà Đại Sứ quay lưng bước trở vào phòng. Trong bếp, bên dưới cầu thang, vài người phụ nữ lớn tuổi đến nói chuyện với tôi và bảo rằng họ rất vui mừng khi thấy tôi khá hơn. Bà Albertine đặt tôi nhẹ nhàng xuống sàn nhà để tôi có thể đi lại và đọc tất cả các tin tức về mọi việc và mọi người. Tôi sớm cảm thấy mệt vì vẫn còn chưa khỏe hẳn, tôi đi đến chỗ Bà Albertine, nhìn Bà và nói tôi muốn đi ngủ. Bà bế tôi, mang tôi trở lại lên tầng. Tôi đã quá mệt đến nỗi chìm vào giấc ngủ trước cả khi Bà đặt tôi vào giường.

CHƯƠNG 2

Sau nhiều biến cố, người ta thường tinh tường hơn. Việc viết sách cũng giúp ôn lại chút ký ức. Qua nhiều năm khó khăn, tôi thường nghĩ đến lời của Cây Táo Già: ‘Này Mèo con, đây chưa phải là kết thúc. Cô có lý do để sống tiếp.’ Ngày ấy, tôi chỉ cho đây là lời an ủi để giúp mình phần chần chừ hơn. Nhưng giờ đây tôi biết rõ. Giờ đây – vào lúc cuộc đời đã xế bóng – tôi có rất nhiều hạnh phúc; chỉ cần vắng mặt một lúc là tôi sẽ nghe thấy tiếng gọi “Feef đâu rồi? Nó có sao không?”, khi ấy tôi biết mình thực sự được yêu thương vì chính tôi, chứ không phải vì vẻ bề ngoài. Nhưng thời còn trẻ, mọi sự rất khác; tôi chỉ là món đồ trưng bày, hay như một vài người tân thời thường nói – một món đồ để gọi chuyện. Hay như người Mỹ thường gọi thì là một món đồ làm cảnh.

Bà Đại Sứ có hai nỗi ám ảnh. Bà ta bị chi phối bởi ý tưởng phải trèo cao, thật cao trong nấc thang danh vọng ở Pháp, và việc mang tôi ra khoe với thiên hạ như một món trang sức giúp ích cho sự thành công đó. Tôi đã rất bất ngờ với điều này, bởi bà ta ghét mèo (trừ khi ở trước mặt thiên hạ), còn tôi thì không được phép vào trong nhà trừ những lúc có khách đến thăm. Ký ức về buổi “khoe mẽ” đầu tiên còn hiện rõ mồn một trong đầu.

Nằm trong vườn vào một ngày nắng ấm, tôi mãi mê quan sát những bông hoa và những chú ong đang mang rải phấn hoa trên chân của chúng một lúc lâu. Tiếp đó tôi xem xét gốc của một cây dương. Chú chó nhà hàng xóm vừa ở đấy lúc nãy và

để lại một thông điệp mà tôi muốn giải mã. Chốc chốc nhìn liếc qua vai để đảm bảo mọi thứ đã an toàn, tôi chăm chú phân tích thông điệp. Tôi dần trở nên tập trung hơn và quên bằng những sự kiện quanh mình. Ấy rồi, một bàn tay thô ráp túm lấy tôi, kéo tôi ra khỏi việc nghiên cứu thông điệp của chú chó. ‘Psst!’ tôi khè và búng người thoát ra. Nhanh như chớp, tôi trèo lên một thân cây và nhìn xuống. “Chạy trước rồi mới ngoái lại,” Mẹ đã dạy như thế, “Thà cắm đầu chạy một mạch còn hơn là dừng lại để rồi không còn có cơ hội chạy nữa.’

Tôi cúi xuống nhìn. Gã làm vườn Pierre đang ôm mũi. Một giọt máu đỏ chảy qua kẽ tay hắn ta. Nhìn lên với ánh mắt đầy căm phẫn, hắn ta cúi người nhặt một hòn đá rồi ném thật mạnh. Tôi núp vào thân cây né, dẫu thế, sức rung khi hòn đá đập vào thân cây cũng suýt nữa làm tôi ngã. Hắn vừa chực cúi người nhặt một hòn đá nữa thì từ bụi cây sau lưng, bà Albertine, nhẹ nhàng dẫm lên nền đất rêu phong tiến tới. Lặng thinh liếc nhìn toàn cảnh, bà nhanh chân đạp mạnh về phía trước, gã Pierre ngã đập mặt xuống đất. Bà nắm cổ áo và lôi gã ta dậy. Lay thật mạnh gã đàn ông nhỏ bé, bà xoay gã ta một vòng. “Anh mà làm con mèo đó bị thương thì sẽ biết tay tôi! Bà Đại sứ kêu anh đi tìm nó, chứ không phải làm hại nó, đồ ngốc.”

“Con mèo nhảy khỏi người tôi khiến tôi va vào cây chảy máu mũi”, Pierre lí nhí, “tôi đau quá nên mới nổi nóng.” Bà Albertine nhún vai rồi xoay về phía tôi. “Fifi, Fifi, ra với bà nào”, bà gọi.

“Con đến đây”, tôi kêu trả lời rồi ôm thân cây tuột xuống.

“Con phải ngoan né Fifi bé bỏng,” bà Albertine nói, “Phu nhân muốn khoe con với khách khứa.”

Từ “phu nhân” luôn làm tôi thắc mắc. Ngài Đại sứ có nhân tình ở Paris, vậy thì làm sao bà Đại sứ lại là phu nhân được chứ. Dẫu sao, tôi nghĩ, nếu họ muốn gọi bà ta là “Phu nhân” thì cũng chẳng việc gì đến tôi! Những người này thật kỳ lạ và vô lý hết sức.

Chúng tôi đi cùng nhau dọc bãi cỏ, bà Albertine ẵm tôi để giữ cho chân tôi sạch sẽ khi gặp khách khứa. Vừa bước lên bậc đá rộng phía bên kia ban công, tôi thấy một con chuột đang nhanh nhẩu rúc vào một cái hố cạnh bụi cây. Qua cánh cửa mở của phòng khách, tôi thấy một đám đông đang ngồi tán chuyện như một bầy chim sáo. “Tôi đã mang Fifi về đây thưa bà!” bà Albertine nói.

“Phu nhân” nhẩy căng lên và giật lấy tôi từ tay người bạn của tôi. “Ôi mèo cưng Fifi của ta!” bà ta reo lên và xoay người nhanh đến mức làm tôi chóng mặt. Đám đàn bà đứng lên và kéo lại gần, reo lên những tiếng cảm thán đầy thích thú. Mèo Xiêm rất hiếm ở Pháp ngày ấy. Ngay cả cánh đàn ông cũng phải kéo đến ngó nhìn một cái. Khuôn mặt đen với thân hình trắng và chiếc đuôi đen của tôi có vẻ rất thú vị với họ. “Hiếm nhất trong các giống hiếm đây”, bà chủ nói, “thuần chủng hoàn toàn, đáng giá cả gia tài đây. Tôi cưng nó lắm, tôi nào tôi cũng cho nó ngủ cạnh.” Tôi lên tiếng phản đối, mọi người lập tức e dè lùi lại. “Nó chỉ đang nói chuyện thôi mà,” bà Albertine giải thích, bà đã được hạ lệnh phải ở tại Phòng khách trong trường hợp có sự cố xảy ra. Và cũng như tôi, bà Albertine ngạc nhiên ra mặt khi nghe những lời điêu ngoa từ miệng Bà chủ. “Ôi, Renée, khi nào đi Mỹ chị cũng phải mang nó theo đây, các quý bà người Mỹ chắc chắn sẽ giúp sự nghiệp chồng chị thăng tiến nếu họ thích chị và con mèo của chị đủ gây chú ý”. Bà chủ mím chặt đôi môi mỏng đến độ không còn thấy nữa. “Mang nó theo à?”, bà ta hỏi lại, “Tôi biết làm cách nào cơ chứ? Nó có thể gây ra rất nhiều phiền toái và lúc đó mang nó trở lại mới thật khó.”

Bà chủ gật đầu và trả lời, “VẬY THÌ, Antoinette, cho tôi địa chỉ đi.” “Nonsense, Renée, I am surprised at you,” replied her friend. “I know a vet who can give you a drug to put her to sleep for the whole air trip. You can have her go in a padded box as diplomatic luggage.” The Mistress nodded her head, “Yes, Antoinette, I will have that address, please,” she answered. Tôi còn phải ở lại Phòng khách thêm một lúc lâu nữa để người ta chiêm ngưỡng, cảm thán về những chiếc chân dài, và bàn luận về cái đuôi đen của tôi. “Tôi nghĩ tất cả những giống mèo Xiêm tốt nhất đều có đuôi quăn,” một người nói. “Ồ không”, Bà chủ xen vào, “mèo Xiêm có đuôi quăn không phải một bây giờ. Đuôi càng thẳng thì mèo càng quý. Sắp tới chúng tôi sẽ đem nó đi phối giống và sẽ có mèo con.”

Bà Albertine cuối cùng cũng được rời Phòng khách. “Phù!” bà thở phào “Ta thà chơi với loài bốn chân còn hơn phải ở cùng cái giống hai chân ấy”. Nhanh chóng liếc nhìn xung quanh, tôi chưa thấy mèo hai chân bao giờ và thật sự không thể tưởng tượng được họ sẽ xoay xử thế nào. Chẳng có gì phía sau tôi ngoại trừ cánh cửa đóng, tôi lắc đầu rồi bước đi bên cạnh bà Albertine.

Bóng đêm dần buông xuống và một cơn mưa nhẹ khẽ tạt vào cửa sổ khi tiếng chuông điện thoại trong phòng bà Albertine vang lên khô khốc. Bà nhào người nhắc máy và giọng the thé của Bà chủ xé nát sự yên tĩnh. “Albertine, con mèo có trong phòng không?” “Có thưa bà, nhưng nó chưa khoẻ.” Bà Albertine đáp. Giọng Bà chủ tăng thêm một tông “Tôi đã nói với bà rồi, Albertine, tôi sẽ không cho nó

ở trong nhà trừ khi có khách. Mang nó ra nhà ngoài ngay lập tức. Tôi đang tự hỏi liệu mình có đang quá tử tế khi giữ một người vô dụng như bà!”

Bà Albertine miễn cưỡng khoác một chiếc áo len dày, chật vật mặc áo mưa và quấn thêm một chiếc khăn choàng quanh cổ. Bà nhắc tôi lên, đặt vào một chiếc khăn rồi đưa tôi xuống lối cầu thang phía sau. Ngừng lại ở sảnh của Gia Nhân để lấy một chiếc đèn rọi, bà tiếp tục đi ra cửa. Một cơn gió buốt hắt vào mặt chúng tôi. Những vệt mây hồi hải trôi trên bầu trời đêm. Trên một cây dương cao, một con cú kêu lên phẫn nộ vì sự xuất hiện của chúng tôi đã dọa con chuột mà nó đang săn chạy mất. Những cành cây ướt sũng rẫy từng đợt nước lên người. Lối đi trơn trượt và khó thấy trong bóng đêm. Bà Albertine cẩn trọng bước theo ánh sáng yếu ớt của chiếc đèn, lẩm bẩm nói xấu bà Đại Sứ và những thói ngang ngược của bà ta.

Bóng đen của nhà kho dẹt thêm một vệt trên nền tối của những cái cây trước mặt. Bà mở cửa bước vào. Có tiếng đổ vỡ, có vẻ như một chậu cây nào đó, bị quệt bởi bộ đồ công kênh của bà, rơi xuống đất. Dù đã cố hết sức, đuôi của tôi vẫn dựng ngược vì sợ và một luồng điện chạy dọc sống lưng. Khua đèn theo hình vòng cung trước mặt, bà Albertine đi sâu vào nhà kho đến chỗ một chồng báo cũ, nơi sẽ là chiếc giường của tôi. “Mình ước gì mục đàn bà đó cũng bị nhốt vào một chỗ như thế này,” bà lẩm bẩm một mình. “cho mục ta bớt cái tính kênh kiệu.” Nhẹ nhàng đặt tôi xuống, bà lấy sẵn nước cho tôi – bởi vì tôi không đời nào uống sữa mà chỉ uống nước trắng thôi – và đặt thêm vài mẫu đùi ếch bên cạnh. Xoa nhẹ đầu tôi, bà từ từ lùi ra và đóng cửa lại. Tiếng bước chân nhỏ dần, chìm ngấm trong tiếng gió rít và tiếng mưa dội xuống mái tôn.

Tôi chẳng ưa gì cái nhà kho này. Con người thường bỏ quên tôi và tôi không thể đi ra ngoài cho đến khi cửa được mở. Tôi thường bị nhốt ở đây có khi đến 2,3 ngày không có thức ăn và nước uống. Kêu gào cũng chẳng ích gì vì nhà kho quá xa nhà chính, thọt lỏm trong một bụi cây cách xa hàng sau lưng của tất cả các toà nhà khác. Tôi chỉ nằm đó trong cơn đói, càng lúc càng trở nên kiệt quệ, chờ đợi ai đó trong nhà chính nhớ đến mình và đi tìm.

Mọi thứ so với hiện tại hoàn toàn khác; ở đây tôi được đối xử như con người. Từ chỗ gần chết đói, giờ đây tôi được cho ăn cho uống đầy đủ, được ngủ trong phòng trên chiếc giường của riêng mình. Nhìn lại suốt chừng đó năm, quá khứ như một chuyến hành trình dài xuyên đêm và tôi bây giờ đã thoát ra, tìm thấy sự ấm áp của ánh mặt trời và tình yêu thương. Trong quá khứ, tôi luôn phải cảnh giác mỗi khi nghe những tiếng bước chân nặng nề. Giờ đây mọi người luôn săn sóc tôi. Đồ nội thất không bao giờ bị dịch chuyển trừ khi tôi đã biết về vị trí mới của chúng,

bởi tôi đã mù và quá già để có thể tự chống đỡ cho bản thân. Ngài Lạt Ma nói, tôi là một bà lão được yêu mến, đang an hưởng tuổi già với niềm vui và sự thanh thản. Khi viết ra những lời này, tôi đang nằm dài trên một chiếc ghế, dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời.

Nhưng quay trở lại với câu chuyện, những ngày Tối Tâm vẫn đang bao trùm lấy tôi và ánh dương chưa phá xuyên cơn bão này.

Một ngày, tôi nhận thấy bên trong mình có một vài sự khuấy động lạ lùng. Không biết chắc nó là gì, tôi chỉ khẽ cất một bài hát. Đi đi lại lại, tôi thấy mình tìm kiếm điều gì đó. Sự khuấy động trong tôi rất mơ hồ nhưng cấp bách. Ngồi bên cạnh một cửa sổ đang mở – mà không dám đi vào – tôi nghe tiếng bà Đại sư đang nói trên điện thoại. “Đúng rồi, nó đang gào đực đấy. Tôi sẽ gửi nó đi ngay và ngày mai sẽ lấy về. Đúng vậy, tôi muốn bán mèo con càng sớm càng tốt.” Một lúc sau, Gaston đi đến, bắt tôi bỏ vào một chiếc hộp gỗ ngọt ngào có nắp đóng chặt. Mùi của chiếc hộp, dù khá ngọt ngào, nhưng rất thú vị. Nó đã được dùng để đựng đồ tạp hoá. Đùi ếch và ốc sên. Thịt sống và rau xanh. Tôi thích thú tìm hiểu đến nỗi chẳng hay biết Gaston đã nhấc chiếc hộp đi và mang tôi đến ga-ra từ bao giờ. Chiếc hộp được đặt trên nền bê-tông một lúc lâu. Mùi dầu nhớt và xăng khiến tôi nôn nao. Cuối cùng, Gaston cũng trở lại ga-ra, mở cổng chính và nổ máy chiếc xe hơi thứ hai của chúng tôi, một chiếc Citroen cũ kỹ. Vứt cái hộp chứa tôi một cách thô bạo vào trong cốp, hấn ta lên xe và lái đi. Chuyển đi thật kinh khủng, hấn ta cua thật nhanh, khiến chiếc hộp văng đập vào thùng xe. Cứ mỗi khúc cua việc đó lại lặp lại. Tối tăm dày đặc, khói từ động cơ làm tôi kiệt sức vì ngạt thở và ho, tưởng chừng chuyển đi này không bao giờ kết thúc.

Chiếc xe quay ngoắt, có tiếng bánh cao su phanh kin kít, rồi một cú giật mạnh khiến chiếc hộp của tôi nhào ngược. Tôi trượt trúng một đầu sắc, và mũi chảy máu. Chiếc Citroen dừng lại, ngay sau đó tôi nghe thấy những giọng nói. Thùng xe được mở ra, một sự im lặng trong phút chốc, rồi một giọng nói lạ cất lên “Nhìn kìa, máu!”. Chiếc hộp được nhấc lên, tôi thấy quay cuồng như ai đó đang mang nó đi. Lên vài bậc, bóng tối phả vào khe nứt của chiếc hộp, tôi đoán mình đang ở trong một ngôi nhà hoặc một nhà kho. Cánh cửa đóng sập lại, tôi bị nhấc bổng và đặt lên trên một chiếc bàn.

Tiếng tay sọt soạt bên ngoài chiếc hộp, rồi nắp hộp bật mở. Tôi loá mắt vì ánh sáng bất ngờ. “Tội nghiệp chú mèo nhỏ!” một giọng phụ nữ cất lên. Thò tay vào trong hộp, bà luồn xuống dưới bụng tôi và nhấc tôi ra. Tôi cảm thấy nôn nao mệt mỏi, quay cuồng vì mùi dầu máy, choáng váng vì chuyển đi bão táp, và mũi đang chảy khá nhiều máu. Gaston đứng đực, mặt trắng bệch sợ hãi. “Tôi sẽ gọi cho bà

Đại Sứ,” một giọng đàn ông nói. “Xin đừng làm tôi mất việc,” Gaston van xin, “Tôi đã lái rất cẩn thận.” Người đàn ông nhắc điện thoại trong lúc người phụ nữ lau vết máu trên mũi tôi. “Bà Đại Sứ,” ông ta nói, “chú mèo của bà bị ốm rồi, nó không được ăn uống đầy đủ và chuyến đi này đã làm nó sang chấn. Bà sẽ làm chết nó, thưa bà, trừ khi bà chăm sóc nó tử tế hơn.”

“Ôi trời,” bà Đại sứ đáp lời, “một con mèo mà bao nhiêu phiền phức. Nó được chăm sóc đầy đủ. Tôi sẽ không chiều chuộng để làm hư nó, tôi chỉ muốn nó đẻ ra mèo con.”

“Nhưng thưa bà,” người đàn ông trả lời, “Bà sẽ chẳng có mèo và lẫn mèo con nếu nó bị đối xử thế này. Bà đang có một chú mèo Xiêm thuần chủng cực kỳ đáng giá, một trong những giống tốt nhất ở nước Pháp. Tôi biết vì tôi đã phối giống cho mẹ nó. Không chăm sóc nó là một sự uổng phí, chẳng khác gì dùng nhẫn kim cương để cắt kính cả.”

“Tôi biết ông mà,” bà Đại sứ trả lời, “cậu tài xế có ở đó không, cho tôi nói chuyện với cậu ta.” Người đàn ông lặng lẽ chuyển điện thoại cho Gaston. Trong một lúc lâu, bà chủ xối xả tuôn những lời mắng nhiếc cay nghiệt đến đoạn cuối bà ta quên luôn mục đích của mình mà chỉ đơn thuần xả cho bõ tức. Cuối cùng, sau một hồi đôi co, quyết định cũng được đưa ra. Tôi sẽ ở lại nơi này cho đến khi sức khỏe khá lên. Gaston rời đi mà vẫn run rẩy khi nghĩ về bà Đại sứ. Tôi nằm trên bàn khi hai ông bà này kiểm tra gì đó trên người tôi. Có một cảm giác đau nhói và trước khi kịp nhận ra thì tôi đã chìm vào giấc ngủ.

Đó là một cảm giác thật kỳ lạ. Tôi mơ thấy mình ở trên thiên đường nơi rất nhiều chú mèo đang nói chuyện, hỏi tôi đến từ đâu, đang làm gì, cha mẹ tôi là ai. Chúng nói bằng thứ tiếng Pháp hay nhất của mèo Xiêm! Tôi rã rời ngẩng đầu và mở mắt. Bất ngờ bởi khung cảnh xung quanh, đầu tôi lên và một luồng điện chạy dọc cột sống. Cách mặt tôi chỉ một inch thôi là một chiếc cửa lưới thép. Tôi đang nằm trên rơm sạch. Phía bên kia cửa lưới là một gian phòng lớn chứa đủ các loài mèo và chó con. Hàng xóm mỗi bên của tôi đều là mèo Xiêm. “À, tỉnh rồi kìa!” một con nói. “Ôi, đuôi của cậu cụp hẳn xuống khi được đưa đến đây,” một con khác nói. “Cậu đến từ đâu thế?” một cô mèo Ba Tư nói to từ phía bên kia phòng. “Mấy con mèo làm tôi phát ớn,” một cậu chó Toy Poodle càu nhàu từ trong một chiếc hộp đặt trên sàn. “Yeh,” một con chó nhỏ xa khuất tầm mắt tôi làm bầm, “mấy bà cô này có khi phải đánh mới tỉnh ra,” “nghe con chó lại đang chém gió kìa!” ai đó gần đấy nói; “Cậu ta chưa ở đây đủ lâu để được quyền lên tiếng. Cậu chỉ là tân binh thôi.”

“Tớ là Chawa,” chú mèo bên phải tôi lên tiếng, “tớ đã được thiên.” “Tớ là Song Tu,” chú mèo bên trái chào hỏi; “Tớ đánh nhau với một con chó, chao ôi, đáng ra các cậu phải xem con chó đó, tớ đã tẩn nó một trận ra hồn!”

“Tôi là Fifi,” tôi trả lời một cách nhút nhát, “Tôi không biết rằng còn có nhiều mèo Xiêm đến thế ngoài người mẹ quá cố của tôi và tôi.” Có một sự im lặng trong gian phòng lớn, rồi hoàn toàn bị phá tan bởi sự xuất hiện của một người đàn ông mang thức ăn đến. Tất cả cùng nói một lúc. Chó thì tranh ăn trước, mèo thì chê bai chó là những con heo ích kỷ, tiếng lọc cọc của bát đĩa, tiếng ồn ộc của nước được đổ vào bình chứa. Rồi tiếng ực ực của mấy cậu chó đang bắt đầu ăn.

Người đàn ông bước đến và xem xét tôi. Người phụ nữ cũng tiến lại. “Kìa! Nó tỉnh rồi,” “Mèo nhỏ ngoan,” người phụ nữ lên tiếng “Chúng ta phải chăm nó khoẻ lên, tình trạng thế này thì không thể sinh ra mèo con được.” Họ mang cho tôi rất nhiều thức ăn rồi mới di chuyển về phía những con khác. Tôi không cảm thấy thật khoẻ, nhưng nghĩ rằng nếu không ăn thì thật bất lịch sự; thế nên tôi bắt đầu ăn và nhanh chóng chén hết chỗ thức ăn đó. “Ah!” người đàn ông nói khi quay trở lại, “Chắc nó đói lắm.” “Chúng ta để nó ở nhà phụ đi” người phụ nữ nói “nó sẽ được hưởng nhiều ánh sáng hơn và mấy con khác sẽ không quấy rầy nó.”

Người đàn ông mở chiếc hộp rồi ẵm tôi trên tay, mang tôi đi ngang phòng, qua một cái cửa mà tôi chưa từng thấy trước đó. “Tạm biệt nhé,” Chawa kêu lên “Rất vui được gặp cậu,” Song Tu cũng nói, “Nhớ chào đám mèo tằm giùm tôi nếu cậu có gặp họ!” Chúng tôi đi qua ngưỡng cửa rồi tiến vào một gian phòng đầy ánh sáng, nơi ấy đặt một chiếc chuồng to ở giữa phòng. “Sếp định bỏ nó vào chuồng khi à?” một người đàn ông tôi chưa gặp cất tiếng hỏi. “Đúng rồi”, người đàn ông đang ẵm tôi trả lời. “Nó cần được chăm sóc vì với tình trạng bây giờ nó chưa thể có mang được đâu?”. Mang? MANG? Tôi phải mang cái gì cơ? Họ nghĩ rằng tôi phải tới đây làm việc mang chén đĩa sao? Người đàn ông mở cửa chiếc chuồng lớn rồi đặt tôi vào. Nó khá dễ chịu, ngoại trừ mùi thuốc diệt khuẩn. Trong đó có vài nhánh cây, kệ và một chiếc hộp phủ rơm êm ái mà tôi có thể chui vào ngủ. Tôi đi dạo trong lồng một cách thận trọng, vì Mẹ đã dạy tôi phải kiểm tra thật kỹ lưỡng khi bước vào một nơi lạ lẫm. Một nhánh cây trông thật mời mọc, vậy nên tôi cào móng để thể hiện rằng tôi đã ổn định ở đây. Leo lên nhánh cây tôi nhận ra rằng mình có thể nhìn xuyên qua một hàng rào và nhìn xa hơn.

Đây là một khu đất rất rộng và khép kín, với lưới phủ cao khắp xung quanh. Những cây nhỏ và bụi rậm trồng đầy mặt đất. Đang mãi mê quan sát thì bất chợt thấy một anh chàng mèo Xiêm lọt vào tầm mắt của tôi. Anh ta có vóc dáng rất đẹp, thon dài với bờ vai dày và chiếc đuôi đen nháy. Vừa chậm chậm bước đi trên mặt

đất, anh ta vừa hát một bản tình ca mới nhất. Tôi nhập tâm lắng nghe, nhưng bây giờ lại quá nhút nhát để hát đối lại. Tôi thấy tim mình đập thình thịch, và một cảm giác lạ lẫm xuất hiện. Một tiếng thở dài tiếc nuối khi anh ta đi khỏi tầm mắt.

Tôi ngồi lại kinh ngạc một lúc lâu trên cành cây ca. Đuôi vung vẩy cụp ra cụp vào còn chân thì run rẩy vì những cảm xúc dâng trào đến nỗi đứng không vững. Một chàng mèo thật điển trai biết bao! Tôi có thể tưởng tượng cảnh anh ta được sủng ái thế nào trong một ngôi đền ở xứ Xiêm xa xôi, những vị tu sĩ áo vàng trĩu mến vuốt ve khi anh ta lười biếng phơi mình dưới ánh nắng. Và – liệu tôi có nhìn nhầm không? – tôi có cảm giác anh ta đã liếc về phía tôi và biết tất tần tật về tôi. Đầu tôi rối tung với biết bao suy nghĩ về tương lai. Chậm chạp và run rẩy, tôi bò xuống khỏi thân cây, rúc vào chiếc hộp ngủ, rồi nằm nghĩ vẩn vơ hết thứ này đến thứ khác.

Đêm đó, tôi trần trọc; ngày hôm sau, người đàn ông kia nói tôi bị sốt vì chuyển đi vất vả và khói xe độc hại. Nhưng tôi biết vì sao mình sốt! Gương mặt đen điển trai với chiếc đuôi dài đã ám ảnh tôi suốt trong giấc ngủ. Người đàn ông nói tôi đang ở trong tình trạng rất tệ và phải nghỉ ngơi. Bốn ngày liên tục, tôi sống trong chiếc lồng, ăn và nghỉ. Sáng hôm sau, tôi được dẫn đến một ngôi nhà nhỏ phía trong không gian phủ lưới đó. Sau khi ổn định, tôi nhìn quanh và phát hiện một bức tường lưới ngăn cách giữa chuồng của tôi và anh mèo đẹp trai. Chuồng của anh ta gọn gàng và được giữ sạch sẽ, đồng rơm cũng tươi tắn và bát nước không chút gợn nào trên bề mặt. Anh ta không có ở đây, tôi đoán là anh ta đang đi dạo trong vườn ngắm cây cối.

Mơ màng tôi nhú mắt lại và thiếp đi. Một giọng nói trầm âm đánh thức tôi, tôi bẽn lẽn liếc sang bức tường lưới. “Chà!” anh Mèo Xiêm lên tiếng, “hân hạnh được gặp cô.” Gương mặt đen lớn áp sát vào lớp lưới, cặp mắt xanh sáng hướng những suy nghĩ về phía tôi. “Chiều nay tụi mình sẽ được cưới nhau,” anh chàng nói, “Tôi rất vui, còn cô thì sao?” Tôi ngượng ngùng giấu mặt trong đồng rơm. “Ồ, đừng lo,” anh ta thốt lên, “tụi mình đang làm những việc rất cao quý, giống của tụi mình không có nhiều ở Pháp. Cô sẽ thích điều đó, chờ xem!” anh ta phá lên cười khi nằm nghỉ sau chuyến đi dạo buổi sáng.

Vào giờ trưa, người đàn ông đi đến và cười tủm tỉm khi nhìn thấy chúng tôi đang ngồi sát gần nhau, chỉ cách một tấm lưới, và đang cùng song ca. Anh mèo đứng lên hét về phía người đàn ông: “Đẹp cái cửa quái quỷ này đi!” với những từ ngữ làm tôi ngượng chín mặt. Người đàn ông thông dong mở khoá cửa, móc nó lại an toàn rồi bỏ đi để mặc chúng tôi.

Ôi anh chàng mèo, những cái ôm đầy nhiệt huyết, những lời thật ngọt ngào. Sau đó chúng tôi cùng nằm cạnh nhau trong nắng ấm, rồi bỗng nhiên một suy nghĩ nảy đến; tôi không phải là cô mèo đầu tiên! Tôi đứng lên rồi bỏ đi về phòng của mình. Người đàn ông lại đến và lần nữa đóng kín cửa giữa chúng tôi. Tối hôm ấy, ông ấy đến và mang tôi về chiếc chuồng lớn. Tôi ngủ thật êm.

Buổi sáng, người phụ nữ đến mang tôi đi về gian phòng mà tôi đã đến khi lần đầu tiên bước vào ngôi nhà này. Bà đặt tôi lên bàn và giữ tôi thật chặt trong khi người đàn ông kiểm tra. “Tôi phải nói chuyện với người chủ con mèo này vì nó đã bị đối xử rất tệ, nhìn này—” ông nói, chỉ vào sườn bên trái, và nhấn xuống chỗ thịt mềm, “Nó quá quý giá để bị đối xử tệ bạc đến vậy.” “Chúng ta có cần đi gặp người chủ vào ngày mai không?” người phụ nữ tỏ vẻ rất quan tâm. Người đàn ông trả lời “Có, chúng ta sẽ đưa nó về, nhân tiện thu phí luôn. Tôi sẽ gọi cho bà ấy và thông báo” Ông nhắc điện thoại rồi điện cho bà Đại sứ. Sự quan tâm duy nhất của bà ta có vẻ chỉ là việc đưa tôi về sẽ tốn thêm một ít franc nữa. Được đảm bảo là sẽ không mất thêm phí, bà đồng ý thanh toán tiền khi nhận tôi về. Như vậy là mọi việc đã định, tôi sẽ trở về vào trưa hôm sau, về lại tay bà Đại sứ.

“Đây này, Georges,” người đàn ông gọi, “Mang nó về lại chuồng khi, nó sẽ chỉ ở đây đến ngày mai.” Georges, một ông già lưng còng mà tôi chưa gặp trước đây, run rẩy tiến lại gần và nhắc tôi lên với sự nhẹ nhàng đáng ngạc nhiên. Đặt tôi trên vai, ông bước đi. Ông mang tôi vào căn phòng lớn, không hề dừng lại, nên tôi chẳng thể nói lời nào với các bạn khác. Khi đến căn phòng kia, ông đưa tôi vào chuồng khi và đóng sập cửa lại sau lưng. Một thoáng sau ông rút ra một mảnh dây rồi chìa trước mặt tôi. “Tôi nghiệp nhóc,” ông lầm bầm, “Có vẻ như trước giờ chưa từng có ai chơi với chú mày trong cuộc đời ngắn ngủi của mày!”

Tôi lại ở một mình lần nữa; leo lên cành cây dốc và ngắm nhìn khu đất khép kín. Lần này, chẳng có cảm xúc nào dấy lên, tôi biết anh chàng mèo đã có rất nhiều Nữ hoàng, và tôi chỉ là một trong số đó. Những người am hiểu mèo đều gọi mèo đực là Tôm và mèo cái là Nữ hoàng. Cách gọi này chẳng có gì liên quan đến giống, đó chỉ đơn giản là thuật ngữ chung.

Một cành cây lẻ loi đứng đưa, oằn mình dưới sức nặng đáng kể. Tôi ngắm nhìn anh chàng mèo to lớn bung mình từ cành cây và đáp nhẹ nhàng xuống mặt đất. Rồi lại lao lên thân cây, làm đi làm lại điều tương tự. Tôi say mê ngắm nhìn, rồi sức nhận ra anh ta chỉ đang tập thể dục buổi sáng thôi. Muốn làm gì đó hay hơn, tôi nằm trên cành cây của mình và cào móng cho tới khi chúng sáng bóng như những hạt ngọc trai quanh cổ bà Đại sứ. Rồi lại chán, tôi lăn ra ngủ dưới ánh nắng ấm giữa ngày.

Một lúc lâu sau đó, khi mặt trời không còn chiếu thẳng trên đỉnh đầu mà đã di chuyển để sưởi ấm một vùng khác của nước Pháp, tôi thức dậy bởi một giọng nói êm dịu ngọt ngào. Hé mắt khó nhọc nhìn về hướng cửa sổ xa tầm với, tôi thấy một cô mèo đen già, có lẽ đã sống qua rất nhiều mùa hạ. Cô ấy trông khá đầy đặn, đang ngồi trên bệ cửa sổ làm liếm tai, tôi nảy ý muốn bắt chuyện.

“A, tỉnh rồi hả.” cô ta nói. “Tôi hy vọng cô thích kỳ nghỉ ở đây, chúng tôi tự hào cung cấp dịch vụ tốt hơn bất kỳ nơi nào trên nước Pháp. Cô ăn ngon miệng chứ?” “Rất ngon, xin cảm ơn” tôi trả lời, “tôi được chăm sóc rất chu đáo. Cho hỏi bà có phải là bà chủ không?”

“Không đâu, dù nhiều người cũng nghĩ vậy” Cô mèo trả lời. “Tôi có trách nhiệm phải dạy dỗ mấy cậu mèo mới lớn nghĩa vụ của họ. Tôi cho họ thử sức trước khi được chính thức đưa đi luân chuyển. Việc đó rất quan trọng, là một công việc đòi hỏi sự chính xác.” Chúng tôi ngồi cùng nhau một lúc, đắm trong suy nghĩ riêng. Rồi tôi hỏi “Tên cô là gì?”

“Bóng Bơ”, cô mèo trả lời, “Tôi từng rất tròn trịa, và lông tôi bóng như bơ, nhưng đó là chuyện dĩ vãng, khi tôi còn trẻ,” cô nói thêm. “Bây giờ tôi đảm trách nhiều nhiệm vụ – bên cạnh việc mà tôi vừa nói với cô, cô biết đấy. Tôi cũng phải giám sát kho thực phẩm để lũ chuột không làm phiền chúng ta.” Cô ta thư thả ngẫm nghĩ về những trọng trách của mình, rồi nói, “Cô đã ăn thịt ngựa sống bao giờ chưa? Ồ, cô phải ăn thử nó trước khi rời khỏi đây. Nó thật sự rất ngon, thịt ở đây là ngon nhất trong tất cả các loại thịt ngựa có thể mua được. Tôi nghĩ chúng ta sẽ được ăn một ít vào bữa tối đấy, lúc này tôi đã thấy ông Georges, người giúp việc, cắt thịt”. Cô ta ngừng lại một chút rồi nói tiếp, với giọng thoải mái, “Tôi khá chắc sẽ có thịt ngựa cho bữa tối.’ Chúng tôi ngồi yên, đắm chiêu, thỉnh thoảng chải chuốt một chút, rồi cô Bóng Bơ lại nói “Tôi phải đi đây, tôi sẽ đảm bảo rằng cô được chăm sóc tốt – tôi tin là mình đánh hơi thấy ông Georges đang dọn bữa tối!” Rồi cô ta nhảy sang cửa sổ. Trong căn phòng lớn sau lưng, tôi có thể nghe tiếng reo hò. “THỊT NGỰA!” “Cho tôi trước!” “Tôi đói lắm rồi Georges, nhanh lên!” Nhưng ông Georges chẳng hề quan tâm, thay vào đấy, ông đi quá căn phòng lớn đến chỗ tôi và cho tôi ăn trước. “Cho chú mày trước, mèo nhỏ!” ông nói. “Mấy đứa khác có thể chờ. Chú mày là đứa ngoan nhất, trật tự nhất nên sẽ được ăn trước.” Tôi gù gù tỏ lòng cảm kích với vinh dự này. Ông đặt trước mặt tôi một miếng thịt lớn. Mùi thơm thật tuyệt. Tôi gù và cọ người vào chân ông. “Chú mày mới chỉ là một cô mèo nhỏ thôi, để ta cắt thịt nhỏ hơn” ông nói. Rồi lịch sự cắt miếng thịt lớn thành từng phần nhỏ cho tôi, chào tôi bằng một câu “Chúc ngon miệng mèo con!” ông đi tiếp để phục vụ những con khác.

Phần thịt đúng là ngon tuyệt, ngọt và mềm. Một lúc sau tôi ngồi và rửa ráy mặt mũi. Tiếng sột soạt khiến tôi ngẩng lên nhìn, một gương mặt đen với đôi mắt nhấp nháy xuất hiện ngay cửa sổ. “Ngon phải không?”, cô Bóng Bơ hỏi. “Tôi đã bảo cô rồi mà, ở đây chúng tôi phục vụ thịt ngựa ngon nhất. Chưa hết đâu, cô chờ đó, còn món cá cho bữa sáng nữa. Ngon tuyệt, tôi vừa tự thử đấy. Mà thôi muộn rồi, chúc ngủ ngon nhé!” Nói xong cô quay lưng đi mất. Cá ư? Bây giờ khi cái bụng căng, tôi chưa thể nghĩ ngợi gì đến thức ăn. Đây đúng là một sự thay đổi lớn so với ở nhà, ở đó tôi chỉ được cho ăn đồ thừa mà con người để lại, lẫn lộn với mớ sốt cay làm tôi bỏng lưỡi. Còn ở đây, chuột cống cũng được sống đúng kiểu Pháp.

Ánh sáng mờ dần khi mặt trời lặn nơi chân trời phía tây. Chim đập cánh bay về tổ, những con quạ già đang réo gọi đồng bọn, huyên náo kể về những sự kiện trong ngày. Bóng tối nhanh chóng phủ xuống, lũ dơi nháo nhào lượn quanh, đập đôi cánh da kin kít mỗi khi chuyển hướng để săn bắt lũ côn trùng ban đêm. Phía trên những rặng dương, mặt trăng mùa hạ bẽn lễn toả sáng, như thể còn ngần ngại trước việc xuyên qua bóng tối của màn đêm. Tôi thở một hơi thoải mái rồi lưỡi biếng trèo vào chiếc hộp của mình ngủ thiếp.

Tôi nằm mơ về những điều mình hằng mong ước. Tôi mơ thấy ai đó thật sự yêu tôi vì chính tôi, như một người bạn. Trái tim tôi luôn tràn ngập yêu thương, yêu thương bị dồn nén bởi không ai ở nhà hiểu được điều mà một cô mèo nhỏ mong ước và khao khát. Giờ đây khi đã là một cô mèo già, tôi được vây quanh bởi tình yêu và tôi sẵn lòng cho đi hết mình để đáp trả. Chúng tôi cũng có những khó khăn và thiếu thốn, nhưng đối với tôi, đây là cuộc sống hoàn hảo, nơi tôi được sống với một gia đình và được thương yêu như một con người.

Đêm trôi qua. Tôi thấy bồn chồn và chán ngán khi tự hỏi mình sẽ ra sao khi phải quay về nhà. Liệu những ngày tháng khó nhọc có còn tiếp diễn? Tôi có được ngủ trong một chiếc giường rơm thay vì chồng báo ẩm cũ? Ngay sau đó thì trời sáng. Một chú chó rên rĩ sủa trong Phòng Lớn. “Cho tôi ra, cho tôi ra.” cậu ta nói đi nói lại. “Cho tôi ra!” Gần đó, một chú chim cầu nhàu với bạn đời vì bữa sáng chậm trễ. Dần dần những âm thanh thường nhật của ngày mới trở nên rõ ràng hơn. Tiếng chuông tháp nhà thờ kêu vang, gọi con người đi lễ. “Sau lễ em sẽ vào thị trấn để mua áo mới, anh cho em đi nhờ nhé?” một giọng nữ hỏi. Họ đi thoát qua khiến tôi không kịp nghe tiếng người đàn ông trả lời. Tiếng xô xẻng loảng xoảng nhắc tôi nhớ rằng sắp đến giờ cho bữa sáng. Từ khu vực giếng lưới, chàng mèo đẹp trai cất giọng và hát đón chào ngày mới.

Người phụ nữ đến, mang theo bữa sáng của tôi. “Chào miu,” bà nói “ăn ngon nhé vì trưa này mày sẽ về nhà rồi.” Tôi gừ và cọ vào người bà để tỏ ý hiểu. Bà đang

mặc đồ lót mới và tinh thần có vẻ rất tốt. Tôi thường tự cười một mình khi nghĩ về việc mèo nhìn nhận con người. Thông thường thì bọn tôi có thể đoán được tâm trạng một người thông qua đồ lót của họ. Góc nhìn của chúng tôi rất khác, bạn biết đấy.

Cá rất ngon, nhưng nó được trộn cùng với cái gì đấy, như kiểu ngũ cốc lúa mạch, mà tôi phải gạt ra. “Ngon phải không?” một giọng cất lên từ phía cửa sổ.

“Chào buổi sáng, cô Bóng Bơ.” tôi trả lời. “Vâng, món này rất ngon, nhưng nó được phủ cái gì vậy?” cô Bóng Bơ phá lên cười. “Ồ!” cô ta cảm thán, “Cô quê quá! Ở đây bọn tôi luôn luôn – luôn luôn – ăn ngũ cốc vào bữa sáng để có đủ vitamins.” “Nhưng sao tôi chưa từng ăn món này trước đây?” tôi vặn vẹo. “Bởi vì cô phải điều trị nên cô ăn nó dưới dạng lỏng.” Cô Bóng Bơ thở dài, “Giờ tôi phải đi đây, việc thì nhiều mà thì giờ thì ít. Tôi sẽ cố gắng gặp cô trước khi cô rời đi.” Trước khi tôi kịp trả lời, cô ta đã nhảy ra khỏi cửa, và tôi có thể nghe tiếng cô ta sột soạt trong bụi cây.

Có tiếng tranh luận gì đấy từ Phòng Lớn. “Yeh,” một chú chó Mỹ nói, “Rồi tôi nói với nó, ta không muốn tụi bay làm ồn ào quanh cột đèn nữa biết chưa! Tụi bay suốt ngày rình rập xung quanh để xem có đánh hơi được gì không.” Tong Fa, một chú mèo Xiêm đã đến vào tối muộn hôm qua, đang nói chuyện với Chawa. “Kể cho tôi nghe đi, chúng ta có được phép đi thị sát mặt đất quanh đây không?” Tôi cuộn mình và ngủ thiếp, cuộc tranh luận này làm tôi đau đầu.

“Chúng ta bỏ nó vào giỏ chứ?” tôi thức giấc. Người đàn ông và người phụ nữ tiến vào phòng từ một cửa hông. “Giỏ à?” người phụ nữ hỏi. “Không, không cần phải cho vào giỏ. Tôi sẽ ôm nó trên lòng.” Họ đi tiếp đến cửa sổ và đứng nói chuyện. “Con Tong Fa đó,” người phụ nữ ngân nga, “thật đáng tiếc khi phải cho nó đi ngủ. Chúng ta không có cách gì khác sao?” Người đàn ông cử động một cách không thoải mái và gãi gãi cằm. “Chúng ta làm được gì bây giờ? Nó đã quá già và gần như mù. Người chủ không có thời gian cho nó, chúng ta chẳng làm gì được?” Có một hồi im lặng khá lâu. “Tôi không thích làm thế”, người phụ nữ nói, “đấy là mưu sát!” Người đàn ông vẫn giữ im lặng. Tôi thu mình càng nhỏ càng tốt trong một góc chuồng. Già và mù? Như vậy nghĩa là án tử? Chẳng có chút lưu luyến nào cho chừng đó năm tận tụy và yêu thương, giết đi những con vật già không còn có khả năng tự vệ. Rồi hai người họ cùng nhau đi vào phòng và nhẹ nhàng nhắc Tong Fa già nua ra khỏi chuồng.

Buổi sáng dài lê thê. Tôi ủ rũ trong suy nghĩ. Điều gì sẽ đến khi tôi già? Cây táo đã nói rằng tôi sẽ hạnh phúc, nhưng khi còn trẻ, sự chờ đợi là một quãng thời gian

dài không hồi kết. Ông Georges đến. “Mèo nhỏ, có ít thịt ngựa này. Ăn đi vì mày sắp về nhà rồi.” Tôi gù và cọ vào người ông, và ông cúi người xoa đầu tôi. Tôi vừa kết thúc bữa ăn và đi vệ sinh thì người phụ nữ đến tìm. “Đi nào Fifi!”, bà nói, “Đi về với bà Đại sứ phù thủy nào.” Bà ẵm tôi lên và mang tôi đi qua cửa bên. Cô Bóng Bơ đang đứng chờ sẵn. “Tạm biệt Feef”, cô la to, “Quay lại gặp bọn tôi sớm nhé. “Chào cô Bóng Bơ” tôi đáp lời. “Rất cảm ơn sự hiếu khách của cô.”

Người phụ nữ đi về phía người đàn ông đang đứng đợi cạnh một chiếc ô tô to. Bà leo vào, kiểm tra hết các cửa kính đã đóng chặt, sau đó người đàn ông chui vào xe nổ máy. Chúng tôi lái đi và rẽ vào con đường đi về nhà.

CHƯƠNG 3

Chiếc xe lao nhanh trên đường cao tốc. Những hàng dương vươn mình kiêu hãnh bên đường, thoáng chốc lại hờ ra một vài khoảng trống, là chứng nhân cho sự tàn phá của chiến tranh, cuộc chiến mà tôi chỉ nghe qua lời kể của con người. Chúng tôi tăng tốc, chuyến hành trình dài như vô tận. Tôi mơ hồ tự hỏi máy móc hoạt động ra sao và điều gì khiến chúng có thể vận hành nhanh và lâu đến vậy? Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một suy nghĩ vẩn vơ chen ngang vào tâm trí trong khi tôi đang mãi ngắm nhìn khung cảnh của miền quê đang chạy qua trước mắt.

Suốt dặm đường đầu tiên tôi ngồi trong lòng người phụ nữ. Càng lúc càng tò mò, tôi đi lại loạng choạng trên ghế sau xe và ngồi lên chiếc kệ ở gần cửa kính, nơi đó đang đặt một tờ Michelin, vài bản đồ và những thứ khác. Tôi có thể thấy con đường phía sau lưng. Người phụ nữ vươn người về phía người đàn ông và họ thăm thì những lời ngọt ngào. Tôi tự hỏi liệu cô ấy cũng sắp có mèo con?

Mặt trời đã trôi qua trên bầu trời khoảng một giờ, lúc ấy người đàn ông nói “Chắc chúng ta gần đến rồi.” “Đúng vậy” người phụ nữ trả lời, “Em nghĩ đó là ngôi nhà to cách nhà thờ một dặm rưỡi. Chúng ta sẽ sớm tìm thấy nó thôi.” Chúng tôi lái xe chậm chậm, gần như dừng lại khi rẽ vào đường chính và thấy cổng đang đóng. Một tiếng “bíp” nhẹ nhàng và một chàng trai chạy ra khỏi trạm gác, tiếp cận chiếc xe. Nhìn thấy và nhận ra tôi, anh ta xoay người mở cổng. Tôi sững sờ vì cảm thấy mình thật hữu dụng khi có thể làm cửa mở mà không cần một lời giải thích.

Chúng tôi tiếp tục lái xe vào, người giữ cổng chào nghiêm trang khi chúng tôi đi ngang. Thế giới của tôi thật bé nhỏ, tôi nhận ra điều ấy, khi tôi thấy mình chưa từng có cơ hội biết đến trạm gác hay những chiếc cổng. Bà Đại sứ đang ở bên cạnh một bãi cỏ nói chuyện với một trong những người giúp việc của Pierre. Bà

ta xoay người khi thấy chúng tôi tiến đến và chậm chạp tiến lại. Người đàn ông ngừng xe, bước ra lịch sự cúi chào. “Chúng tôi mang con mèo nhỏ của bà đến, thưa bà.” Ông nói, “và đây là một bản sao chứng chỉ phả hệ của chú mèo tôi” Bà Đại sứ tròn xoe mắt khi nhìn thấy tôi ngồi trong xe. “Sao ông không nhốt nó vào trong hộp?” bà ta hỏi. “Không thưa bà”, ông trả lời, “Nó là một chú mèo rất ngoan, rất trật tự và nghe lời khi ở với chúng tôi. Chúng tôi thấy nó là một chú mèo cực kỳ chĩn chu” Tôi đỏ ửng mặt vì những lời khen ngợi, và cũng phải thú nhận tôi cũng đã gừ lên với sự đồng tình cao. Bà Đại sứ nghiêm giọng bảo người phụ tá làm vườn “Chạy vào nhà kêu bà Albertine ra cho tôi ngay lập tức.”

“Yah!” tiếng kêu phát ra từ sau một gốc cây, đến từ con mèo đực của người giữ trạm gác, “Tôi biết cô mới ở đâu về! Bọn mèo nông dân như chúng tôi không xứng với cô, cô phải có những anh chàng hào nhoáng!” “Ôi trời,” người phụ nữ trong xe thốt lên, “Có một con mèo khác. Fifi cần phải tránh xa mèo đực.” Bà Đại sứ xoay người, ném một cành cây nhặt được trên mặt đất. Cành cây lao hụt cách xa chú mèo của người giữ trạm gác cả một khoảng. “Ha! Ha!” cậu ta phá lên cười rồi chạy mất, “Mụ chẳng thể ném trúng tháp chuông nhà thờ với chổi rơm kể cả khi chỉ đứng cách 6 feet, mụ già chết tiệt!” tôi lại đỏ mặt. Những từ ngữ thật kinh khủng, tôi thở phào nhẹ nhõm khi nhìn thấy bà Albertine đang lao xuống thật nhanh với gương mặt rạng rỡ. Tôi reo lên và lao vào vòng tay của bà, nói với bà tôi yêu bà biết bao nhiêu, nhớ bà biết nhường nào, và kể lại tất cả những gì đã xảy ra với tôi. Trong một khoảnh khắc, chúng tôi chẳng còn để ý đến bất kỳ điều gì khác nữa, thì đột nhiên bà Đại sứ cao giọng, kéo chúng tôi về với thực tại. “ALBERTINE”, bà ta gằn giọng, “Bà có nhận ra tôi đang nói chuyện với bà không? Chú ý vào đây”

“Thưa bà” người đàn ông đưa tôi đến nói, “Con mèo này đã bị bỏ quên. Nó không được cho ăn đủ, thức ăn thừa không tốt đối với mèo Xiêm thuần chủng, và chúng nó cần có một chiếc giường ấm áp để chịu. Con mèo này là vô giá” ông tiếp tục nói “nó sẽ là một con mèo quý nếu được chăm sóc tốt hơn.”

Bà Đại sứ lờm ông với ánh mắt kiêu căng, “Nó chỉ là một con vật thôi, tôi sẽ trả tiền cho anh nhưng đừng có lên lớp tôi.”

“Nhưng thưa Bà, tôi chỉ đang cố giúp bà giữ gìn một tài sản quý giá,” người đàn ông nói, nhưng bà ta khiến ông phải im lặng khi xem hoá đơn và chặc lưỡi không hài lòng với những hạng mục trên đấy. Rồi, mở ví ra, bà ta rút một quyển séc và viết gì đó lên một mảnh giấy trước khi đưa nó cho ông rồi bà ta kênh kiệu xoay người và nguẩy mông đi. “Chúng tôi phải chịu đựng cảnh này mỗi ngày,” bà

Albertine thì thầm với người phụ nữ. Họ gật đầu cảm thông rồi chậm rãi lái xe rời đi.

Tôi đã đi gần một tuần. Hẳn đã có rất nhiều thứ diễn ra khi tôi vắng mặt. Tôi dành thời gian còn lại trong ngày đi vòng quanh chỗ này chỗ kia, làm mới lại những mối liên hệ trước đây và nghe ngóng tin tức. Tôi nghỉ ngơi thoải mái trên một nhánh của người bạn Táo già.

Bữa tối luôn là mấy thứ đồ ăn thừa, dù chất lượng, thì vẫn là đồ thừa. Tôi nghĩ nếu được ăn thứ gì đó mua riêng dành cho mình chứ không phải đồ thừa thì thật tuyệt vời. Khi hoàng hôn buông xuống, Gaston đi tìm tôi, thấy tôi và nhắc tôi khỏi mất đất đi về phía nhà ngoài. Lọc cọc mở cửa, hắn ném tôi vào góc nhà tối, sập cửa phía sau rồi bỏ đi. Dù là mèo Pháp, tôi vẫn phải đau đớn công nhận rằng người Pháp đối xử rất thô bạo với động vật.

Ngày qua ngày, tuần qua tuần. Tôi dần trở nên tròn trĩnh và cử động chậm chạp. Một đêm nọ khi đã gần đủ ngày sinh nở, tôi bị ném thô bạo vào nhà ngoài bởi Pierre. Vừa tiếp đất xuống sàn bê tông cứng thì một cơn đau tê dại xuất hiện, như thể người tôi đang nứt ra. Một cách đau đớn, trong bóng tối, năm chú mèo con được sinh ra. Hồi phục một chút từ cơn đau, tôi xé vài tờ giấy báo để làm thành một chiếc tổ ấm, rồi nhắc từng đứa một vào tổ.

Ngày hôm sau, chẳng có ai ngó ngang đến. Ngày kéo dài lê thê, tôi bận rộn cho lũ mèo con bú mớm. Đến đêm, tôi muốn ngất vì đói và mệt lả, ở nhà ngoài chẳng có chút thức ăn hay nước uống nào. Ngày hôm sau cũng không khá hơn, chẳng có ai đến, và thời gian cứ kéo dài lê thê. Gần như không thể chịu nổi cơn khát, tôi tự hỏi tại sao mình phải chịu đựng nhiều đến thế. Khi màn đêm buông xuống, lũ cú lượn quanh, réo về lũ chuột mà chúng vừa bắt được. Tôi và đám mèo con của mình, nằm cạnh nhau, và tôi tự hỏi không biết làm sao có thể sống qua được ngày mai.

Ngày đã quá trưa khi tôi nghe thấy tiếng bước chân. Cửa bật mở, bà Albertine đứng bước vào, mặt tái nhợt và mệt mỏi. Bà chạy đến đây từ giường bệnh vì có linh cảm rằng tôi đang gặp rắc rối. Như thường lệ, bà luôn mang theo thức ăn và nước uống. Một con của tôi đã chết trong đêm, bà Albertine giận không nói nên lời. Bà quá phẫn nộ trước cách tôi bị đối xử đến nỗi lao đi kiếm ông bà Đại sứ. Bà Đại sứ đau buồn chỉ vì mất đi một con mèo con, tức là mất đi một mớ tiền. Ông Đại Sứ cười trừ và nói “Có lẽ chúng ta có thể làm gì đó với việc này. Ai đó phải nói chuyện với Pierre.”

Dần dà mèo con của tôi cũng lớn và khỏe hơn, rồi chúng dần mở mắt. Người ta đến xem, tiền trao tay, và trước khi chúng kịp cai sữa thì họ đã bắt chúng đi mất khỏi tay tôi. Tôi thơ thẩn đi khắp quanh nhà buồn bã. Sự kêu khóc của tôi làm phiền bà Đại sứ và bà ta hạ lệnh tôi phải bị bịt miệng cho đến khi tôi im lặng.

Cho đến lúc này tôi đã quen với việc được người ta đem ra làm món đồ trưng bày trong những buổi hội họp, và chẳng thích thú gì việc bị bắt rời công việc trong vườn và đi đến trình diễn trong Phòng khách. Một ngày có một điều khác lạ. Tôi bị bắt đến một căn phòng nhỏ nơi bà Đại sứ đang ngồi viết lách tại bàn, một người đàn ông ngồi đối diện bà ta. “Ah!” ông ta thốt lên khi thấy tôi được đưa vào phòng, “Nó đây à?” Rồi ông ta xem xét tôi trong im lặng, vẻ mặt thất vọng và một tai hơi động đậy. “Nó có vẻ bị bỏ bê quá. Đánh thuốc để mang nó đi theo hành lý máy bay sẽ không phù hợp với tình trạng của nó hiện tại.” Bà Đại sứ quát ông ta một cách giận dữ; “Tôi không yêu cầu ông lên lớp tôi, ông Bác sỹ Thú Y,” bà ta nói, “Ông không chịu làm như tôi yêu cầu thì có cũng khỏi người khác sẵn sàng!”, bà ta nói trong cơn giận dữ, “Có mỗi một con mèo mà thật lắm chuyện!” Bác sỹ Thú Y nhún vai vô vọng, trả lời “Thôi được thưa bà, tôi sẽ làm điều bà yêu cầu vì tôi cần kiếm sống. Hãy gọi cho tôi trước giờ bà lên máy bay khoảng 1 tiếng.” Ông ta đứng lên xách túi và lầm lì ra khỏi phòng. Bà Đại sứ mở cửa sổ bên rồi ném tôi ra ngoài vườn.

Có một không khí phấn khởi bao trùm trong nhà. Những thùng to được phủ bụi và lau sạch, chức vụ mới của ông Đại Sứ cũng được viết lên chúng. Một người thợ mộc được gọi đến để làm một chiếc hộp gỗ du lịch đặt vừa vào trong một chiếc va li và có thể chứa được một con mèo. Bà Albertine có vẻ bồn chồn và trông như thể đang cầu mong bà Đại sứ sớm chết ngất.

Một sáng nọ, khoảng một tuần sau đó, Gaston đến nhà ngoài tìm bắt tôi đưa đến garage mà chẳng cho tôi ăn bữa sáng. Tôi đã nói với hắn tôi rất đói, nhưng như thường lệ hắn không hiểu. Cô hầu gái của bà Đại sứ, Yvette, đang đợi trong chiếc Citroen. Gaston bỏ tôi vào một chiếc giỏ đan có nắp gập, tôi được đặt lên ghế sau. Chúng tôi lái đi với tốc độ rất nhanh. “Tôi không hiểu sao bà ấy lại muốn con mèo bị đánh thuốc,” Yvette nói, “Quy định nói rằng người ta có thể mang mèo vào nước Mỹ mà không có khó khăn gì.” “Aw”, Gaston nói, “Bà ta bị điên mà, tôi đã từ bỏ việc đoán xem cái gì khiến bà ta ngứa ngáy rồi!” Họ chìm vào im lặng và tập trung lái xe nhanh hơn nữa. Chiếc xe xóc ghê gớm; cân nặng ít ỏi của tôi không đủ để đè xuống lò xo của nệm, và tôi càng lúc càng bầm dập vì va đập vào trong lòng giỏ.

Tôi gồng mình để giữ thẳng chân và ghim chặt móng vuốt vào giở. Chiến đấu kịch liệt để giữ cho mình không ngã. Cũng chẳng biết bao lâu nữa. Cuối cùng thì chiếc xe đột ngột dừng kít lại. Gaston tóm lấy chiếc giở của tôi và lao vài bước vào nhà. Chiếc giở bị ném lên bàn và nắp giở bật mở. Gã thò tay nhắc tôi lên và để tôi xuống bàn. Ngay lập tức tôi ngã nhào, tứ chi không còn có thể đứng vững nữa, tôi đã bị căng cơ quá lâu. Ông bác sỹ thú y nhìn tôi vừa thương vừa hoảng “Anh suýt giết chết nó rồi đấy”, ông quát Gaston một cách giận dữ. “Tôi không thể chích cho nó hôm nay được!” Gaston tức đỏ mặt “Đánh thuốc con mèo chết tiết này đi, hôm nay máy bay đi rồi, ông đã nhận tiền rồi đấy” Ông bác sỹ thú y nhắc điện thoại lên. “Có gọi cũng vô ích thôi,” Gaston nói, “Cả nhà đang ở phi trường Le Bourget rồi, tôi không có thì giờ đâu”. Thở dài, ông bác sỹ cầm chiếc xi-lanh lên và quay sang tôi. Tôi cảm thấy một cơn đau nhói đâm sâu vào cơ bắp của mình, cả thế giới chuyển thành màu đỏ rồi tối đen. Trong lúc ngã đi, tôi còn nghe giọng nói “Giờ nó sẽ im lặng trong...” rồi sự bất tỉnh hoàn toàn ập xuống tôi.

Có tiếng gầm rú ghê gớm, tôi lạnh và khổ sở, việc thở cũng là một sự lao lực. Chẳng có chút ánh sáng nào quanh đây, tôi chưa từng chìm trong bóng đen dày đặc như thế. Trong một thoáng tôi đã tưởng rằng mình bị mù. Đầu tôi đau như búa bổ, tôi chưa từng thấy mình mệt mỏi, bị bỏ rơi và khốn khổ đến thế.

Nhiều giờ trôi qua tiếng gầm rú ghê rợn vẫn tiếp diễn, tôi cảm tưởng não mình như muốn nổ tung. Áp suất dồn lên tai và tôi nghe thấy những tiếng lách cách nổ ở bên trong. Tiếng ồn trở nên mạnh hơn, dữ tợn hơn rồi có một tiếng vang chói tai, tôi bật ngược lên nắp hộp. Những tiếng vang khác nối tiếp, rồi tiếng ồn chìm dần. Bây giờ lại có tiếng ầm ầm kỳ lạ khác, như tiếng bánh xe lăn nhanh trên đường xa lộ. Những cú xóc và tiếng động rầm rầm, rồi tiếng gầm rú ngừng hẳn. Thay vào đó là những tiếng ồn khác, tiếng cọt xát của kim loại, tiếng người nói chuyện râm ran, và tiếng chug-chug ngay phía dưới tôi. Với âm thanh vang lên khô khốc, cánh cửa kim loại lớn bật mở bên cạnh tôi, một người đàn ông lạ mặt lọc cọc đi vào khoang. Đôi tay thô ráp tóm lấy những chiếc thùng và ném chúng lên một băng chuyền đang chạy đưa chúng xa khỏi tầm mắt. Rồi đến lượt tôi; tôi bị ném lên trên không rồi rơi thụi xuống đất. Phía dưới tôi, có cái gì đó phát ra âm thanh “rầm rầm xuyneh rầm rầm”. Đập xuống một cú, và chuyến bay của tôi ngừng ở đây. Tôi nằm ngửa nhìn thấy bầu trời hửng sáng qua những lỗ thở. “Trời ạ, có một con mèo” một giọng nói lạ vang lên. “Đừng lo, chẳng phải việc của bọn mình.” một người đàn ông khác trả lời. Chiếc hộp của tôi lại được tóm và ném cẩu thả lên một phương tiện nào đó. Những thùng khác được chất xung quanh và lên trên, rồi có tiếng máy xe chuyển động và rời đi “rumpf rumpf rumpf”. Tôi ngất lịm vì đau sót.

Tôi mở mắt và nhận thấy mình đang nhìn đăm đăm vào một bóng đèn điện treo, xuyên qua một mớ dây điện. Tôi rệu rã nhắc chân của mình để lết đến chiếc đĩa nước được đặt gần đây. Việc uống nước cũng là quá sức với tôi, việc tiếp tục sống thật đầy trắc trở, nhưng ngụm nước khiến tôi cảm thấy khá lên. “Ồ”, một giọng khàn khàn vang lên, “tỉnh rồi đây à!” tôi nhìn thấy một người đàn ông da đen già nua đang mở một hộp thức ăn. “Đúng rồi đây,” ông nói “mày với tao đều có khuôn mặt đen, nên tao sẽ chăm sóc mày tốt nhé.” Ông chuyển thức ăn đến và tôi cố gờ một cách yếu ớt để tỏ lòng cảm ơn với sự tử tế của ông. Ông xoa đầu tôi, “Gee, chờ đó để tao nói với Sadie đã”, ông làm bầm một mình.

Thức ăn làm tôi cảm thấy khá hơn rất nhiều. Nhưng tôi cũng không thể ăn nhiều vì tôi đang không khoẻ, tôi đã cố ăn để người đàn ông da màu không cảm thấy phiền lòng. Tôi rửa thêm một ít rồi uống nước, sau đó thì buồn ngủ. Có một tấm thảm thô ở góc phòng, tôi cuộn mình trên đó và ngủ thiếp.

Sau cùng tôi nhận ra mình đang ở trong một khách sạn. Nhân viên liên tục đi xuống tầng hầm để ngắm nhìn tôi. “Ồ, trông nó dễ thương chưa kìa?” một cô hầu gái nói. “Wow, trông cặp mắt kia kìa, thật đẹp làm sao!” một anh chàng nói. Rồi lại một người khách khác rất được chào đón, một đầu bếp Pháp. Một trong số những người ngưỡng mộ đã gọi điện thoại đến; “Này, Francoise, xuống đây đi, chúng ta có một con mèo Xiêm Pháp đây!” Ít phút sau một người đàn ông to béo khệ nệ đi xuống hành lang, “Cậu nói con mèo này giống Pháp hả?” ông ta hỏi một người đứng gần. Tôi gờ lớn tiếng hơn, trông thấy ông làm tôi nhớ về nước Pháp. Ông đến gần, ghé mắt nhìn và xỏ một tràng tiếng Pháp giọng Paris. Tôi gờ lên để thể hiện rằng tôi hiểu tất cả những gì ông nói. “Kìa!” một giọng êm dịu vang lên “Trông kìa, lão Francois và con mèo có vẻ hợp nhau đấy”

Người đàn ông da màu mở cửa chuồng cho tôi và tôi sà ngay vào vòng tay Francois, ông ta hôn tôi, còn tôi thì cố liếm láp, và khi tôi được cho lại vào chuồng, mắt ông rớm lệ. “Chà”, người chăm sóc da màu của tôi lên tiếng, “Mày có vẻ khá lên rồi, chắc là mày ăn tốt rồi hả.” Tôi yêu mến người chăm sóc của mình, ông ấy cũng có gương mặt đen giống tôi. Nhưng những thứ dễ chịu chẳng kéo dài lâu cho tôi. Hai ngày sau chúng tôi chuyển đến một thành phố khác ở Mỹ và tôi bị giữ trong một hầm rượu dưới đất gần như toàn bộ đời mình. Vài năm tuổi đời sau đó của tôi, ngày nào cũng như ngày nào, tháng nào cũng như tháng nào. Tôi bị dùng để sản xuất ra mèo con, và những đứa con bị tách khỏi mẹ chúng khi còn chưa kịp cai sữa.

Cuối cùng sau một khoảng thời gian dài, ông Đại Sứ được gọi quay về Pháp. Một lần nữa tôi bị đánh thuốc và chẳng còn biết gì cho đến khi tỉnh lại, ốm yếu bệnh

tật tại sân bay Le Bourget. Trở về nhà, cứ ngỡ là niềm vui, nhưng lại trở thành một câu chuyện đáng buồn. Bà Albertine không còn ở đó nữa, bà đã mất trước khi chúng tôi trở về vài tháng. Cây táo già cũng bị đốn hạ và ngôi nhà đã được sửa sang lại nhiều.

Trong vài tháng, tôi buồn rầu thơ thẩn xung quanh, lại sinh ra một lứa mới và lại nhìn thấy chúng bị lấy đi trước khi tôi sẵn sàng. Sức khỏe của tôi bắt đầu trượt dốc và càng lúc càng nhiều con non chết yếu khi sinh ra. Thị giác của tôi không còn rõ nữa, và tôi phải học cách đánh hơi để dò đường. Tôi không bao giờ có thể quên được Tong Fa đã bị giết chết bởi vì cậu ấy già và mù!

Khi chúng tôi quay trở về từ Mỹ gần 2 năm, bà Đại sứ muốn đến Eire để xem liệu nơi đó có phù hợp để bà ta sinh sống. Bà ta luôn cho rằng tôi là vật đem lại may mắn (mặc dù bà ta chẳng tử tế hơn với tôi chút nào) và thế là tôi cũng phải đến Eire. Một lần nữa, tôi lại bị đánh thuốc và đưa đến một nơi mà cuộc sống ngừng tồn tại với tôi. Rất lâu sau đó tôi thức dậy trong một chiếc hộp lót vải ở một ngôi nhà lạ hoắc. Có tiếng vo vo đều đặn của máy bay trên bầu trời. Mùi than bùn cháy làm tôi ngứa mũi và hắt hơi. “Nó tỉnh rồi,” một giọng Ai-len vang lên. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Tôi đã ở đâu? Tôi hoảng hốt nhưng quá yếu để có thể di chuyển. Chỉ sau đó, thông qua cuộc trò chuyện của con người, và được kể lại bởi một con mèo ở khu phi trường mà tôi mới biết câu chuyện.

Máy bay đáp xuống phi trường Ai-Len. Người ta đang dỡ hàng hoá từ khoang hàng. “Ê, Paddy, có con mèo già chết ở đây này!” một người đàn ông nói. Paddy, người đốc công, đi đến xem. “Đi gọi Thanh tra đi” anh ta nói. Người đàn ông nói vào bộ đàm và rất nhanh sau đó, một người Thanh tra từ bộ phận quản lý động vật đến hiện trường. Hộp của tôi được mở ra và tôi được nhẹ nhàng đưa ra ngoài. “Cho gọi người chủ đi”, Thanh tra viên nói. Trong khi chờ đợi anh ta kiểm tra tôi, bà Đại sứ giận dữ đi về phía nhóm người quanh tôi. Bà ta bắt đầu lên giọng hống hách tỏ ra mình quan trọng thế nào thì bị ngắt lời bởi ông Thanh tra. “Con mèo chết rồi,” ông nói, “bị hành hạ và bỏ quên một cách độc ác. Nó đang có mang mà bà cũng nỡ đánh thuốc để tránh bị cách ly. Đây là vi phạm nghiêm trọng.”

Bà Đại sứ bắt đầu khóc lóc nói rằng việc này có thể ảnh hưởng đến sự nghiệp của chồng bà nếu bà bị buộc tội vi phạm này. Ông Thanh tra mím môi rồi đột ngột quyết định và nói. “Thôi thì con vật cũng đã chết rồi. Ký vào giấy miễn trừ này đi, chúng tôi sẽ tiêu huỷ xác nó và không nói gì về việc này nữa. Nhưng tôi khuyên bà không nên nuôi mèo nữa”. Bà Đại sứ ký vào tờ giấy được đưa và sụt sùi bước đi. “Được rồi Brian, tiêu huỷ xác nó đi” Thanh tra viên nói. Rồi ông bước đi và một trong số những người đàn ông nhắc tôi lên, đặt tôi vào lại hộp và mang đi. Rất

mơ hồ, tôi nghe thấy tiếng đất bị cào xước, tiếng kim loại va vào đá như thể một chiếc xẻng va phải chướng ngại vật. Rồi tôi được nhất lên, loáng thoáng nghe tiếng “Ơn trời! Nó còn sống này!” Rồi thì tôi lại mất hết tri giác. Sau đó tôi được kể lại rằng, người đàn ông đã lén lút nhìn quanh để chắc chắn không bị ai trông thấy, anh ta đã vội vã lắp chiếc hố đã đào cho tôi, rồi nhanh chóng mang tôi đến một ngôi nhà gần đây. Tôi chẳng còn biết gì khác cho đến khi nghe thấy giọng Ai-len vang lên “Nó tỉnh rồi”. Đôi tay nhẹ nhàng vuốt ve tôi, và ai đó quét nước vào lưỡi tôi. “Sean”, giọng Ai-len vang lên, “Con mèo này mù rồi. Tôi chiếu đèn trước mắt nó mà nó cũng không thấy gì”. Tôi rùng mình, nghĩ rằng họ sẽ giết mình vì tuổi già và sự mù loà. “Mù hả?” Sean hỏi, “Chắc rồi, con mèo trông xinh quá. Tôi sẽ đi xin Sếp cho nghỉ hôm nay. Tôi sẽ mang nó cho mẹ tôi, bà ấy sẽ chăm sóc nó. Chúng ta không giữ nó ở đây được.” Có tiếng cửa mở rồi đóng lại. Đôi bàn tay nhẹ nhàng đưa thức ăn vào miệng tôi, và tôi ăn vội vì đói lả. Cơn đau trong người tôi tệ đến độ tôi nghĩ mình sẽ sớm chết. Thị giác của tôi đã mất hoàn toàn. Thời gian sau này khi tôi sống với Ngài Lạt Ma, ngài đã chi rất nhiều tiền để điều trị cho tôi, nhưng không thành công vì dây thần kinh thị giác của tôi đã bị tổn thương quá nhiều bởi những cú va đập mà tôi đã chịu đựng trong đời.

Cánh cửa mở ra và đóng lại. “Sao rồi?” người phụ nữ hỏi. “Anh nói với Sếp rằng anh cảm thấy phần nộ khi một sinh vật của Chúa lại bị đối xử như vậy”. Ông ấy nói “Ồ, chắc chắn rồi Sean, anh luôn là người nhạy cảm như thế, được rồi, cứ nghỉ đi.” Vậy nên anh được ở đây. “Nó sao rồi?”

“Hmm, cũng vậy thôi,” vợ anh ta trả lời. “Em bơi nước lên môi cho nó và nó ăn được ít cá. Nó sẽ hồi phục, nhưng mà nó đã có một khoảng thời gian thật tệ.” Người đàn ông bồn chồn đi vòng qua, “Cho anh ít thức ăn, Mary, anh sẽ đưa nó đến chỗ mẹ. Giờ anh đi ra ngoài để xem mấy cái lớp xe”. Tôi thở dài, lại phải đi nữa, tôi tự hỏi. Cơn đau trong người tôi là một cơn đau âm ỉ thôi thúc. Chung quanh tôi có tiếng loảng xoảng bát đĩa, tiếng cời bếp lửa. Đoạn, người phụ nữ đến cửa và gọi “Trà, Sean ơi, nước sôi rồi đây”. Sean bước vào và tôi nghe thấy tiếng anh ta rửa tay trước khi an vị dùng bữa.

Chúng ta phải giữ kín chuyện này,” Sean nói, “không là sẽ bị Cảnh sát thăm hỏi. Nếu chúng ta nuôi nó khá lên, mèo con của nó sẽ mang lại nhiều tiền. Những con vật này đáng giá lắm, em biết không.” Vợ anh rót một tách trà rồi trả lời. “Mẹ anh biết tất tần tật về mèo, bà ấy sẽ chăm sóc nó tốt hơn bất kỳ ai. Anh đi đi trước khi mấy người khác tan ca.” “Ừ, anh sẽ đi ngay”, Sean vừa nói vừa đứng lên làm tiếng ghế kêu kẽo kẹt. Họ đi về phía tôi, và tôi cảm thấy chiếc hộp của mình được nhắc lên. “Anh không để cái hộp trên chỗ chờ đồ được đâu Sean,” người phụ nữ nói, “kẹp nó dưới tay ấy, để em làm một cái dây choàng qua vai đủ chắc để giữ sức

nặng của nó, mà nó cũng chẳng nặng là bao nhiêu, tội nghiệp sinh vật bé nhỏ!” Sean, đeo một sợi dây giữ chiếc hộp qua vai, xoay người và ra khỏi nhà. Gió mát của không khí xứ Ai-Len len lỏi vào hộp thật tuyệt vời, mang theo hơi thở sống động của biển. Nó làm tôi cảm thấy đỡ hơn rất nhiều – chỉ là ước gì cơn đau biến mất! Chuyển đi trên xe đạp là một trải nghiệm hoàn toàn mới với tôi. Một ngọn gió nhẹ len vào hộp thông qua những lỗ thông khí, và sự rung lắc rất nhẹ không khó chịu, nó nhắc tôi nhớ đến cảm giác nằm đung đưa trên cành cây cao trong cơn gió nhẹ nhẹ. Đôi lúc, tiếng cọt két làm tôi thắc mắc. Ban đầu tôi tưởng là chiếc hộp của mình sắp rơi xuống, nhưng bằng cách tập trung nghe cẩn thận, tôi quyết định là thứ mà Sean đang ngồi lên cần được bơm dầu. Chúng tôi đi đến địa hình lên dốc. Tiếng thở của Sean bắt đầu nặng hơn trong cổ họng, bàn đạp đạp càng lúc càng chậm rồi cuối cùng ngừng hẳn. “Chà Begob!” anh ta thốt lên, “cái thùng nặng phết nhỉ!” Đặt cái thùng của tôi lên yên xe, một tiếng kêu cọt két, rồi anh lê bước đẩy xe lên đồi. Ngừng lại, anh mở một cánh cổng, và dắt xe đạp vào. Có tiếng kim loại va vào gỗ, rồi cánh cửa đóng sập ngay sau chúng tôi. Tôi tự hỏi “Có điều gì chờ đợi mình nữa đây?” Hương thơm dễ chịu của hoa chạm đến cánh mũi tôi, tôi hít hà tận hưởng.

“Con trai, mang gì cho mẹ thế?” một giọng già nua hỏi. “Con mang một cô bé đến cho mẹ đây”, Sean trả lời tự hào. Dựa chiếc xe vào tường, anh nhắc chiếc hộp của tôi lên, cẩn thận lau chân rồi bước vào một nhà. Hít một hơi dài khoan khoái, anh ngồi xuống và kể cho người mẹ nghe toàn bộ câu chuyện, tất cả những gì anh biết về tôi. Anh sột soạt mở nắp thùng rồi đóng lại ngay. Có sự im lặng trong thoáng chốc, “Ah, nó chắc hẳn cực kỳ xinh đẹp trong thời hoàng kim của nó. Nhưng nhìn nó đi, lông thô nhám vì không được chăm sóc. Trông nó gầy trơ xương kìa. Ah, thật là tàn nhẫn khi đối xử với động vật như vậy!”

Cuối cùng tôi được đưa ra khỏi hộp và đặt trên sàn nhà. Bất chợt mất hẳn thị giác là một cảm giác hỗn loạn. Thoạt tiên, tôi bước những bước loạng choạng và vào vào đồ đạc. Sean lầm bầm “mẹ ơi, mẹ có nghĩ chúng ta nên, mẹ biết đó!” “Không đâu con trai, đây là giống mèo rất thông minh, cực kỳ thông minh. Con nhớ là mẹ đã kể với con là mẹ đã thấy chúng ở Anh chứ. Chỉ cần cho nó ít thời gian, nó sẽ tự điều chỉnh được.” Sean quay sang mẹ, “Mẹ, con phải mang cái hộp trả về cho Sếp vào buổi sáng.” Người phụ nữ già loay hoay xung quanh, mang thức ăn và nước, và quan trọng nhất là đưa tôi đến một chiếc hộp cát! Cuối cùng Sean cũng rời đi với lời hứa sẽ quay trở lại sau ít hôm nữa. Người phụ nữ già cẩn trọng khoá cửa rồi ném một bánh than bùn vào đồng lửa, tự thâm thì bằng thứ ngôn ngữ mà tôi nghĩ là tiếng Ai-len. Đối với mèo, ngôn ngữ không quá quan trọng vì chúng tôi giao tiếp và lắng nghe bằng thần giao cách cảm. Con người suy nghĩ bằng ngôn

ngữ riêng của họ, và đôi lúc cũng rất bối rối cho một con mèo Xiêm Pháp để có thể phân loại được những ý nghĩ được hình thành từ những ngôn ngữ khác.

Chúng tôi nhanh chóng đi ngủ, tôi nằm trong một chiếc hộp cạnh bếp lửa, còn bà già nằm trên một chiếc ghế dài phía xa trong phòng. Tôi mệt mỏi cực độ, nhưng cơn đau cứ gặm nhấm khiến tôi không thể ngủ được. Cuối cùng thì sự kiệt sức cũng vượt qua cơn đau, tôi trôi giạt trong giấc ngủ. Những cơn mơ thật kinh hoàng. Tôi phải đi đến đâu nữa đây? Tôi tự hỏi mình trong giấc mơ, tại sao tôi phải chịu đựng đến thế? Tôi lo sợ cho đám mèo con của mình. Sợ rằng chúng sẽ chết ngay khi vừa mới sinh ra, sợ cho tương lai của chúng? Liệu tôi, trong thể trạng yếu ớt này, có thể nuôi chúng lớn?

Trời sáng, bà già trở mình dậy. Lò xo của chiếc ghế dài kêu cọt kẹt khi bà đứng lên và bước đến cời lửa. Quỳ bên cạnh tôi, bà xoa đầu tôi và nói “Ta đi lễ đã rồi chúng ta sẽ ăn gì đây” Bà đứng lên và nhanh chóng rời khỏi phòng. Tôi nghe tiếng bước chân xa dần trên con đường mòn. Có tiếng click từ cánh cửa ngoài vườn, sau đó là sự im lặng. Tôi xoay người rồi ngủ lại.

Đến cuối ngày, sức lực của tôi đã hồi phục phần nào. Tôi đã có thể đi loanh quanh. Đầu tiên tôi va vào hầu như tất cả mọi thứ, nhưng tôi nhanh chóng học được rằng đồ nội thất thường không bị dịch chuyển nhiều. Dần dà tôi trở nên lão luyện trong việc dò đường mà không bị quá nhiều vết bầm nữa. Ria mép của chúng tôi làm việc như radar và chúng tôi có thể tìm được đường trong bóng đêm tối nhất, khi không có một chút tia sáng nào để định hướng. Giờ thì, ria mép của tôi phải làm việc hết công suất!

Vài ngày sau, khi người con trai đến, người phụ nữ lớn tuổi bảo anh “Sean, dọn buồng củi đi, mẹ sẽ để nó trong đó. Nó thì mù còn mẹ thì nhìn không rõ, mẹ sợ mẹ sẽ đá trúng nó và có thể làm tổn thương lũ mèo con – chúng nó đáng giá nhiều tiền lắm đó!” Sean đi ra và sau đó tôi nghe tiếng náo động ở nhà củi khi anh dọn đồ đạc và chất những bánh than bùn. Anh quay trở lại rồi nói “Được rồi đó mẹ, con đã để chồng báo trên sàn và chặn cửa sổ rồi.”

Vậy là một lần nữa, giường ngủ của tôi lại là giấy báo, lần nào là báo Ai-len. “Ồ”, tôi nghĩ “Cây táo đã nói nhiều năm trước là sự giải thoát sẽ đến vào giây phút đen tối nhất của cuộc đời tôi. Chắc là sắp tới rồi!” Nhà củi được làm từ những thanh gỗ phủ sơn và một cánh cửa ọp ẹp. Sàn đất nện, dọc bên tường là một bộ sưu tập đồ gia dụng đáng kể, những bánh than bùn và những chiếc hộp rỗng. Vì lý do kỳ quái nào đó mà bà già dùng một chiếc ổ khoá cực lớn để đóng cửa. Mỗi khi đến xem tôi bà đều đứng rất lâu để làm bầm, không ngừng đổi chìa khoá thì mới tìm

thấy chiếc chìa khoá đúng. Cuối cùng cửa cũng mở được, bà lò dò đi vào, tìm đường trong không gian nội thất ảm đạm. Sean muốn sửa lại cửa sổ để có ánh sáng chiếu vào – vì cái lỗ tối này không có lấy một tia sáng – nhưng bà già bảo, “Kính đất lắm con trai, chờ đến khi mình có mèo con để bán đi!”

Ngày chậm chạp trôi qua. Tôi được cho ăn và uống, nhưng tôi luôn phải chịu đựng những cơn đau. Thức ăn khá ít ỏi, chỉ đủ để tôi sống qua ngày nhưng không đủ để bù đắp sức khoẻ của tôi. Tôi chặt vật cố sống để sinh những đứa con của mình. Mù, bệnh tật và đói, tôi cố duy trì cơ hội mỏng manh để tiếp tục sống và tin rằng “ngày tốt đẹp hơn sẽ đến!”

Vài tuần sau khi đến Ai-len, tôi biết rằng mình sắp sinh con. Mọi cử động đều trở nên chậm chạp và cơn đau tăng dần. Tôi không còn có thể duỗi thẳng mình hay cuộn thành vòng tròn nữa. Có gì đó xảy ra trong tôi và tôi chỉ có thể nghỉ ngơi bằng cách ngồi tựa ngực vào đầu đó để phần dưới cơ thể không bị sức nặng đè lên.

Hai hay ba đêm sau đó, khoảng giữa đêm, một cơn đau khủng khiếp tấn công. Tôi gào thét đau khổ. Chậm chạp, với sự cố gắng hết sức, những đứa con của tôi cũng ra đời. Ba trong số năm đứa đã chết. Tôi nằm thở dốc hàng giờ, cả cơ thể tôi như đang bốc cháy. Đến đây, tôi nghĩ, hẳn đã là đoạn cuối cuộc đời mình, nhưng không, không được thế. Tôi vẫn tiếp tục sống.

Bà già ghé thăm nhà củi vào buổi sáng và chửi mắng tệ hại khi nhìn thấy ba chú mèo con đã chết của tôi. Bà ta ác khẩu đến mức, ngay sau đó phải lầm bầm cầu nguyện để sám hối. Tôi nghĩ rằng bây giờ, khi phải nuôi hai đứa nhỏ, tôi có thể được vào trong nhà, nơi ấm áp và có gì đó nhiều hơn là đồng báo để nằm. Nhưng bà già tỏ vẻ phật ý khi tôi chỉ sinh được hai con. “Sean”, bà nói với anh con trai vào một tối nọ, “mấy con mèo này không sống được hơn hai hay ba tuần đâu. Con đi rao tin rằng chúng ta có bán hai con mèo Xiêm còn đi?”

Tôi ngày một yếu hơn và chờ đợi cái chết, chỉ là còn lo sợ cho bầy con. Một ngày nọ, khi chúng vừa đến lúc cai sữa, một chiếc xe ô tô đỗ phịch trước cổng nhà. Từ trong nhà củi, tôi có thể nghe hết mọi thứ. Tôi nghe tiếng cổng bật mở và hai người khách đi lên lối đi nhỏ. Có tiếng gõ cửa. Vài giây sau, cửa mở. Một giọng phụ nữ nói, “Tôi nghe nói bà có mèo Xiêm rao bán?” “À, mời vào”, bà già trả lời. Sự im lặng bao trùm trong một thoáng, rồi bà già run rẩy đi đến và bắt lấy một đứa con của tôi. Vài phút sau bà ta quay lại, lầm bầm bực tức, “Không hiểu ông ta muốn xem mày làm gì chứ?” Bà ta tóm lấy tôi thô bạo đến độ tôi hét toáng lên vì đau. Bà ta làm bộ bế bồng tôi vào nhà vờ như yêu thương lắm. Những giọng

nói thật êm dịu gọi tên tôi và nhẹ nhàng chạm vào tôi. Người đàn ông nói, “Chúng tôi muốn cả con mẹ nữa. Nó sẽ không sống được nếu không được chữa trị.” “À!” bà già nói “Nó này khoẻ mạnh và rất tốt đấy chứ!” Tôi đọc được từ suy nghĩ của bà ta “Đúng rồi, tôi đã đọc rất nhiều, tôi biết con mèo này sẽ rất được giá đây.” Thế là bà ta làm bộ làm tịch, nói rằng hết mực yêu thương tôi và tôi thật vô giá biết bao, bà chẳng muốn bán tôi chút nào. Tôi quay hướng sang ông khách và nói “Đằng nào tôi cũng sắp chết rồi, xin đừng quan tâm đến tôi, hãy chăm sóc hai đứa con của tôi”. Ông khách quay lại bảo bà già “Bà nói muốn bán hai con mèo con đúng không?”. Bà ta xác nhận, và ông cứng rắn nói “Chúng tôi sẽ lấy cả ba hoặc không thì thôi”. Bà già ngã một cái giá làm tôi choáng váng, nhưng người đàn ông chỉ nói “Được rồi, hãy chuẩn bị cho chúng, chúng tôi sẽ lấy luôn.” Bà già lao khỏi phòng để giấu sự vui sướng và để đếm lại thật kỹ tiền. Hai đứa con trai của tôi nhanh chóng được bỏ vào một chiếc giỏ đặc biệt mà hai người khách đã mang đến. Người phụ nữ ngồi ở băng ghế sau, đặt tôi lên lòng. Còn chiếc giỏ được đặt ở ghế trước, cạnh ghế của người đàn ông. Chậm rãi và cẩn thận, chúng tôi lái xe đi. “Rab, chúng ta phải đưa Fifi đến bác sĩ thú ý trước” ông nói. “Nó ốm nặng lắm, về nhà tôi sẽ gọi điện ngay, ông ấy sẽ đến ngay hôm nay. Mình cho bọn mèo con đi theo cùng luôn chứ?” “Đúng rồi,” người đàn ông trả lời “ để chúng không cô đơn.” Xe lái cẩn thận đến mức tôi không thấy đau. Những lời Cây Táo phảng phất “Cậu sẽ được hạnh phúc Fifi”. Liệu đã đến lúc ấy chưa? Tôi tự hỏi.

Xe lăn bánh qua rất nhiều dặm đường, rồi cẩn thận sẽ vào một khúc quanh và leo lên một ngọn đồi dốc. “Chúng ta đến nhà rồi mấy đứa”, người đàn ông nói. Tất máy, ông ra khỏi xe và mang theo chiếc rổ chứa các con của tôi. Người phụ nữ cẩn thận bước ra để không làm tôi giật mình, đi lên ba bốn bậc vào trong nhà. Thật là khác biệt! Ngay lập tức, tôi đã nhận thấy mình được chờ đợi và chào đón ở đây, tôi biết lời của Cây Táo Già đã đúng. Nhưng tôi thấy mình kiệt sức. Người phụ nữ gọi một cuộc điện thoại và tôi nghe bà nói chuyện với bác sĩ thú y như vừa đề cập lúc nãy. Vừa dứt lời cảm ơn, bà ngắt máy. “Ông ấy sẽ đến ngay lập tức”, bà nói.

Tôi không muốn đi sâu vào chi tiết về cuộc phẫu thuật của tôi hay việc tôi phải vật vã chiến đấu để giành sự sống. Chỉ cần nói rằng tôi đã trải qua một cuộc phẫu thuật khó nhất để loại bỏ khối u tử cung có lẽ là đã đủ. Tôi phải cắt bỏ tử cung và như vậy sẽ không phải chịu đựng sự khó khăn của việc mang thai nữa. Hai người chủ mới thức chăm tôi mỗi đêm, vì cuộc phẫu thuật quá nghiêm trọng đến nỗi người ta cứ tưởng tôi sẽ không qua khỏi. Tôi tin vào điều ngược lại, bởi vì giờ đây tôi đã được về nhà và được yêu thương.

CHƯƠNG 4

Cuộc phẫu thuật đã ở đằng sau, việc của tôi bây giờ là phôi phục. Trước đó tôi đã quá bệnh để quan tâm xem ai đang sống trong ngôi nhà này và nó trông ra sao.

Ông bác sĩ thú y người Ai-len nói “Ông bà phải đưa nó về nhà và cho nó thật nhiều thương yêu, đó là điều nó khao khát, nó sẽ không sống nổi nếu chúng ta cứ giữ nó ở đây.”

Vậy là tôi được đưa về nhà. Tôi đã rất im lặng trong suốt hai ngày đêm đầu tiên, trong khi hai người chủ mới chăm sóc và cố dỗ tôi ăn những thức ăn đã được sàng lọc kỹ. Tôi không chịu ăn dễ dàng, chỉ bởi vì thích được dỗ dành, tôi muốn được biết rằng họ nghĩ đến tôi đủ nhiều để dành thời gian dỗ dành tôi.

Sáng ngày thứ ba sau chuyến thăm khám của bác sĩ thú y, ông chủ nói, “Ta sẽ đưa Quý Cô Ku’ei đến nhé Feef”. Ông đi ra ngoài và sớm quay trở lại, thăm thì âu yếm với ai đó.

Khi họ đến gần, ông nói, “Feef, đây là Quý Cô Ku’ei, còn đây là Chị Fifi Greywhiskers”.

Ngay lập tức tôi nghe được giọng nói ngọt ngào của một cô mèo Xiêm trẻ, thật êm ái biết bao. Tông giọng thật hay! Rất có nội lực! Tôi say mê nghe và thầm ước gì người mẹ xấu số của mình cũng có thể nghe được giọng nói ngọt ngào như thế. Quý Cô Ku’ei ngồi trên giường, ông chủ ngồi giữa hai chúng tôi. “Tôi là Quý Cô Ku’ei”, cô bạn mèo nói, “chúng ta sẽ sống cùng nhau nên chị gọi tôi là Ku’ei được rồi. Chị đã mù, nên khi nào đi lại được, tôi sẽ đưa chị đi quanh và chỉ ra những chướng ngại vật cho chị, những chỗ có đồ đạc, chỗ có thức ăn vân vân. Và nhân tiện nói về điều đó,” cô nhấn mạnh thêm với giọng tự hào, “ở đây chúng ta không phải ăn đồ thừa, cũng không cần phải bới rác (khi có người nhìn thấy), thức ăn cho mèo được mua riêng và đều là những loại có chất lượng tốt nhất. Bây giờ chị chú ý nhé, tôi sẽ nói sơ qua về những đồ dùng trong nhà, và tôi sẽ không nói hai lần đâu.

“Vâng, cô Ku” tôi khiêm tốn trả lời “tôi sẽ hết sức lắng nghe” rồi tôi thả lỏng người một chút để giảm áp lực lên những vết khâu.

“Đây là xứ Howth, thuộc Hạt Dublin,” Cô Ku bắt đầu, “Chúng ta sống ở một ngôi nhà trên vách núi. Biển ở ngay dưới chân, cách 120 feet, cho nên đừng có ngã,

người ta sẽ không hài lòng nếu chị ngã trúng một con cá đàu. Chị phải giữ phẩm giá với khách đến thăm – nhớ rằng chị là một MXTC – nhưng Chị có thể đùa giỡn thoải mái với mọi người trong nhà.”

Tôi xen ngang “Nhưng Cô Ku, MXTC là gì?”

“Chà chà, chị đúng là một con mèo già ngốc nghếch,” cô Ku trả lời, “ai cũng biết MXTC nghĩa là Mèo Xiêm Thuần Chúng – chị nên tỏ ra thông minh như một con mèo Xiêm đích thực. Mà đừng ngắt lời, tôi đang cho chị những thông tin cơ bản đây.” “Xin lỗi cô Ku, tôi sẽ không ngắt lời nữa.” tôi trả lời. Cô Ku đưa chân gãi tai thật kỹ rồi tiếp tục, “Người đàn ông mà chị biết chính là Lạt Ma T. Lobsang Rampa của Tây Tạng. Ông ấy hiểu tiếng mèo Xiêm như tôi và chị vậy, cho nên chị không thể giấu ý nghĩ của chị với ông ấy đâu. Ông ấy to cao, có râu và hói, ông ấy cũng suýt chết một hai lần vì bệnh tim mạch. Lúc ấy ông thực sự bệnh rất nặng đến nỗi chúng tôi đều tưởng rằng đã mất ông.” Tôi gật đầu lia lịa, vì tôi hiểu rõ ốm đau ra sao. Cô Ku tiếp tục, “Nếu có rắc rối, chị hãy nói ngay với ông ấy, ông ấy sẽ giúp chị giải quyết. Nếu chị muốn ăn gì đặc biệt cũng nói với ông ấy, ông ấy sẽ báo với Mẹ”. “Mẹ?” tôi hỏi “Mẹ cô cũng ở đây à?” “Đừng ngớ ngẩn thế” Cô Ku trả lời với giọng hơi cộc cằn, “Mẹ là Rab, người phụ nữ sẽ giúp chúng ta đi chợ, dọn bát, nấu ăn, dọn giường và cho bọn mình ngủ trên giường của bà. Tôi là mèo của Mẹ, còn chị là mèo của ngài Lạt Ma.” Cô Ku nói đầy tự hào. “Chị sẽ ngủ trong phòng này cạnh ngài Lạt Ma. À mà đúng rồi, chị không thể nhìn thấy Mẹ. Bà ấy lùn, mắt và cổ chân rất đẹp, khắp người đều có thịt mềm. Ngồi trong lòng Mẹ thì không bao giờ bị xương thoi vào người cả!”

Chúng tôi tạm ngừng một lúc để Cô Ku lấy hơi, và tôi thì cố thẩm thấu những thông tin dồn dập. Cô Ku nghịch cái đuôi của mình rồi tiếp tục, “Chúng ta có một cô người Anh trẻ sống cùng trong gia đình. Cô ấy rất cao và gầy, có mái tóc màu cam giống như một anh chàng mèo mà tôi từng gặp một lần. Khá tử tế, cô ấy hay thưởng cho chúng ta, mặc dù cô hay thích lũ chó to hôi hám và lũ trẻ con hay la hét.”

“Đủ rồi, Ku’ei”, ngài Lạt Ma nói, “Feef cần nghỉ ngơi, lúc khác lại nói tiếp nhé.” Ông bế Cô Ku lên và mang cô ấy ra khỏi phòng. Tôi nằm trên giường ông một lúc, gừ nhẹ đầy mãn nguyện. Không còn phải ăn thức ăn thừa nữa – tôi luôn ước mơ sẽ được ăn những món dành riêng cho mình. Và được yêu thương, đó là kỳ vọng của tôi suốt những năm dài chờ đợi. Giờ đây tôi đã được yêu thương rất nhiều. Tôi mỉm cười hài lòng và chìm vào giấc ngủ.

Vết mủ lành dần, khi chỉ khâu được cắt bỏ, tôi đã có thể đi lại. Những bước đầu rất cẩn trọng vì bị mù, nhưng rồi tôi tự tin hơn biết rằng đồ vật sẽ không bị dời đi trừ khi tôi đã được hướng dẫn về vị trí mới của chúng, cũng như những thứ xung quanh. Cô Ku'ei chỉ dẫn cho tôi, nói cho tôi biết cái gì ở đâu và khách đến đây cũng rất thận trọng vì biết tôi bị mù. “Thật đấy à!” họ thốt lên “Mù sao?” Nhưng nó có cặp mắt xanh tuyệt đẹp, sao nó lại có thể bị mù được chứ?”

Cuối cùng tôi cũng được xem là đủ khoẻ để được thả ra vườn. Khí trời thật trong trẻo, cùng mùi của biển hòa lẫn với cây cỏ. Trong nhiều ngày tôi không để cho ai xen giữa mình và cánh cửa, tôi luôn sợ rằng mình sẽ bị nhốt ở ngoài. Khi ấy cô Ku thường chế giễu tôi, “Đừng ngốc thế Feef, ở đây chúng ta là con người, sẽ không ai nhốt chị ở ngoài đâu”. Chúng tôi nằm trên cỏ ẩm và Cô Ku miêu tả quang cảnh xung quanh cho tôi. Phía dưới chúng tôi, những con sóng âm âm vỗ, tung lên những bọt nước trắng xoá. Nước trong hang động ngay dưới nhà gầm gừ, dường như rung lắc toàn bộ vách đá vào những ngày giông bão. Phía bên trái là tường biển, phía xa có ngọn hải đăng. Cách mặt biển của Mất Ireland tầm hơn một dặm là một cảng nhỏ nằm ẩn mình để tránh những cơn thịnh nộ của biển cả xứ này. Phía bên phải, mũi đá Răng Quỷ nhô ra khỏi thềm đất vài yards, che chắn cho bãi tắm của con người khỏi những cơn sóng mạnh. Cô Ku thích ngắm nhìn người ta tắm biển, tôi cá là mình cũng sẽ thích điều đó nếu như còn nhìn được.

Phía sau nhà là lưng của đỉnh đồi Howth, đứng ở đó từ trên cao, vào ngày trời quang đãng, có thể thấy những ngọn núi của xứ Wales trên đất liền, và núi Mourne của Bắc Ireland. Đó là những ngày thật hạnh phúc, chúng tôi lười biếng nằm phơi nắng và Cô Ku kể với tôi về gia đình của chúng tôi. Dần dà tôi cũng xoá được nỗi sợ hãi bị nhốt ở ngoài. Tôi cũng không bị gửi đi lấy giống với những tên mèo đực thô thiển nữa. Bây giờ, tôi được yêu mến vì chính bản thân mình, và như Cô Ku nói, tôi là một đoá hoa nở rộ vừa được đem ra dưới ánh mặt trời sau một thời gian dài ở trong bóng tối của hầm rượu. Chúng tôi yêu những ngày này, khi ngài Lạt Ma đặt tôi lên cành cây thấp nhất, giữ cho tôi không rơi, cuối cùng thì tôi cũng đến được Thiên Đàng.

Lúc đầu tôi không mấy ưa đám hải âu, chúng hay lượn lờ và bàn tán “Nhìn mấy con mèo dưới kia kìa, chúng mình cứ đâm vào nó, làm nó ngã xuống vách đá rồi chén thịt”. Cô Ku sẽ đáp trả bằng bài hát khiêu chiến của mèo Xiêm và chuẩn bị sẵn móng vuốt cho bất kỳ cuộc tấn công nào. Thỉnh thoảng trên không trung vang lên tiếng “thug-thug, thug-thug” yếu ớt và tất cả lũ chim sẽ nháo nhác bay mất. Tôi đã thắc mắc về điều này một thời gian dài, mà không phải lúc nào cũng đi hỏi, nên tôi đã tự tìm ra câu trả lời. Đó là tiếng thuyền cập bến và lũ chim bay đi để đánh chén những phần ruột cá mà người ta vứt đi ở trên khoang tàu.

Một trưa nắng ấm, tôi đang lười biếng nằm dưới bóng một bụi Veronica thì cô Ku gọi, “Chuẩn bị đi Feef, bọn mình sắp được đi chơi đó.” Đi chơi? Bằng ô tô? Tôi suýt ngất vì sợ và bất ngờ. Trong khi ấy, cô Ku thích thú với việc đi chơi bằng ô tô! “Nhưng..”, tôi ngần ngại, “Tôi không muốn lên ô tô đâu, nhớ đâu họ bỏ quên tôi thì sao!” “FEEF!” ngài Lạt Ma gọi, đi nào, tất cả chúng ta đều đi cả.” Tôi sợ muốn ngất đến mức phải được bế lên và mang vào xe. Khác hẳn tôi, cô Ku hát líu lo vui sướng; lao vào trong xe và hét, “Tôi xí ghế phía trước nhé?” Tôi dè dặt hỏi “Ngài Lạt Ma sẽ lái xe chứ, cô Ku?” “Đương nhiên rồi, mà này, đừng có luôn miệng gọi ông ấy là ngài Lạt Ma, hãy gọi ông là “Thầy” như tôi gọi đây.” Ngài Lạt Ma, à xin lỗi – Thầy, chui vào xe và ngồi vào ghế trước cạnh cô Ku. Mẹ cũng vào xe, ngồi ở ghế sau và đặt tôi lên đùi. Cô gái trẻ người Anh (mà tôi chưa biết tên) ngồi cạnh Mẹ. “Cửa khoá rồi chứ?” Thầy hỏi. “Đương nhiên, lúc nào cũng vậy mà?” Mẹ trả lời. “Đi thôi nào, chúng ta còn chờ đợi gì nữa?” Cô Ku nóng ruột. Thầy nổ máy rồi lái đi.

Tôi bị bất ngờ vì sự êm ái của hành trình này. Điều này khác xa với trải nghiệm của tôi khi bị ném thô bạo từ bên này sang bên kia như ngày ở Pháp và Mỹ. Chúng tôi di chuyển xuống một ngọn đồi dốc và quay ngất ở một góc cua. Đi thêm một đoạn nữa – bao nhiêu nhỉ? Ở đây người ta dùng dặm hay cây số? – khoảng 3 hay 4 phút chúng tôi lại rẽ về bên phải, đi thêm khoảng một phút rồi ngừng lại. Động cơ tắt. Mùi biển thật nồng hậu. Những tia nước nhẹ bắn lên, thổi theo ngọn gió hiu hiu làm mũi tôi nhột nhột. Có tiếng ồn của rất nhiều người, tiếng động cơ thỉnh thoảng. Một mùi tanh nồng của cá tươi, cũng như cá khô đã phơi nắng. Mùi của khói và dây thừng tẩm nhựa. “A! Cá tươi quá!” cô người Anh thốt lên, “Tôi đi vào đó mua một ít nhé?” Rồi cô đi đến chỗ một người quen hay bán cá tươi cho chúng tôi từ biển. CLANG! Tiếng động ở khoang hành lý vang lên khi gói cá được bỏ vào. BANG! Cô người Anh chui vào xe và sập cửa. “Cô Ku!” Tôi thì thầm “Đây là đâu thế?” “Đây ư? Đây là hải cảng nơi các thuyền cá cập bờ và mang cho bọn mình bữa tối. Một bên là các nhà kho chứa, bên kia là nước. Thuyền được neo lại để không bị trôi cho đến khi mọi người đã sẵn sàng hết. Còn mùi khói kia à? Người ta hun cá trong khói để giữ chúng không bị hỏng – chúng ta không thể ngửi ra ngay vì mùi khói.” Cô Ku nhảy về ghế cạnh Thầy và mè nheo “Còn chờ gì nữa, chúng ta đi đến Partmarnock thôi!” “Ồi Ku, mày thật là thiếu kiên nhẫn!” Thầy nói, rồi khởi động xe và đi tiếp.

“Cô Ku!” Tôi nói, giọng rụt rè. “Cô người Anh này, tôi không đọc được tên cô ấy, và cách tôi phát âm nó nghe như thể đang chửi bới một con mèo đực quá hưng phấn vậy. Tôi phải làm sao giờ?” Cô Ku suy nghĩ một lúc rồi nói, “Tôi chắc là... tôi chẳng biết nữa.” Rồi đột nhiên cô cao giọng nói, “Á, biết rồi, cô ấy mặc váy màu xanh, cao gầy, tóc hơi vàng: Feef, chị hãy gọi cô ấy là Kẹo Bơ đi, cô ấy cũng chẳng

biết đâu! “Cám ơn Cô Ku”, tôi trả lời, “Tôi sẽ gọi cô ấy là Cô Kẹo Bơ.” “Đừng có gọi tôi là cô này cô nọ”, Cô Ku vặn lại, “Chúng mình không nên gọi cô ấy là cô Kẹo Bơ, vì cô ấy cũng giống chị, cũng đã có mèo con rồi. Thôi nào Feef, chị không còn ở trong xã hội Pháp lịch thiệp nữa. Chị đang ở nhà rồi, nên cứ gọi là Thầy, Mẹ, và Kẹo Bơ. Nhưng tôi thì phải gọi là CÔ Ku.”

Chiếc xe tiếp tục lăn bánh, thật nhẹ nhàng. Trước khi tôi kịp nhận ra, chúng tôi đã đến nơi và dừng lại. Cửa xe mở và tôi được nhấc ra. “Ah! Đây mới là cuộc sống chứ!” Cô Ku cảm thán. Một đôi tay nhẹ nhàng nắm lấy chân tôi và nhúng chúng vào cát. “Xem này Feef, cát đấy!” Thầy nói. Tiếng gầm gừ cuộn cuộn của sóng đánh vào bờ đá làm tôi thoải mái, trong khi mặt trời ấm áp chiếu xuống lưng. Cô Ku tung tăng chạy nhảy khắp bãi cát, ca hát sung sướng. Cả gia đình (gia đình của tôi) ngồi im lặng bên cạnh. Tôi ngồi dưới chân họ, nghịch ngợm một viên sỏi. Tôi đã quá già và chưa đủ hồi phục để có thể chạy nhảy điên cuồng như Cô Ku. Trong cái dễ chịu của nắng ấm, tôi ngủ thiếp đi...

Mây kéo đến che khuất mặt trời, và mưa nhẹ. “Quái lạ!” tôi nghĩ, “Sao mình lại ở đây?” Rồi tôi nhận ra, tôi đang du hành trong thế vía. Tôi thấy mình nhẹ bồng như mây và lướt bay trên những con đường dọc bờ biển, đi sâu dần vào đất liền. Tôi thấy sân bay Le Bourget, rồi càng lúc càng tiến vào sâu. Một hàng cây dương dài vẫn đứng như canh gác con đường thẳng màu trắng. Những chóp mái nhà thờ thấp thoáng trong màn hơi nước và rặng cây trong nghĩa trang dường như đang khóc thương những người nằm dưới đó. Tôi lại tiếp tục trôi dạt, như bóng ma, xuống thấp nữa. Và rồi tôi bất chợt nhìn thấy, bởi vì khi du hành thế vía thì người ta không còn mù, “Tưởng niệm ...” Trong một lúc, tôi mất phương hướng, rồi đột nhiên sực nhận ra. “BÀ ALBERTINE!” tôi thốt lên, “được chôn ở đây!” Một cơn ghen ngào chiếm lấy tôi. Ngày ấy, bà là người duy nhất yêu thương tôi. Giờ đây bà đã đi rồi còn tôi đang được sống những ngày hạnh phúc và yêu thương. Nhưng rồi tôi nghĩ, bà hẳn đã được thoát khỏi thế giới xấu xa này và đi đến nơi tràn đầy hạnh phúc. Tôi thở phào nhìn lại lần cuối rồi lướt lên cao, tiếp tục trôi đi.

Phía dưới tôi, người cảnh vệ đang quét dọn sân sau cái trạm của ông ta. Một con chó bị xích vào tường, đang gầm gừ rên rỉ khó chịu khi tôi bay ngang qua. Căn nhà hiện dần trước mắt tôi, lạnh lẽo, không chút thân thiện như thế nó cấm cửa tất cả mọi người. Bà Đại sứ bước ra sân. Theo bản năng, tôi tính quay đầu chạy, nhưng đương nhiên bà ta không thể nhìn thấy tôi đang lơ lửng trôi ngang tầm vai được. Trông bà gầy và tàn tạ. Những nếp nhăn của sự bất mãn làm hoen ố nhan sắc của bà. Khoé miệng bà xệ xuống, kèm với đôi môi mỏng và chiếc mũi héch, trông bà thật sự cay độc.

Tôi tiếp tục trôi, về phía cây Táo già, và ngừng lại vì kinh hãi. Cây táo đã biến mất, bị nhổ đến không còn cả gốc. Lặng lẽ đau xót, tôi lượn vòng xung quanh. Một thôi thúc không diễn tả khiến tôi trôi dạt về phía nhà ngoài năm xưa, nơi tôi đã ở. Tim tôi như ngừng đập. Phần còn lại của Cây Táo già bạn tôi đang được chất đống ở đây để làm củi. Có chuyển động ở cửa, và Pierre đứng đó, chiếc rìu trên tay. Tôi hét lên và ký ức mờ đi từ điểm ấy...

“Feef!”, Thầy gọi, ẵm tôi trên vai và đi vòng quanh. “Con gặp ác mộng vào ban ngày à. Ta bắt ngờ đấy Feef!” Tôi rụt người và đột nhiên cảm thấy thật sự biết ơn. Tôi quay đầu liếm tai Thầy. Ông mang tôi xuống sát mép nước, đứng đó với tôi trên vai. “Ta biết con cảm thấy thế nào Feef”, ông nói, “Ta cũng đã phải trải qua nhiều trắc trở trong cuộc đời.” Xoa lưng tôi, ông quay lại và đi về phía những người khác. “Chúng ta về chứ?” ông hỏi, “Bà cô già Greywhiskers mệt rồi”. Tôi rên gừ gừ. Thật tuyệt khi có ai đó nghĩ về mình và có thể trò chuyện cùng mình. Chúng tôi cùng vào xe và quay trở về nhà.

Tôi biết mình là một con mèo già khó tính và hay sợ sệt. Đến bây giờ tôi vẫn không thích ô tô. Việc bị mù cũng góp phần cho nỗi sợ ấy vì tôi vẫn lo nhờ mình bị bỏ quên ở đâu đó. Cô Ku’ei thì rất đĩnh đạc, một quý cô từng trải trong xã hội, không nao núng trước bất kỳ điều gì. Lúc nào cô ấy cũng làm chủ mọi tình huống. Còn tôi, như đã nói, khá kỳ dị. Điều ấy khiến cho việc tôi được yêu thương càng trở nên tuyệt vời hơn bao giờ hết. Thật may mắn vì họ yêu thương tôi, bởi tôi không thể chịu đựng được sự cô độc nữa. Tôi đã thiếu thốn tình cảm trong rất lâu và giờ đây tôi muốn tất cả tình yêu mà họ có!

Chúng tôi lái xe lên đồi Howth, cạnh đường ray của xe điện. Đi quá đỉnh đồi để xuống làng, rẽ phải trước khi đến nhà thờ lớn, rồi đi ngang qua nhà ông bà O’Grady, rẽ trái lần nữa là về đến nhà. Ông Loftus già dễ thương, người cảnh sát “của chúng tôi” đang ngó qua tường. Chúng tôi không bao giờ đi ngang ông mà không chào hỏi, Thầy nói ông Loftus là một trong những người tốt bụng nhất ở Ai-len và trên cả thế giới này.

Tôi mệt rệu ròi và thật mừng khi được về nhà. Tôi muốn được ăn và uống chút gì đó, rồi lăn ra ngủ trên giường của Thầy, với tiếng sóng biển vỗ về bên tai, gợi cho tôi nhớ về tiếng ru của mẹ ngày trước. Điều cuối cùng tôi nghe được trước khi thiếp đi là tiếng Cô Ku nói “Xin chào, con muốn đi xuống ga-ra với Thầy để cất xe.” Tiếng đóng cửa nhẹ, rồi mọi thứ thật yên ắng. Giấc ngủ thật tuyệt, khi biết rằng tôi sẽ không bị ai đuổi bắt hay đem vào trong nhà kho gỗ tối tăm nữa và biết rằng tôi được tôn trọng như một con người, có quyền như bất kỳ ai khác trong nhà. Thở một hơi mãn nguyện, tôi cuộn tròn và ngáy to.

“Này FEEF! Bà cô già Greywhiskers! Xích ra cho Thầy ngồi lên giường.” “Ku’ei, đừng ngó ngẩn thế, đương nhiên là Fifi được ngủ trên giường rồi, thôi nào.” Giọng thầy có vẻ mệt mỏi. Tôi ngẩng đầu lên để nghe kỹ hơn, rồi mò mẫm mặt đất và nhảy xuống. Một đôi tay nhẹ nhàng nhưng chắc chắn đón lấy tôi và nhắc tôi trở lại. “Feef! Mà cũng ngó ngẩn như Ku’ei vậy. Cứ ở trên giường cùng ta.” Thế là tôi ở lại trên giường.

Ngài Lạt ma (à quên, Thầy!) cũng là một người khá ốm yếu. Trước đây ông ấy đã từng mắc bệnh lao (một trong số những con của tôi cũng đã từng chết vì bệnh này nhiều năm trước kia), và mặc dù ông đã được chữa khỏi nhưng phổi trái đã bị tổn thương vĩnh viễn. Ông cũng bị tắc mạch vành 3 lần và còn có nhiều vấn đề khác nữa. Ông cũng cần phải nghỉ ngơi nhiều giống tôi. Tỉnh thoảng vào ban đêm ông đi đi lại lại trong phòng rất nhiều vì cơn đau; và tôi cũng đi cùng để an ủi ông. Ban đêm là thời điểm tệ nhất, khi chúng tôi chỉ có nhau. Tôi ngủ nhiều hơn vào ban ngày để có thể thức đêm cùng ông. Mẹ ngủ trong một phòng khác phía bên kia ngôi nhà, và Cô Ku chăm sóc bà. Kẹo Bơ thì ngủ trong một gian phòng dưới lầu hướng mặt ra biển Ai-len, vào các buổi sáng có thể trông thấy hơi nước từ tàu Liverpool cập cảng Dun Laoghaire.

Thầy và tôi ngủ trong gian phòng nhìn ra vịnh Balscadden, bến cảng và biển Ai-len. Ông có thể nằm trên giường hàng giờ để ngắm cảnh quan không thay đổi ấy với cặp ống nhòm lợi hại của Nhật. Người bạn tốt của chúng tôi, ông Brud Campbell, đã thay tấm kính cũ bằng một tấm kính trong nhất để cảnh quan không bị chút méo mó nào. Lúc ngồi cùng nhau, Thầy thường ngắm nhìn quang cảnh rồi kể lại cho tôi về những gì ông thấy bằng cách dùng thần giao cách cảm gửi những hình ảnh để tôi cũng có thể thấy rõ như ông vậy. Tại đảo Mất Ai-len nhiều năm về trước, ông kể, đã có những thầy tu dũng cảm muốn xây dựng một nhà thờ trên đấy, nhưng cuối cùng cũng đành phải khuất phục trước những cơn bão dữ.

Cô Ku cũng kể cho tôi nghe về đảo Mất Ireland. Cô ấy đã đủ dũng cảm để đi cùng Thầy trên một chiếc thuyền nhỏ băng qua dòng nước và đến đó chơi đùa trên cát. Cô cũng kể về lũ mèo hải tặc ở trên đảo, thường xuyên hù dọa lũ chim và thỏ. Thầy không kể cho tôi về bọn mèo hải tặc đấy (có lẽ Thầy không nghĩ rằng loài mèo lại có thể đồ đốn đến thế), nhưng Thầy kể cho tôi về những tên buôn lậu, Thầy có thể chỉ điểm từng tên. Trong vùng có rất nhiều vụ buôn lậu, Thầy biết gần như hết thảy những ai kết nối với chúng, ông đã chụp được rất nhiều ảnh với một chiếc máy ảnh tầm xa.

Mẹ cũng chụp ảnh, cứ hễ đi đâu cũng mang theo một chiếc máy ảnh trong túi. Nhưng nỗi lo lắng lớn nhất của mẹ là chăm sóc chúng tôi và giúp Thầy duy trì sự

sống thêm một vài năm nữa. Bà luôn luôn bận rộn. Cô Ku, hiển nhiên, là người quán xuyến mọi thứ để không ai xao nhãng và cô ấy luôn muốn được đi chơi.

Kẹo Bơ cũng rất bận rộn. Cô giúp trông nom ngôi nhà và cả Thầy nữa, cô thường đi dạo rất lâu để tìm ý tưởng cho những bức vẽ của mình. Cô là một nghệ sĩ tài năng, cô Ku và Thầy đều công nhận như thế. Đó là lý do mà tôi nhờ cô vẽ minh họa cho quyển sách nhỏ của mình, cô Ku nói cô ấy đã hoàn thành xuất sắc hơn bất kỳ ai. Tôi ước mình có thể nhìn thấy những hình vẽ ấy, nhưng không ai có thể cho tôi lại thị giác được.

Chúng tôi muốn đưa Thầy lên giường trước khi ông ấy lên cơn đau tim, rồi mời ông Loftus đến nói chuyện cùng Thầy. Ông Loftus là một người to lớn, cao và mập, tất cả chúng tôi đều vô cùng ngưỡng mộ ông. Cô Ku, người đã cho phép tôi được nói rằng cô ấy khá đồng cảm, mê mệt ông ấy. Bà O'Grady là một vị khách được chào đón khác, một người có thể ghé thăm bất kỳ lúc nào. Một người đã được xem như "người trong gia đình". Brud Campbell không thường xuyên đến thăm như bọn tôi mong đợi, ông ấy là người bận rộn – bận rộn vì là một người thợ giỏi – và số lần ông ấy ghé thăm đều khá ít.

Một ngày kia, khi chúng tôi đang thảo luận về việc du lịch, đặc biệt là du lịch bằng máy bay, cô Ku nói "Ồ, nhớ khi chúng tôi bay từ Anh (với sự hân hoan phát ra thành tiếng!), hãng hàng không nói họ sẽ không cho mèo ở cùng khoang với con người. Thầy đã trả lời: "Thôi được, nếu họ không muốn cho mèo của tôi đi cùng thì nghĩa là họ cũng không cần tôi, chúng ta sẽ thuê riêng một máy bay và mang tất cả đồ của chúng ta theo." Cô Ku ngừng lại với biểu cảm đầy kịch tính rồi nói tiếp, "Vậy là chúng ta đi bằng máy bay riêng và họ có bình thở oxy cho Thầy, và khi ông ấy đến phi trường Dublin thì họ muốn cho ông ngồi xe lăn như một người khuyết tật! Từ tận đáy lòng, tôi cảm thấy thật ám áp vì biết rằng cả gia đình đều nghĩ đến Cô Ku và tôi như bất kỳ con người nào. Rồi chúng cùng khúc khích cười thì Thầy tùm tùm bảo chúng tôi là một đôi mèo già ngồi lê đôi mách.

Một sáng nọ, tôi thắc mắc "bà O'Grady rất thường xuyên đến đây, nhưng sao ông O'Grady không hay ghé nhỉ?" Cô Ku trả lời "Ô chà chà, ông ấy phải làm việc, ông ấy phụ trách điện ở cả Ai-len này và nếu ông ấy không cho điện chạy vào đây thì chúng ta sẽ nấu ăn bằng cái gì?" "Nhưng cô Ku, chúng ta dùng gas trong cái đồ đựng kim loại và người ta mang thứ đó đến đây cứ ba tuần một lần mà." Cô Ku thở dài ngao ngán; "Feef", cô ấy nói sau khi đã hít thở thật sâu để giữ bình tĩnh như Thầy dạy chúng tôi. "Feef, con người cần nhìn, và nếu muốn nhìn thì họ phải dùng điện, đúng không? Chị không nhìn thấy được nên chị không biết đấy. Chúng ta có mấy chiếc chai thủy tinh treo vào các cột rồi gắn chúng lên trần nhà. Khi con

người thả điện vào những chai đó bằng dây, chúng ta có ánh sáng. Chúng ta sử dụng điện đấy, Feef!” Cô quay đi, miệng lầm bầm “Bọn mèo làm mình phát ốm, lúc nào cũng hỏi những câu ngớ ngẩn.” Đúng là chúng tôi có sử dụng điện, Thầy và Mẹ chụp rất nhiều ảnh màu và xem chúng trên màn hình bằng một loại đèn đặc biệt. Tôi thích ngồi tựa lưng vào chiếc đèn ấy, đối mặt với màn hình vì những tia sáng từ đèn thật ấm áp dễ chịu làm sao.

Ở Howth chúng tôi không có điện thoại, ai đó đã nói với tôi rằng những nhà viễn thông ở Ai-len không có đủ đường dây. Tôi không thể hiểu được tại sao họ không làm thêm dây như những xứ sở khác, nhưng điều đó cũng chẳng quan trọng. Chúng tôi dùng điện thoại của bà O’Grady, bà rất hào phóng với chúng tôi. Mẹ rất thích “Ve O’G” như chúng tôi gọi bà. Thầy cũng mến bà, nhưng thích gặp ông Loftus hơn. Từ cửa sổ phòng mở rộng nhìn ra vịnh, chúng tôi có thể nhìn thấy ông Loftus đang ở góc đường chân con dốc đứng, rồi leo lên đường Balscadden tới khu vực những người đi dã ngoại thường lui tới. Mỗi khi hết ca trực ông ấy thường đến thăm chúng tôi – và ông luôn là người khách được chào đón. Thầy sẽ nằm trên giường, và ông Loftus sẽ đến ngồi đối diện với Thầy và cửa sổ.

Chúng tôi cũng theo dõi tình hình thế giới! Thầy có một chiếc radio sóng ngắn rất lợi hại, có thể nghe được các chương trình từ Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và cả từ Trạm Cảnh sát Ai-len và Trạm Cứu Hoả! Tôi thích nghe nhạc từ Xiêm, hay Thái Lan, hoặc bất kỳ tên gọi nào mà họ gọi đất nước của tổ tiên của tôi. Khi nghe nhạc Xiêm tôi ngồi đung đưa, nhẹ nhàng đếm nhịp thời gian trong đầu. Tôi có thể mơ màng tượng trong tâm trí cảnh những đền chùa, đồng ruộng, cây cối và nhìn lại toàn bộ lịch sử của tổ tiên tôi. Một số trong chúng tôi đã đến Tây Tạng (quê hương của Thầy), ở đó chúng tôi canh giữ Đền chùa và các tu viện Lạt ma. Như những người canh gác của Tây Tạng, chúng tôi được huấn luyện để xua đuổi trộm, bảo vệ của cải và những vật thờ tâm linh. Ở Tây Tạng, chúng tôi hầu hết đều có lông đen vì cái lạnh cực độ. Có lẽ không nhiều người biết rằng giống của chúng tôi đổi màu lông theo nhiệt độ. Ở những xứ sở lạnh giá, chúng tôi sẽ có màu lông rất đậm. Còn ở xứ nhiệt đới, chúng tôi gần như màu trắng. Lũ mèo con của tôi gần như trắng tinh khi mới sinh ra, và ít lâu sau đó sẽ xuất hiện đặc điểm riêng. Nếu con người có da vàng, trắng, nâu, đen thì chúng tôi cũng thế. Tôi có mình trắng mặt nâu đậm, còn như cô Ku’ei lại có mình ngà mặt nâu sô cô la. Thực tế thì cha cô ấy là một nhà vô địch, Chiến binh Sô cô la. Cô Ku có phả hệ rất tuyệt vời. Còn giấy tờ của tôi đương nhiên đã mất. Một hôm khi đang trò chuyện cùng nhau, tôi nói “Ước gì tôi có thể cho cô xem giấy tờ của tôi, cô Ku ạ, tôi rất buồn khi nghĩ về việc chúng đã bị bỏ lại ở Pháp, và không có giấy tờ, tôi thấy mình như Trần truồng vậy”. Cô Ku an ủi “Ô kìa Feef, đừng nghĩ gì về chuyện đấy, tôi sẽ nói với Thầy để ngài ấy huỷ luôn giấy tờ của tôi, thế là cả hai chúng mình đều không rõ nguồn

gốc”. Trước khi tôi kịp phản ứng thì cô ấy đã chạy đi và ra khỏi phòng. Tôi nghe tiếng cô đi đến chỗ Thầy, lúc ấy đang loay hoay với một thứ hình ống bằng đồng có kính ở hai đầu. Hình như Thầy đưa một đầu vào mắt mình để nhìn được xa hơn. Một lúc sau, Thầy và cô Ku xuất hiện, vẫn còn đang tranh luận rồi ông nói “Thôi được, nếu con đã nói thế, lúc nào con cũng điên rồ như vậy.” Đoạn, tôi nghe tiếng Thầy bước đến một ngăn kéo, tiếng giấy xột xoạt và tiếng quẹt diêm. Tôi ngửi thấy mùi giấy cháy, tiếng lách tách của ngọn lửa và mọi thứ thành tro bụi. Cô Ku đến gần tôi hích nhẹ “Giờ thì không phải lo lắng gì nữa nhé, Thầy và Mẹ chẳng quan tâm tí nào đến phả hệ của chúng mình đâu, chúng ta cũng là con cái của họ.”

Tôi kịt mũi rồi hắt hơi. Trong không khí có mùi gì thật tuyệt, một thứ mà tôi chưa từng biết tới trước đây. “Feef, con đâu rồi Feef?”, tiếng Mẹ gọi tôi. Tôi lạnh lẽo trả lời rồi nhảy ra khỏi giường. Lăn theo hương thơm tuyệt vời mà mũi đánh hơi được và leo xuống cầu thang, “Tôm hùm này Feef, thử đi” Mẹ nói.

Nhà bếp của chúng tôi có sàn bằng đá và Thầy từng một lần nói với cô Ku và tôi rằng có lời đồn về một lối đi dưới thềm đá nối nhà bếp với hang động bên dưới. Điều đó làm tôi lo sợ nhỡ đâu có cướp biển hay kẻ buôn lậu nào đẩy một viên đá phía dưới lên và tôi có thể rơi xuống đó. Nhưng Mẹ đang gọi tôi đến thử một loại thức ăn mới. Là một cô mèo Xiêm Pháp, tôi có một sự yêu thích tự nhiên với thức ăn. Mẹ véo yêu tôi và dắt tôi đến một đĩa tôm hùm. Cô Ku đã ăn phần của mình. “Ăn mạnh lên Feef”, cô ấy nói, “Chị rửa như một bà cô già đờng đảnh vậy!” Đương nhiên tôi không bao giờ để bụng những lời của cô Ku, cô ấy có trái tim đẹp như miếng thịt tôm tươi ngon nhất, và cô ấy đã đón nhận tôi, một kẻ sắp chết túng quẫn vào gia đình với niềm hân hoan. Bất chấp sự chuyên quyền hay thái độ chảnh chọe, cô ấy vẫn là một cô mèo mà ai gặp cũng yêu.

Tôm hùm ngon tuyệt! “Từ đảo Mắt Ai-len đây Feef,” cô Ku nói. “Thầy nghĩ rằng bọn mình sẽ thích một phần thưởng.” “Ôi!” tôi trả lời “Ngài ấy không ăn à?” “Không bao giờ! Thầy nghĩ nó thật kinh khủng. Nhưng nếu bọn mình thích thì ông ấy vẫn mua cho bọn mình. Nhớ mấy con tôm đó không Feef?” Tất nhiên là tôi nhớ! Khi Thầy và Mẹ đưa tôi về nhà lần đầu tôi đã đói lả nhưng không thể ăn được vì quá ốm yếu. “Cho nó một hộp tôm đi,” Thầy nói, “Nó kiệt sức vì đói đấy.” Hộp được mở ra, nhưng tôi thật sự chẳng thèm để tâm. Thầy lấy một miếng rồi quẹt qua môi tôi. Tôi chưa từng được ăn món gì ngon đến thế. Ngay trước khi tôi kịp nhận ra, tôi đã chén sạch cả hộp. Việc đó làm tôi rất xấu hổ, thậm chí đến bây giờ mỗi khi nghĩ lại tôi càng ngượng. Nên mỗi khi cô Ku muốn làm tôi đỏ mặt, cô ấy sẽ nói “Nhớ mấy con tôm đó không Feef?”

Cô Ku nói “Feef! Thầy sắp chở bọn mình đi chơi đó. Chúng ta sẽ đi qua căn nhà gạch mà chị từng ở. Nhưng đừng bận tâm, chúng ta sẽ chỉ đi qua thôi.” Cô Ku đi xuống về phía ga-ra cùng Thầy để lấy xe, một chiếc Humber Hawk khá tốt. Tôi ở cùng với Mẹ, giúp bà chuẩn bị rồi đi xuống lối cầu thang để kiểm tra xem Kẹo Bơ đã khoá cửa hậu bên vườn chưa. Chúng tôi vào xe và lái xuống đồi, luôn bên dưới cầu xe điện và hướng về Sutton (nơi một người bạn cũ khác, Bác sĩ Chapman, sinh sống”. Chúng tôi đi qua nhiều dặm và đến gần tới Dublin. Cô Ku giúp Thầy lái xe, bảo ông khi nào đi nhanh, xe nào đang ở xung quanh, khi nào phải rẽ. Tôi học được rất nhiều thứ từ cô ấy, như là về Dublin. Giữa lúc đang chỉ đường cho Thầy – “Ngừng lại! Cẩn thận góc này, nhanh lên, đừng để chiếc xe đó vượt qua!” cô miêu tả cảnh vật cho tôi. “Ở đây là trạm Westland Row, Feef, nơi xe lửa sẽ khởi hành. Chúng ta phải rẽ phải ở đây nhé Thầy. Đúng rồi Feef, chúng ta đang ở đường Nassau. Chậm thôi Thầy, con đang kể cho Feef nghe về chỗ này. Chúng ta từng sống ở đây đây Feef, ngay đối diện sân chơi của trường Trung học Trinity. Thầy đi nhanh quá con không kể cho Feef được. Đây là Vườn St. Stephen’s, tôi đã từng ở đây rồi, trong đây vệt kê quang quác. Để ý kìa Thầy, có một tiệm Garda ở đằng góc kia. Chúng ta đã mua radio ở con phố dưới kia đây Feef”. Chúng tôi tiếp tục rong ruổi trên những con phố ở Dublin, cô Ku tiếp tục bình luận. Khi những dãy nhà và con phố đã ở phía sau, Thầy nhấn chân đạp lên cái gì đó và chiếc xe vọt đi nhanh hơn, như thể có nhiều thức ăn được bơm vào nó vậy.

Chúng tôi đi dọc theo đường núi, men theo bờ của thứ mà cô Ku gọi là “hồ trữ nước”, nó có vẻ như là tô uống nước của cả Dublin. Chúng tôi đến ngôi nhà gỗ. Xe ngừng lại. Thầy liếc mắt nhìn về phía tôi để xem tôi phản ứng ra sao, rồi tăng tốc. Tôi thở phào nhẹ nhõm, nửa lo sợ rằng bất chấp tất cả tôi sẽ bị trả lại như một con mèo mù vô dụng. Tôi thể hiện sự vui mừng của mình bằng cách gừ nhẹ và liếm tay Mẹ. “Tuyệt cú mèo” cô Ku nói, “Bọn tôi tưởng Chị sẽ gào thét lên rồi mất hết tôn nghiêm chứ! Dững cảm lên, CHỊ LÀ MỘT THÀNH VIÊN CỦA GIA ĐÌNH RỒI!”

Chúng tôi chơi giữa đám cây thạch nam một lúc. Cô Ku khoác lác về số thờ mà cô ấy định bắt. Rồi cô ấy thấy thứ mà Thầy nói là một con cừu và thế là im bật. Tôi không thể nhìn thấy con vật này, nhưng tôi ngửi được mùi hoi hoi của dê cừu và mùi len cũ. Sau đó chúng tôi vào xe rồi lại tăng tốc trở về nhà. Lúc đi ngang ngọn hải đăng Bailey trên Mũi Howth, tiếng còi báo sương mù rền vang như tiếng một con bò mẹ đang chuyển dạ. Một chiếc tàu điện chạy qua, bánh xe kê lạch cạch trên đường ray sắt. “Dừng ở Bưu điện nhé”, Mẹ nói, “Chắc là mình có vài kiện hàng ở đó.”

“Feef,” cô Ku nói khi chúng tôi đang ngồi chờ Mẹ, “Feef, một người đàn ông đã kể cho Thầy rằng hai con của Chị đang rất ổn. Chúng lớn nhanh và có mặt với đôi đen.” Tôi thở phào lòng mãn nguyện. Đồi đã đối xử tốt với tôi: con của tôi được hạnh phúc và ở cùng nhau. Chúng là lứa mèo con cuối cùng mà tôi sinh ra, và tôi tự hào về chúng, tự hào vì chúng được đón nhận và được hạnh phúc.

CHƯƠNG 5

“A, chào buổi sáng”, ông Pat – người đưa thư hơn hử chào khi thấy Mẹ và tôi mở cửa sau tiếng chuông.

“Tôi có rất nhiều thư cho ông ấy sáng nay, làm tôi gãy cả lưng khi phải leo lên dốc đây này!”.

Pat – người đưa thư là một người bạn cũ của chúng tôi. Đã nhiều lần Thầy cho ông ấy lên nhờ xe và chở đi hết chỗ này chỗ khác bởi chân ông đã mỏi rã vì đi bộ. Ông Pat biết mọi thứ và mọi người trong quận này, chúng tôi đã học được nhiều bản sắc địa phương từ ông ấy. Tôi thường ngửi gấu quần của ông để xem ông có đi bộ qua Mũi đất hay xuyên qua mấy bờ thạch thảo không. Tôi cũng thường biết khi nào thì ông Pat có “một chút cùn” để giữ ấm mình trong những lượt đưa thư đêm.

Mẹ bê đồng thư, còn tôi nhảy lên giường Thầy để hỗ trợ ông đọc thư. Có rất nhiều thư sáng nay, từ Nhật Bản, từ Ấn Độ, từ bạn bè bên Đức. Và cả một lá thư đến từ Dublin. Có tiếng rọc bao thư, rồi tiếng giấy được lôi ra.

“Hừ”, Thầy lên tiếng, “Sở thuế Ai-len cũng tệ chẳng kém gì bên Anh. Đòi hỏi thế này có khác gì ăn cướp. Chúng ta không thể chi trả nổi cuộc sống ở Ai-len mất thôi”.

Thầy chìm vào một thoáng im lặng. Mẹ đi tới bên giường. Kẹo Bơ cũng chạy lên cầu thang để xem có gì trong thư.

“Việc này làm tôi kinh ngạc”, Thầy nói, “tại sao mấy tay cán bộ thuế ở Ai-len lại không cố giữ những người như chúng ta lại đất nước này mà cứ xua đuổi bằng việc đánh thuế dã man chứ! Chúng ta đã đóng góp rất nhiều ở đây, nhưng Sở thuế không bao giờ thỏa mãn, họ cứ được voi đòi tiên. Những tác giả như chúng ta bị đánh thuế nặng nề hơn bất cứ thành phần nào ở đây”.

Tôi gật gù cảm thông, và dụi đầu vào chân Thầy. Thầy đã muốn trở thành công dân Ai-len bởi Thầy yêu xứ sở này – tất cả, ngoại trừ mấy tay ở vụ thuế! Bọn họ, đối với Thầy, còn nặng mùi hơn cả một cái chuồng mèo chưa được dọn rửa, họ thật quá vô lý, quá MÙ QUÁNG.

Thầy đưa tay véo tai tôi, “nếu không vì mấy con mèo tụi bay, Feef, thì chúng ta hẳn đã đi Tangier, hay Hà Lan, hoặc bất kỳ nơi nào chào đón chúng ta hơn. Nhưng con là bà cô già của chúng ta, và ta sẽ không để con phải chịu khổ như thể cuộc sống của ta phụ thuộc vào điều đó.”

“Thôi nào, Thầy”, tôi trả lời, “Thầy đúng là biết nói chuyện đấy! Con sẽ sống tới chừng nào Thầy còn sống – và có khi còn lâu hơn một chút nữa. Tim con khỏe lắm!”.

“Ừ, Feef”, Thầy vừa trả lời vừa xoa cằm tôi, “tim con rất khỏe, con là bà lão mèo dễ thương nhất trên đời này”.

“Có lẽ vậy”, tôi trả lời, “con và Thầy sẽ chết cũng một lúc và không bao giờ phải rời xa. Con MUỐN thế!”.

Chúng tôi cảm thấy hơi chùng xuống suốt phần còn lại của ngày. Việc ở lại Ai-len rõ ràng là phí thời gian khi mà mấy tay thuế vụ đòi lấy hết tất cả. Không có việc này thì chúng tôi cũng đã có đủ rắc rối rồi; mấy tay nhà báo cứ rình rập xung quanh, thỉnh thoảng dòm ngó ngôi nhà bằng ống nhòm và thậm chí còn gắn kính lên những cái gậy rồi thò vào cửa sổ phòng ngủ. Đám nhà báo đã đăng những câu chuyện không đúng sự thật về Thầy và chẳng bao giờ cho ông ấy cơ hội kể câu chuyện của mình. Thầy chỉ coi mấy tay báo lá cải như đám cặn bã của xã hội; tôi biết điều này vì tôi thường xuyên nghe ông ấy nói vậy! Từ những gì Cô Ku thuật lại, tôi biết ông ấy hoàn toàn có cơ sở.

“Tôi đi lên chỗ bà O’Grady để điện cho ông Brud Campbell đây”, Mẹ nói, “tôi thấy có ai đó đã làm kẹt cái ổ khóa ở cổng sau và cần phải sửa nó”.

“Ồ, chắc là mấy khách du lịch từ Liverpool”, Thầy trả lời, “ông Brud có lần bảo với tôi là Cha ông ấy thường bắt gặp du khách cắm trại ở ngay sân trước nhà”.

Mẹ lên đường vừa lúc Cô Ku gọi tôi từ trong nhà bếp, bảo rằng có một bữa trưa ngon lành đang chờ đợi chúng tôi. Tôi đi xuống và thấy Cô Ku ở ngay chân cầu thang.

“Cậu đây rồi, Feef”, cô ấy nói, “tớ đã thuyết phục Kẹo Bơ cho chúng ta ăn sớm để có thể ra vườn kiểm tra xem mấy cây hoa có phát triển tốt không. Cô ấy cần nhằn một chút nhưng rồi cuối cùng cũng làm điều đúng đắn. Chén thôi!”.

Lúc nào tôi cũng có thể “đánh chén”. Tôi YÊU thức ăn và cho rằng thức ăn làm cho người ta khỏe ra. Giờ đây tôi nặng cả thấy bảy pound và cảm thấy khỏe hơn bao giờ hết. Tôi di chuyển xung quanh cũng chẳng khó nhọc gì! Thầy đã chỉ cách cho tôi.

“Con quả là một con mèo già ngốc nghếch đấy Feef”, ông bảo vậy.

Tôi vắn lại: “Sao lại thế, thưa Thầy”.

“Con bị mù, nhưng trong thể vía, con vẫn có thể nhìn thấy. Tại sao, khi ngủ, con không đi bằng thể vía để quan sát liệu có thứ gì thay đổi vị trí? Tại sao không xem xét hết nơi này? Loài mèo các con chẳng sử dụng bộ não mà các con có chút nào!”.

Càng nghĩ về điều này tôi càng thích thú, vậy nên tôi đã tập một thói quen du hành thể vía mỗi khi ngủ. Nhờ vậy tôi không bị va vấp hay bầm tím nữa, tôi đã thông thuộc vị trí của hầu hết mọi thứ.

“Ông Brud đến rồi!”, Mẹ gọi.

Ku và tôi phấn phởi, điều đó có nghĩa là bây giờ chúng tôi có thể ra vườn, vì Thầy luôn tiếp ông Brud Campbell ở bên ngoài, vừa trò chuyện vừa làm. Chúng tôi chạy nhanh tới cửa, Cô Ku trêu chọc Thầy rằng ông ấy cần uống thuốc bổ vì đã trở nên quá CHẬM CHẠP.

“Trở nên chậm chạp ư?”, Thầy trả lời, “ta có thể tóm gọn mi bất cứ lúc nào đấy!”.

Mới đầu, bố cục của căn nhà làm tôi bối rối bởi vì cửa vào ở tầng trên, còn tầng trệt thì lại ở dưới thấp hơn mặt đường.

Cô Ku giải thích cho tôi: “À, cậu thấy đấy, chúng ta đang “neo” trên sườn một vách đá y như mấy con chim mẹ đang ấp trứng vậy. Các dốc này đổ xuống mặt đường, và có một cái tường để tránh cho mọi người khỏi bị ngã xuống đó. Dù gì thì căn nhà này từng là hai căn hộ, cho đến khi chúng ta đến và gộp nó vào thành một!”.

Chúng tôi có nhiều không gian trong nhà và ngoài vườn. Có hai cái vườn, mỗi cái nằm ở mỗi bên của ngôi nhà. Trước đây người ở căn hộ tầng trên sở hữu khu vườn bên phải, còn người ở tầng dưới thì có khu vườn bên trái. Giờ thì cả khu này là của chúng tôi. Vài cái cây có cành thấp, nhưng tôi chẳng bao giờ được phép đi ra một mình, vì Gia đình sợ rằng tôi sẽ ngã xuống vực, hoặc là trèo lên mấy cành cây và té. Dĩ nhiên tôi sẽ chẳng ngã đâu, thực sự đấy, nhưng mà được mọi người quan tâm đến mình như vậy cũng là một điều hay. Kẹo Bơ thường ngồi trong vườn sưởi nắng, làm cho cái áo vàng của cô ấy càng vàng chói hơn, như cách Cô Ku nói. Chúng tôi rất thích thú mỗi khi cô ấy ở ngoài vườn bởi vì khi ấy cô thường quên bẵng mọi thứ và vì thế chúng tôi có thể khám phá nhiều hơn. Một lần tôi đến bên sườn dốc và cố leo xuống. Cô Ku hét hoảng gọi Thầy, rồi thì ông ấy đến nhắc tôi mang về trước khi tôi kịp té.

Chúng tôi phải rất cẩn thận khi ra ngoài vườn cũng vì một lý do nữa; những kẻ hiếu kỳ thường lớn vờn xung quanh nhà để chụp lén ngài Lạt Ma. Xe con thường đậu dọc theo bức tường quanh vườn, rồi người ta trèo lên dòm qua tường để có thể chiêm ngưỡng nơi ở của Lobsang Rampa. Một buổi chiều nắng đẹp, Thầy nhìn ra cửa sổ và thấy một đám phụ nữ đang ngồi dã ngoại trên bãi cỏ! Họ tỏ ra khá bức bối khi bị Thầy mời đi. Hầu hết các cư dân sống dọc trên những con đường thơ mộng của vùng Howth đều có chung trải nghiệm này, du khách cứ nghĩ rằng họ có thể đi tới mọi chỗ, phá phách cỡ nào cũng được, rồi bỏ lại rác cho người khác dọn.

“Này Feef, tớ vừa nghe Thầy và Mẹ nói chuyện”, Cô Ku bảo. “Ma Rốc là ở đâu vậy?”.

“Ma Rốc à? Cô Ku, tại sao thế, nó ở Tangier, một nơi ở vùng Địa Trung Hải. Tớ đã được Bà Đại Sứ đưa đến đó. Chúng tớ suýt đã dọn đến đó ở. Chỗ đấy nóng nực, hôi hám, và thậm chí cá ở đó cũng xấu tính!”.

Tôi biết nơi đó kha khá! Tôi được mang đến đó trên một con tàu khởi hành từ Marseilles, và đã bị say sóng suốt cả hành trình. Vào những ngày đó tôi vẫn còn có thể nhìn, những người bản địa hung tợn trong những chiếc áo thụng dơ bẩn đã khiến tôi phát khiếp. Tôi hy vọng rằng chúng tôi sẽ không phải đến Tangier!

Cô Ku và tôi ngủ cả buổi chiều. Thầy và Mẹ đã đi Dublin còn Kẹo Bơ thì bận bịu dọn dẹp phòng ngủ. Biết là sẽ chẳng được ra ngoài, chúng tôi đánh một giấc và lang thang vào cõi trung giới một chút. Như mọi phụ nữ trên thế giới, bất kể người hay mèo, tôi có những NỖI SỢ. Tôi sống trong nỗi sợ rằng một ngày kia tôi sẽ tỉnh dậy và thấy mình trong một cái hộp ngột ngạt và hôi hám tại Sân bay. Dĩ nhiên

khi thức giấc, nghe những giọng nói thân thuộc và được mọi người vuốt ve, lo lắng cho mình, tôi biết tất cả quá khứ tồi tệ giờ cũng chỉ là dĩ vãng mà thôi, nhưng trong giấc ngủ thì ai cũng sợ ác mộng.

Những lúc tỉnh giấc giữa đêm, Thầy thường bế tôi lên tay và bảo: “Được rồi, được rồi Feef, con là một bà già ngốc nghếch, bây giờ con đã ở nhà rồi và con sẽ ở với chúng ta hết cả phần đời còn lại”.

Thế là tôi sẽ kêu gừ gừ, tự mỉm cười với mình, cảm thấy yên tâm. Sau đó tôi sẽ ngủ thiếp đi rồi lại thấy ác mộng y như cũ!

“Feef! Họ về rồi kìa, họ đang lái xe lên đồi!”.

Cô Ku chạy vòng quanh và kéo tôi chạy đến cửa trước. Chúng tôi đến nơi vừa kịp lúc chiếc xe tấp vào. Cô Ku nhảy lên xe để giúp Thầy cất nó và để đảm bảo rằng cửa ga-ra đã được khóa cẩn thận. Sau đó cô ấy bước trở lại trên bức tường cao kiểm tra xem mấy con ốc sên đã ăn hết xi-măng chưa! Rồi thì Cô ấy nhảy qua cánh cổng xanh và hét lớn:

“Mở cửa! Mở cửa! Chúng tôi ở đây”.

Cuối cùng Thầy cũng đuổi kịp cô ấy và mở cửa, họ bước vào.

“Sao rồi?”, Kẹo Bơ hỏi khi mọi người đã an tọa. “Mọi việc sao rồi?”

“Thật phí thời gian”, Thầy trả lời. “Chúng tôi đến Đại sứ quán Ma Rốc nhưng mấy gã ở đó gần như chẳng giúp được gì. Chúng ta sẽ KHÔNG đi Tangier”.

Họ chìm vào im lặng, còn tôi thì tự gừ gừ đầy vui thích với ý nghĩ rằng sẽ KHÔNG phải đi Ma Rốc.

“Chúng tôi gặp ông bà Bác sĩ thú y ở Dublin”, Mẹ nói. “Tuần tới họ sẽ đến uống trà với chúng ta”.

Tôi cảm thấy ngán ngẩm. Ông Bác sĩ thú y người Ai-len là một người tốt, rất tử tế và nhân hậu, nhưng không một bác sĩ thú y nào, cho dù tốt đến mấy, lại là người hùng đối với các bệnh nhân mèo của ông ta.

Cô Ku cau mày: “Tai, Feef, tai! Hãy tránh xa chỗ này ngày mai kẻo chúng ta sẽ đi mất mấy cái tai của mình”.

Cả nhà tiếp tục bàn bạc phải làm gì, đi đâu. Còn chúng tôi lang thang ra khỏi phòng, đi xuống cầu thang đến chỗ uống trà của mình.

Ông Bác sĩ thú y đến cùng với Bà Bác sĩ thú y. Chúng tôi rất quý ông ấy, nhưng quần áo của ông toàn mùi động vật và mấy thứ thuốc thang. Ông Bác sĩ thú y rất hứng thú với chiếc ống nhòm mà Thầy dùng để quan sát những con tàu ở khơi xa. Cô Ku và tôi trốn dưới cái ghế bành có đăng-ten diềm quanh, và chúng tôi đã nghe toàn bộ những gì họ nói với nhau.

“Fifi đang khỏe lắm”, Thầy nói.

“À, chắc chắn là thế rồi”, Ông Bác sĩ thú y Ai-len trả lời.

“Ông có nghĩ nó sẽ chịu được một chuyến đi đến Cork, hoặc đến Belfast không”, Thầy hỏi.

“Tất nhiên là được rồi”, ông Bác sĩ thú y Ireland đáp, “nó có thể chịu được bất cứ điều gì miễn là nó được yêu thương. Có khi sức khỏe của nó còn tốt hơn ông đấy!”.

“Nghe kìa! Nghe kìa!”, tôi tự nhủ, “tất cả những gì tôi muốn là được yêu thương và tôi có thể chịu được bất cứ thứ gì”.

Họ đi ra vườn và dựng cái ống nhòm lên. Cô Ku nhanh nhẩu đến nắp sau cửa sổ để nhìn ra ngoài mà không bị ai trông thấy.

“Họ đang quan sát những con tàu, Feef”, Cô Ku nói, rồi đột nhiên hét toáng: “Nấp đi! Họ đang vào kìa!”.

Có tiếng chà chân lên thảm cửa và rồi họ bước vào.

“Hôm nay có ai thấy mấy con mèo chưa?”, Thầy hỏi.

“Tôi chỉ thấy mấy cái đuôi biến mất sau một góc nào đó thôi”, Ông Bác sĩ thú y đáp.

Rồi ông nói tiếp “Tôi rất tự hào về Fifi. Nó là một người MẸ tốt. Tôi đã xuống kiểm tra tụi mèo con. Bọn chúng đều khỏe mạnh cả!”.

Tôi bắt đầu gừ gừ vui vẻ thì Cô Ku đánh tiếng xuyt: “Trật tự nào, bà già ngốc! Họ nghe thấy cậu bây giờ!”.

Đêm đó Thầy bị ốm, ốm nặng hơn bình thường. Có cái gì đó không ổn bên trong ông. Tôi nghĩ ông ấy có cùng vấn đề mà tôi đã từng có, và tôi bảo vậy với Cô Ku.

“Feef”, cô ấy trả lời, nửa buồn cười, nửa bực dọc, “Làm sao Thầy lại có thể có u buồng trứng được? Cậu còn ngốc hơn tôi tưởng đấy, Feef!”.

Ngày hôm sau Thầy đi gặp Bác sĩ, Bác sĩ chuyên khoa người Ai-len. Một chiếc taxi đến trước cửa đón Mẹ và Thầy đi, nó chạy xuống đồi, khuất tầm mắt Cô Ku, rồi tiếp tục chạy đi Dublin. Thời gian chậm chạp trôi qua. Ngày lê thê mỗi lúc một dài hơn khiến chúng tôi lo lắng. Cuối cùng Cô Ku phát hiện ra tiếng xe chạy lên đồi. Tiếng đỏi số, xe chạy nhanh hơn, sau đó chậm lại rồi dừng hẳn trước cửa. Mẹ và Thầy bước vào, Cô Ku vội vàng thì thầm với tôi rằng Thầy trông xanh xao và mệt mỏi hơn thường lệ. Chúng tôi tránh ra một bên để khỏi ngáng đường, nhưng Thầy – dù ốm hay không – luôn có thời gian và năng lượng để cúi xuống nói chuyện với “con cái” của mình. Tôi cảm thấy đôi tay Thầy thiếu sức sống khi ông vuốt ve tôi, và tôi nôn nao trong lòng vì lo lắng. Thầy chậm chậm đi vào phòng rồi lên giường đi ngủ. Đêm đó Cô Ku và tôi thay phiên nhau thức trông Thầy.

Phải, tôi biết nhiều người sẽ cười nhạo điều này, họ nghĩ rằng “loài vật” không có ý thức, không có lý trí, cũng không có tình cảm với người khác, nhưng loài người cũng là “loài vật” kia mà! Cô Ku và tôi hiểu được mọi lời nói cũng như suy nghĩ. Chúng tôi hiểu con người, nhưng con người chẳng hiểu chúng tôi, cũng chẳng cố hiểu làm gì, mà chỉ xem chúng tôi như “giống loài thua kém”, “những con vật ngu ngốc”, hay đại loại vậy. Nhưng chúng tôi không gây chiến với nhau, không giết hại vô cớ ngoại trừ lý do sinh tồn. Chúng tôi chẳng hành hạ nhau, cũng không nhốt đồng loại của mình vào các trại tập trung. Chúng tôi – những con mèo Xiêm – có lẽ có chỉ số thông minh cao nhất trong tất cả các loài vật. Chúng tôi cũng cảm nhận, cũng yêu thương, cũng sợ hãi, nhưng không bao giờ thù ghét. Con người chẳng bao giờ chịu tìm hiểu trí thông minh của loài vật bởi họ quá bận bịu với những cơ hội kiếm tiền dù lương thiện hay bất lương. Thầy hiểu chúng tôi như thể ông hiểu bản thân mình. Ông có thể nói chuyện với chúng tôi bằng thần giao cách cảm, như cách tôi và Cô Ku nói chuyện với nhau. Chúng tôi có thể (và thường xuyên) nói chuyện với ông ấy. Theo lời kể của Thầy, con người và loài vật đã có

thể nói chuyện với nhau vào thuở xưa, nhưng loài người đã lạm dụng những đặc ân của họ nên bị mất đi năng lực này. Loài vật thì vẫn còn năng lực đó.

Ngày trở thành tuần rồi mà Thầy vẫn chưa khỏe lên. Bảy giờ mọi người nói chuyện về Trung tâm chăm sóc y tế, và các cuộc phẫu thuật, trong khi Thầy càng trở nên nhợt nhạt hơn, và phải nghỉ ngơi nhiều hơn. Mấy ngày nay Cô Ku và tôi rất im lặng, rất lo lắng, không vùi vĩnh ra vườn nữa. Chúng tôi lo lắng trong âm thầm nhưng cố giấu nỗi sợ của mình trước mặt Thầy.

Một buổi sáng, sau bữa điểm tâm, tôi đang ngồi trên giường với Thầy còn Cô Ku thì ngồi trên cửa nói chuyện với mấy con mòng biển để dặn dò tụi nó đừng có làm ồn như vậy.

Thầy nói với Mẹ rằng: “Hãy đọc bài báo này đi. Nó nói về những cơ hội tuyệt vời ở Canada. Nhà văn, Nghệ sĩ, Bác sĩ – TẤT CẢ đều được chào đón. Có lẽ đây sẽ là nơi cho chúng ta, bà nghĩ sao?”.

Mẹ cầm lấy tờ báo và đọc. “Nghe ổn đấy”, bà nói, “nhưng tôi chẳng tin mấy bài báo này. Tôi tưởng ông muốn đi Hà Lan chứ? Dù sao thì ông cũng chưa khỏe cho lắm!”.

“Chúng ta không thể ở đây”, Thầy bảo, “mấy tay ở sở thuê Ai-len đang làm khó dễ. Này Sheelagh!”, ông gọi Kẹo Bơ. Thầy vẫn theo phong tục phương Đông phải hỏi ý kiến cả nhà.

“Sheelagh”, ông hỏi, “Cô nghĩ sao về Canada?”.

Kẹo Bơ nhìn ông như thể nghi ngờ ông có gì đó bất ổn trong đầu. Cô Ku phải làm việc nhiều hơn bình thường để thuật lại cho tôi diễn biến của những việc tôi không thể nhìn thấy.

“Trời ạ!”, cô thì thầm, “Kẹo Bơ nghĩ rằng ông ấy bệnh đến nỗi không biết mình đang nói gì. Canada ư? CANADA? Trời đất!”.

Xế trưa Thầy dậy khỏi giường và mặc quần áo. Tôi có thể cảm nhận rằng ông đang không biết phải làm gì. Gọi Cô Ku và bế tôi trên vai, Thầy bước ra vườn, chậm bước dọc theo lối đi trong vườn và đứng nhìn ra biển.

“Ta muốn ở lại đây hết phần đời còn lại của mình, các bạn mèo ạ”, ông nói, “nhưng mấy tay thuế vụ ở đây đòi hỏi quá khắt khe đến nỗi chúng ta buộc PHẢI rời đi. Các con có muốn đi Canada không?”.

“Trời ơi Thầy”, Cô Ku nói, “chúng con sẽ đi bất cứ nơi đâu Thầy bảo”.

“Vâng, con đã đủ khỏe để lên đường”, tôi nói, “con sẵn lòng đi bất cứ nơi đâu, chỉ sợ Thầy chưa khỏe”.

Tối hôm đó Thầy đi gặp Bác sĩ, lại là ông Bác sĩ chuyên khoa người Ai-len. Nhiều tiếng sau ông mới trở về, và tôi có thể lường trước tin xấu. Tuy nhiên ông vẫn nói chuyện về Canada.

“Cục xuất nhập cảnh Canada đang quảng cáo trên báo”, Thầy nói, “hãy hỏi thăm vài thông tin. Đại sứ quán ở đâu nhỉ?”.

“Quảng trường Merrion ạ”, Kẹo Bơ trả lời.

Vài ngày sau, một núi những tờ quảng cáo đến từ Đại sứ quán Canada ở Dublin. Cả nhà quây quần cùng đọc.

“Họ hứa hẹn rất nhiều”, Thầy bảo

“nhưng đây vẫn chỉ là quảng cáo thôi”, Mẹ đáp.

“Tại sao chúng ta không gọi cho Đại sứ quán nhỉ?” Kẹo Bơ đề xuất.

“Đúng vậy”, Thầy tán thành, “chúng ta phải đảm bảo rằng mấy con mèo được chào đón, tôi sẽ loại ngay phương án này nếu chúng bị đưa đi cách ly. Cách ly là một điều thật dã man”.

Thầy và Mẹ đi đến Humber rồi lái thẳng lên Dublin. Buổi sáng chậm chạp trôi qua; thời gian lúc nào cũng dài lê thê khi tương lai bất định và khi những người thương yêu vắng mặt. Mãi rồi họ mới trở về.

“Quan liêu! Thật quan liêu!”, Thầy bực dọc, “mấy tay cán bộ quèn mà cũng làm khó dễ. Tôi chỉ muốn ấn vài tên xuống đầu gối và tát vào...”

“Thôi nào đừng bận tâm đến bọn họ”, Mẹ bảo. “Họ chỉ là những tay thư ký và không biết gì hơn thế”.

Cô Ku phì cười: “Ông Già có thể đánh họ như tử và thích thú với điều đó! Cánh tay của ông í khỏe hơn mấy người phương Tây rất nhiều, ông ấy đã từng phải đánh nhau kha khá. Trời ơi. Tớ muốn thấy ông ấy cho họ nếm mùi!”, cô thở dài.

Thầy rất to lớn, có đủ chỗ ngồi thoải mái cho cả Cô Ku và tôi trên lòng ông. Gần hai trăm ba mươi pound, toàn cơ và xương. Tôi rất thích những người to lớn, có lẽ bởi vì tôi chưa bao giờ có đủ thức ăn để cho phép mình phát triển hết cỡ.

“Chúng tôi đã điền vào mẫu đơn, lấy vân tay, làm đủ mấy thủ tục nhảm nhí”, Thầy nói với Kẹo Bơ.

“Ngày mai tôi sẽ đưa cô đến gặp họ. Cô phải đi với tư cách là con nuôi của chúng tôi. Bằng không cô sẽ phải có một số tiền nhất định, có ai đó bảo lãnh hoặc tương tự. Mấy người Canada mà chúng tôi đã gặp có vẻ rất trẻ con”. “Ông quên nói rằng tất cả chúng ta đều phải đi kiểm tra sức khỏe nữa”, Mẹ nói thêm.

“Vâng”, Thầy trả lời, “chúng ta sẽ nhờ bà O’Grady trông lũ mèo, tôi sẽ không để CHÚNG một mình với ai khác, chúng có giá trị với tôi còn hơn cả cái nước Canada gộp lại.”

Bữa trưa đã sẵn sàng, vì vậy chúng tôi đi ăn trước đã, tôi luôn tin rằng mọi người sẽ bàn bạc bình tĩnh hơn sau khi no bụng. Chúng tôi sống tốt, chẳng có gì là quá tốt cho lũ mèo chúng tôi. Cô Ku đã – và đang – là một cô mèo khảnh ăn; cô ta chăm sóc rất kỹ hình thể của mình, mà cũng đúng, cô ấy là một cô mèo trẻ duyên dáng và thú vị nhất.

“Ô kìa!”, Thầy gọi, “bà O’Grady đang đi dưới đường kia rồi”.

Mẹ vội vàng chạy ra mời bà ấy vào nhà. Cô Ku và tôi đi xuống cầu thang để xem Kẹo Bơ đang làm gì, chúng tôi hy vọng cô ấy đang ngồi trong vườn, bởi như thế chúng tôi có thể trốn ra làm vườn. Tôi đã dự định lúc nào đó sẽ nhổ vài cái cây để kiểm tra xem chúng có đang phát triển tốt không. Cô Ku thì để tâm đến việc nhìn ngó nhà của Gã Thỏ. Anh ta sống trong một cái hang trên sườn dốc bên nhà. Thường thường, vào ban đêm anh ta hay bò ngang qua cửa sổ và cười nhạo việc chúng tôi phải sống trong nhà. Cả hai chúng tôi đều muốn có vài lời với anh ta về

hành vi thiếu văn minh này. Tuy nhiên, việc này chẳng xảy ra, Kẹo Bơ đang làm gì đó trong phòng cô ấy, vì vậy chúng tôi đi lẩn quẩn rồi ngồi trong phòng cất đồ.

Sáng hôm sau là một buổi sáng bận rộn. Thầy dẫn chúng tôi ra ngoài sớm để chúng tôi có thể nói chuyện với gã Thỏ. Cô Ku đi xuống bờ dốc độ mười hai feet, rồi hét lớn thông điệp của mình vào trước cửa nhà anh ta. Tôi nằm vắt qua vai Thầy – vì ông ấy không để tôi xuống – rồi hét với Cô Ku những điều tôi muốn nói. Chúng tôi đã rất tức tên Thỏ này. Sau đó thì chúng tôi mài vuốt vào mấy cái cây một chút. Chúng tôi cần chuẩn bị sẵn sàng để trông coi Bà O’grady khi cả nhà đi Dublin. Mỗi đứa đều lăn mình qua đám cát ở cuối vườn, chà cát thật kỹ vào lông, sau đó thì chơi rượt đuổi quanh vườn. Tôi theo sát Cô Ku bởi như vậy cô ấy sẽ dẫn đường và tôi sẽ không bị va vào đâu cả. Chúng tôi luôn đi theo một đường quen thuộc, bởi thế tôi biết được hết mọi chướng ngại vật.

“Vào thôi nào, lũ giặc!”, Thầy mắng yêu. Dậm chân và giả vờ tỏ ra hung dữ, ông khiến Cô Ku chạy vào nhà nhanh nhất có thể. Nhắc tôi lên vai, Thầy mang tôi vào nhà và đóng cửa lại.

“Nhanh lên, nhanh lên, Feef!”, Cô Ku gọi, “có thùng đồ tạp hóa mới đăng này, nó chứa đầy tin tức!”.

Thầy đặt tôi xuống, và tôi vội vã chạy đến bên cái hộp để có thể đọc tin tức mới nhất từ các cửa hàng trong làng.

Cả nhà đã chuẩn bị lên đường. Véo tai tôi, Thầy chào tạm biệt và dặn dò chúng tôi phải chăm sóc Bà O’grady.

“Được thôi”, Cô Ku đáp, “bà ấy sẽ được an toàn với chúng con, có nên xích cửa lại không nhỉ?”

Lúc đó, tôi đang nghĩ đến việc đề nghị nhờ ông Loftus đến chăm sóc bà ấy, nhưng rồi nhận ra rằng Thầy hẳn đã làm vậy nếu ông thấy cần thiết. Khi Bà O’Grady đã an tọa, Cô Ku bảo: “Nhanh lên, Feef, giờ là lúc phải làm một vài việc mà chúng ta không thể khi có mặt cả nhà”. Cô quay lại dẫn đường và chạy xuống cầu thang.

Chúng tôi đảo quanh nhà một cách kỹ lưỡng để đảm bảo tên Thỏ không đột nhập vào ăn trộm thứ gì.

Chốc chốc Cô Ku lại nói: “tôi sẽ lên lên gác coi thử Bà O’G có ổn không. Chúng ta đơn giản là PHẢI để mắt đến bà ấy”.

Cô chạy biến đi, bước lạch cạch lên cầu thang, cố tình tạo ra tiếng ồn để Bà O’G không cảm thấy bị rình mò. Mỗi lần như vậy Cô Ku sẽ trở lại và bảo : “Bà ấy ổn”. Thời gian chậm chạp trôi đi – và còn tệ hơn thế – dường như thời gian đang trôi ngược.

“Cô có nghĩ rằng họ ổn cả không Cô Ku?”. Tôi hỏi cô ấy cả ngàn lần như vậy. “Dĩ nhiên là họ ổn rồi, tớ đã trải qua điều tương tự thế này rất nhiều rồi. Dĩ NHIÊN là họ ổn!”, cô kêu to như vậy, cố gắng tự thuyết phục mình. Chỉ cái giật đuôi đầy lo lắng là để lộ tất cả những cảm xúc của cô.

“Cậu biết rất rõ rằng họ phải đi gặp bác sĩ, cả ba người phải kiểm tra sức khỏe, và rồi phải đi bệnh viện để chụp X-quang phổi nữa”. Cô vừa liếm một tay đầy lo lắng, tạo thành những tiếng “tút tut, tut tut” vừa kiểm tra những cái vuốt được tỉa tốt kỹ lưỡng của mình.

Chúng tôi không còn bụng dạ nào để ăn. Đồ ăn không bao giờ thay thế cho tình thương được.

Thế rồi tôi nhớ lại những lời mà Mẹ yêu dấu đã nói: “Nào, nào, Fifi”, bà nói, “cần giữ bình tĩnh trong mọi tình huống. Lo lắng chẳng bao giờ giải quyết được bất cứ vấn đề nào; nếu con để tâm mình lo lắng con sẽ chẳng có thời giờ tìm ra lối thoát cho tình huống.”

“Cậu nghĩ họ có ổn cả không, Feef?”, cô Ku lại hỏi tôi.

“Có chứ, Cô Ku”, tôi trả lời, “tôi chắc chắn rằng bây giờ họ đang trên đường về rồi”.

“Tội nghiệp Bà O’grady”, Cô Ku bảo, “tớ nghĩ chúng ta nên lên gác và an ủi bà ấy”.

Chúng tôi đứng lên và đi lần theo hành lang, Cô Ku đi trước còn tôi nối gót. Chúng tôi cùng nhau leo lên bậc thang rồi đi dọc theo hành lang trên gác, rồi cùng nhảy lên sung sướng khi cánh cửa trước mở ra và cả nhà bước vào.

Bệnh viện đã sớm phát hiện các vết sẹo của Thầy, cũng chẳng mất thời gian để biết rằng ông mắc bệnh lao phổi cùng một mớ các bệnh khác.

“Tôi sẽ ghi lời tiến cử cho ông được phép đi”, bác sĩ ở bệnh viện bảo, “bởi vì với học vấn và khả năng viết lách, ông sẽ là một vật báu cho Canada.”

Nhiều ngày trôi qua, Thầy nhận được thư bảo rằng ông ấy có thể đi Canada nếu ông ký vào giấy này giấy nọ và khai báo với Cán bộ Y tế ở Canada. Thầy đã quá bức dọc với mọi thủ tục quan liêu đến nỗi ông suýt thì xé hết mấy tờ giấy, những không may thay (bây giờ thì chúng tôi nghĩ vậy) ông đã nhún vai ký hết chúng.

“Làm thế nào chúng ta đem mấy con mèo đến đó được?, Mẹ hỏi.

“Chúng sẽ đi với chúng ta lên máy bay, hoặc không thì chẳng đi nữa. Tôi phát ốm với mấy thứ Quy định ngớ ngẩn này!”.

Trong nhiều ngày cả nhà đã thử gọi rất nhiều hãng hàng không khác nhau để tìm nơi chấp nhận cho chúng tôi đi cùng thay vì phải ở trong những thùng hành lý tối tăm chán ngắt. Cuối cùng thì hãng hàng không Thụy Sĩ cũng đồng ý với điều kiện Thầy phải cho cả Gia đình đi khoang hạng nhất, trả thêm cân hành ký cho Cô Ku và tôi, và tất cả chúng tôi sẽ đi khi nào có nhiều ghế trống. Thầy đã bày tỏ rõ quan điểm rằng sẽ không chịu tách chúng tôi, vì vậy ông đã đồng ý trả thêm rất nhiều tiền. Sau đó ông vẫn còn trăn trở; chúng tôi sẽ bay đến sân bay Idlewild ở New York thay vì bay tới Montreal. Giá mà hãng hàng không Canada chịu chở thì chúng tôi đã có một hành trình ngắn hơn đến Canada, nhưng hãng Thụy Sĩ thì chỉ bay đến New York, nên chúng tôi không có lựa chọn nào khác. Câu hỏi bây giờ là, hãng Thụy Sĩ sẽ chở chúng tôi trong khoang hành khách đến New York, nhưng liệu hãng hàng không Hoa Kỳ có đồng ý chở như vậy từ New York đến Detroit không? Thầy sợ rằng nếu không sắp xếp mọi thứ trước, chúng tôi sẽ bị kẹt lại New York mà không có phương tiện di chuyển. Chuyến đi của chúng tôi được một công ty Lữ hành ở Dublin sắp xếp, vì vậy Thầy đã buộc họ đưa ra yêu cầu rõ ràng với hãng hàng không Hoa Kỳ, và nếu họ đồng ý, mới đặt và trả tiền vé hạng nhất từ New York đi Detroit, rồi thuê một chuyến xe chở chúng tôi qua biên giới giữa Mỹ với Canada đến Windsor, nơi chúng tôi sẽ định cư.

Công ty Lữ hành đã kiểm tra và biết rằng một Hãng hàng không ở New York đồng ý cho chúng tôi bay trong khoang hành khách, miễn là chúng tôi chịu trả hết mọi loại chi phí.

“Thế là”, họ nói, “chẳng có gì phải lo nữa cả. Giờ ông phải đem hết chứng từ này đến Đại sứ quán, cho họ thấy rằng ông có đủ tiền để sinh sống ở Canada cho đến khi ông kiếm được việc, và thế là xong xuôi hết rồi. Cảm ơn ông đã sử dụng dịch

vụ. Nếu bất cứ lúc nào ông muốn trở về, chúng tôi sẵn lòng lo liệu việc đó cho ông”.

Một lần nữa Thầy và Mẹ lại đến Đại sứ quán Canada kiểm chứng với họ theo đúng trình tự.

“Ông có chứng nhận thú y cho thấy mấy con mèo này mạnh khỏe không?” một viên thư ký hách dịch hỏi.

“Có chứ”, Thầy trả lời và đưa ra tất cả các chứng từ cần thiết. Bây giờ không còn gì để phàn nàn nữa, mấy tay thư ký mới cấp giấy phép nhập cư tại Canada dưới dạng tạm trú.

Thầy cau có nói: “Chúng ta mà ở dạng “tạm trú” sao!”. Khi các thủ tục đã đầy đủ, Thầy và Mẹ trở về với chúng tôi ở Hawth, một nhòai.

“Giờ thì, mấy đứa”, Thầy bảo, “khi chúng ta rời đi tụi con phải nằm yên trong giỏ của mình, cho đến khi chúng ta đã ở trong máy bay rồi mới được ra và ngồi cùng mọi người. Rõ chưa?”.

“Đã rõ, thưa Thầy”, Cô Ku trả lời, “chúng con sẽ muốn đi ra lắm!”.

“Chắc chắn sẽ được ra, cứ yên tâm, đám mèo các con đã làm tôn của ta số vàng tương ứng với cân nặng của các con đấy!”.

Sau đó nghĩ ngợi một chút, rồi Thầy nói thêm: “nhưng cả hai đứa đều đáng giá bằng tất cả số vàng đó”.

Ông Bác sĩ người Ai-len có quen biết vài người Ai-len mù làm nghề đan giỏ, vì vậy Thầy đã đặt làm cho Cô Ku và tôi mỗi đứa một cái. Giỏ được làm to hết cỡ để tạo cho chúng tôi không gian thoải mái. Thầy đề nghị chúng tôi ngủ trong giỏ khoảng một tuần để quen với nó. Chúng tôi đã làm vậy, và thấy rất vui!

Sức khỏe của Thầy ngày càng xấu đi. Theo lẽ thường thì đúng ra chúng tôi đã phải từ bỏ chuyến đi Canada. Nhưng thay vì thế, Thầy lại đi đến chỗ ông Bác sĩ chuyên khoa người Ai-len và họ đã làm gì đó để Thầy có thể tiếp tục lên đường. Thầy phải nghỉ ngơi ngày càng nhiều hơn, và tôi – hiểu rõ thế nào là tuổi già và bệnh tật – rất lo sợ về kết quả của toàn bộ những điều này. Thầy đã trải qua nhiều gian

khổ và thử thách ở nhiều vùng đất, giờ đây hậu quả của những ngày tháng gian khổ ấy bắt đầu biểu lộ. Cô Ku và tôi săn sóc Thầy hết sức mà chúng tôi có thể.

“Chúng ta sẽ đi đến Shannon kiểu gì ạ?”, Kẹo Bơ hỏi.

“Chắc chắn KHÔNG đi tàu Ai-len”, thầy trả lời, “bởi vì như thế chúng ta sẽ phải đổi tàu ở Limerick, và tôi không chịu được. Cô và Mẹ đi Dublin xem có ga-ra nào có thể chở chúng ta bằng xe buýt mini không”.

“Chúng ta sẽ đi xuống đó sớm một ngày”, Mẹ nói, “bởi vì ông cần phải nghỉ ngơi một ngày trước khi lên máy bay. Thế cũng tốt hơn cho lũ mèo nữa”.

Thế là họ đi Dublin, tôi và Cô Ku được đặt ngồi lên Thầy để giữ ông ấy ở yên trên giường. Trong khi chờ Mẹ và Kẹo Bơ về, Thầy kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của những con mèo ông biết ở Tây Tạng.

“Mọi việc đã được sắp xếp ổn thỏa”, Mẹ nói, “họ sẵn sàng chở chúng ta và họ có một chiếc xe buýt mini thường dùng cho các tour ngắm cảnh. Người tài xế lái chiếc này thường đi Shannon đón các du khách người Mỹ”.

Giờ thì còn rất ít việc phải làm. Tuy vậy Thầy vẫn phải đi gặp ông Bác sĩ chuyên khoa người Ai-len. Tất cả những việc chuẩn bị này đều được giữ bí mật bởi cánh nhà báo sẽ chẳng để chúng tôi yên. Tôi nhớ không lâu trước đây, khi Thầy ốm nặng và ra ngoài lần đầu tiên để gặp đi gặp Bác sĩ. Ngay khi Thầy vừa bước chân ra khỏi cửa, một tay nhà báo lái xe tới và bắt đầu hỏi những câu thật xác láo. Thầy luôn kinh ngạc không hiểu vì sao cánh nhà báo lại tự cho họ có cái quyền được tọc mạch vào chuyện của thiên hạ. “Đám lá cải”, Thầy gọi họ như vậy, và ông ấy ước gì có thể ném vài tên xuống bờ vực bên cạnh.

“Ê, Thỏ Ai-len!, Cô Ku kêu la om sòm, đầu đó chừng mười hai feet dưới bờ dốc.

“Này Thỏ! Chúng tôi chuẩn bị đi xa, đừng có phá phách khu vườn khi chúng tôi vắng mặt đấy nhé”.

Gã Thỏ Ireland không trả lời. Cô Ku hài lòng và thở dốc đi xuống cái lỗ, rồi lại lao lên đỉnh vách đá.

“Này tụi Chim! Tụi Chim!” Cô Ku hét lên, “tụi tao sẽ bay giống như chúng mày, thậm chí còn bay xa hơn nữa”.

“Suyt, suyt! Cô Ku”, tôi can gián, “chúng ta phải giữ bí mật chuyện này. Bây giờ tất cả mấy con chim và gã Thỏ Ai-len đều biết rồi”.

Cô Ku nhìn ngoái qua vai, và tôi cảm thấy cô ấy cứng lại.

“CHUỒN THÔI! Feef”, cô kêu lên, “chạy theo tớ đi, Bản mặt Già nua của ông Bác sĩ thú y đang đến kìa!”.

Chúng tôi phi vào trong nhà, qua bếp và chui tọt vào hầm than.

“Eo ôi!”, Cô Ku rùng mình, “Tớ gần như có thể cảm thấy tai mình tê rần khi nghĩ đến việc họ sẽ rửa chúng”.

Cô Ku lén lút ghé đầu qua một góc, không có ai, bèn liều lĩnh chạy ra ngoài. Có tiếng động. Tiếng nói chuyện ở đầu cầu thang. Ông Bác Sĩ Thú Y người Ai-len nói: “Thuốc an thần. Hãy cho mỗi đứa một liều trước khi đưa chúng lên máy bay và chúng sẽ ở yên, đây là những viên thuốc an thần đặc biệt dành cho chúng”.

Im lặng một lúc, rồi Thầy hỏi một cách nghi ngờ: “Liệu thứ này có ổn cho Feef không?”

“Ồ chắc chắn rồi, ổn cho cả chúng ta nữa”, Ông Bác sĩ thú y Ai-len nói. Họ tản vào một căn phòng và chúng tôi không nghe thấy gì nữa. Dĩ nhiên chúng tôi sẽ không liều lĩnh đến gần không thì sẽ bị tóm và thế nào cũng bị rửa tai. Ông Bác sĩ thú y Ai-len còn chùi rửa tai RẤT kỹ nữa.

Va-li đã được gửi lên tàu thủy. Quần áo, sách, một số thiết bị chụp ảnh và một chiếc máy đánh chữ mới mà Thầy đã mua ngay trước khi quyết định di cư. Bây giờ hành lý mà chúng tôi mang theo đã được chất đầy ở sảnh nhà. Không nhiều, vì người ta không thể mang nhiều bằng đường hàng không. Cô Ku và tôi mỗi người mang HỘP vệ sinh riêng của mình, một mớ Than bùn (mà chúng tôi sử dụng thay thế cho cát), và một lượng thức ăn thoải mái. CHÚNG TÔI sẽ không bị đói! Thầy đang ngồi nói chuyện với bà O’Grady. Ông Loftus thì đứng bên ngoài trông khá xanh xao và lo lắng. Cô Ku và tôi chậm rãi đi dọc lang thang khắp ngôi nhà sắp sửa bị bỏ hoang, tạm biệt những món đồ nội thất yêu dấu. Cô Ku nhảy lên bệ cửa sổ và hét lên “Tạm biệt anh Thỏ, tạm biệt chim”.

“Xe buýt đến rồi!” Mẹ nói.

Những bàn tay hăng hái bắt lấy những chiếc va-li và xếp chúng ở phía sau xe buýt. Ông bà O’Grady cố gắng pha trò để làm nhẹ cuộc chia tay. Ông Loftus già thân yêu thì buồn bã đứng bên cạnh, lén lấy mu bàn tay lau nước mắt. Thầy chậm rãi nhìn lại ngôi nhà để chắc chắn rằng không còn gì sót lại, sau đó từ từ khóa cửa trước và rút chìa khóa, giao cho ông O’Grady để gửi cho bên Luật sư, họ sẽ lo liệu việc xử lý ngôi nhà. Bắt tay nhà O’Grady và ông Loftus một lần nữa, Thầy quay đi và bước vào xe buýt. Cửa đóng sầm lại. Chiếc xe buýt chậm chậm lăn bánh xuống đồi, xa dần sự hiện hữu bằng xương bằng thịt của những người bạn tốt nhất mà chúng tôi có trên thế giới này. Xe rẽ qua góc đường, và khởi hành đến cuộc sống mới.

CHƯƠNG 6

Xe buýt lăn bánh dọc con đường trên bến cảng, ngang qua cây cầu xe điện cũ, tăng tốc và nhanh chóng bỏ lại Lâu đài Hawth sau lưng. Tất cả chúng tôi đều im lặng, Thầy đã mệt mỏi rã rời, ngắm nhìn vùng đất yêu dấu mà lưu luyến chẳng muốn rời. “Giá như mấy tay ở Sở thuế không tàn nhẫn như vậy!” tôi thầm nghĩ. Chúng tôi ngồi bên cạnh Thầy, im lặng cảm thông. Tại Sutton, cả nhà đều quay sang nhìn bên trái để âm thầm từ biệt một người bạn cũ khác, Bác sĩ Chapman. Tiếp tục, tiến về phía Dublin, mùi rong biển thổi vào từ cửa sông Liffey trong khi đám mòng biển kêu những câu từ biệt buồn bã trên đầu.

Cô Ku ngồi đằng sau trên kệ hành lý, từ đó có thể nhìn ra ngoài.

“Nghe cho kỹ này, Feef” cô gọi tôi – đang ngồi kế bên Thầy.

“Tôi sẽ kể cho nghe những thứ cậu chưa từng được thấy. Đây là Clontarf, và chúng ta vừa đi ngang qua các khu vườn”.

Chẳng ai trò chuyện trên xe buýt, không ai ngoại trừ cô Ku. Tôi đã có sáu tháng Thiên đường ở Ireland, sáu tháng để nhận ra tôi được yêu thương, và tôi cũng có nơi “thuộc về”. Bây giờ chúng tôi đang rời đi, liệu điều gì đang chờ trước mắt? Xe buýt lăn bánh đều đều mà không bị giạt hay dừng gấp, vì người Ireland rất lịch sự và luôn coi trọng hành khách trên xe.

Bây giờ giao thông trở nên đông đúc hơn. Có vài lúc chúng tôi dừng lại, khi đèn tín hiệu chuyển màu đỏ.

Đột nhiên cô Ku nói: “Chúng ta đang ngang qua Đại học Trinity, Feef, hãy tạm biệt nó đi”. Đại học Trinity! Ngay đối diện là Công ty Lữ hành đã sắp xếp mọi thủ tục. Tôi thầm ước mình có thể bước vào đó và hủy bỏ cả chuyến đi này. Thầy đưa tay xuống xoa cằm tôi và kéo tôi lại gần. Dòng xe cộ thưa dần khi chúng tôi đến ngoại ô. Người lái xe tăng tốc.

“Chúng ta đang đến Limerick, Feef”, Cô Ku nói, “Để tôi kể cho cậu điều này: Có một con mèo ở vùng Kildare cài hoa catnip trên đầu...”.

“Trật tự nào, Ku!”, Thầy bảo, “ai có thể nghĩ ngợi được khi con cứ ngồi đó ba hoa chứ”.

Trong một chốc tất cả đều im lặng, nhưng Cô Ku không bao giờ giữ im lặng được quá lâu. Ngồi dậy, cô lại xả một tràng liên tục về tất cả những gì đáng quan tâm và nghĩ rằng tôi nên biết. Tôi đã già và đã từng có một cuộc sống khó khăn. Bị mù khiến mọi việc cũng chẳng dễ dàng. Cuộc hành trình làm tôi mệt, thế nên tôi đã đánh một giấc.

Đột nhiên, tôi cảm nhận được một chuyển động khác lạ và nhanh chóng ngồi bật dậy. Chúng ta đã đến rồi sao? Tôi đã ngủ bao lâu? Chuyện gì đang xảy ra? Chiếc xe buýt đã dừng hẳn rồi.

“Không sao đâu, Feef,” Thầy nói, “Chúng ta vừa dừng lại để uống trà”.

“Được nửa đường đến Shannon rồi”, Người tài xế nói, “tôi luôn dừng lại ở đây vì họ có trà ngon lắm”.

“Hai người vào đi”, Thầy bảo, “tôi và mấy con mèo sẽ ở lại”.

“Được thôi”, Mẹ trả lời, “tôi sẽ mang trà của ông ra. Ku’ei và Fifi có thể uống trà của chúng cùng lúc”.

Mẹ và Kẹo Bơ rời xe buýt, tôi có thể nghe tiếng họ bước đi. Một tiếng “cạch” mở cửa, và họ đang ở trong một cửa hàng. “tên là Chợ Phố”, Cô Ku nói, “Có rất nhiều ô tô đậu. Một nơi nhỏ xinh. Mọi người đều trông thân thiện. Có một bà lão đang cười với cậu kia, Feef, hãy cười đáp lại bà ấy đi.”

“Cậu ấy bị mù”, cô Ku hét lớn với bà lão, “cậu ấy không thể nhìn thấy bà, hãy nói chuyện với cháu này!”.

“À, chắc chắn rồi” bà lão nói, áp sát mặt vào cửa sổ, “mấy con vật này dễ thương quá. Đứa nhỏ này đang nói chuyện với ta kìa. Thời buổi này có những thứ thật tuyệt vời”.

“Thôi nào, Mẹ! Mẹ phải đi lấy trà cho Bố kẻo ông ấy đi biển đến O’Shaughnesseys bây giờ”.

“À, con nói đúng, ta phải đi đây”, bà lão nói rồi bước đi.

“Tôi thích chiếc khăn choàng của bà ấy”, Cô Ku bảo, “Tôi có thể dùng nó làm khăn trải giường”.

Mẹ trở lại mang theo thức ăn và đồ uống cho Thầy. Bà ấy cũng mang trà cho chúng tôi, nhưng chúng tôi còn quá hào hứng để ăn uống.

“Thầy ăn gì thế, thưa thầy?” tôi hỏi.

“Bánh mì, bơ và một chén trà”, ông trả lời.

Tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi biết rằng ông đang ăn dù chỉ một chút, vì vậy tôi yên tâm nhấm nháp tách trà của mình, nhưng làm sao một con mèo có thể ăn khi nó còn đang quá phần khích kia chứ?

Tôi nghĩ về những chuyến đi mà mình đã từng trải qua trước đây, xóc nảy trong một chiếc ô tô chạy nhanh, bị đánh thuốc mê và suýt chết ngạt trong một chiếc hộp gỗ gần như không có không khí. GIỜ ĐÂY tôi sẽ đi trên khoang hạng nhất và không bị tách khỏi Gia đình mình. Tôi ngồi xuống bên cạnh Thầy, gù gù một chút.

“Feef già đang tận hưởng đây”, Thầy nói với Mẹ, “Tôi nghĩ nó rất thích mặc dù không chịu thừa nhận!”.

“Khen con nữa đi!” Cô Ku hét lên từ phía sau xe, nơi cô ấy đang giữ hành lý và chỉ đạo Tài xế.

“Tôi không biết chúng ta sẽ xoay sở thế nào nếu không có Ku’ei chăm sóc và điều hành mọi thứ”, Thầy vừa nói vừa véo tai tôi.

“Cô Ku gây náo động hơn hết thấy những con Mèo của vùng Kilkenny”, ông nói thêm.

Chiếc xe buýt tiếp tục vi vu, bỏ lại sau lưng nhiều dặm đường, đưa chúng tôi xa khỏi tất cả những gì mình yêu thương và thân thuộc, để đến một nơi không hay biết? Chúng tôi rời Hạt Tipperay, tiến vào Hạt Limerick. Bóng tối đã bao trùm, nên chúng tôi phải đi chậm hơn. Cuộc hành trình thật dài quá dài, tôi tự hỏi làm sao Thầy chịu được. Cô Ku bảo ông ấy trông mỗi lúc một xanh xao khi đi qua quá nhiều dặm đường như vậy. Thời gian chẳng còn ý nghĩa gì nữa, giờ và phút trôi qua như thể chúng tôi đang sống trong chốn vô cùng vậy. Tiếng vi vu của xe buýt, tiếng lốp quay vòng, những dặm đường tiếp nối chạy qua bên dưới chúng tôi rồi trôi dạt vào chốn hư không đằng sau. Thậm chí Cô Ku cũng đã rơi vào im lặng. Giờ đây không ai trò chuyện cả, chỉ có tiếng xe lăn bánh và các tiếng động của màn đêm. Thời gian như ngừng chảy khi những dặm đường tiếp nối trôi vào đêm đen bí ẩn.

Cô Ku bật dậy, chuyển từ trạng thái mơ ngủ sang cực kỳ tỉnh táo chỉ trong tích tắc.

“Feef!” cô gọi, “cậu đã dậy chưa?”.

“Vâng, Cô Ku,” tôi trả lời. “Những vệt sáng đang quét qua bầu trời, phải sạch những đám mây để dọn đường cho máy bay” cô thốt lên. “Chúng ta chắc hẳn đang ở gần Shannon, gần đến rồi”.

Xe buýt tiếp tục lao đi, nhưng lúc này bầu không khí tràn ngập sự ngóng chờ, cả nhà cùng ngồi dậy để xem.

Người lái xe nói: “Năm phút nữa thôi. Ông bà có muốn vào lối cổng chính không? Chuyến bay của ông bà là tối nay phải không?”.

“Thưa không”, Mẹ nói, “Chúng tôi sẽ nghỉ ở đây tối nay và cả ngày mai, sẽ đi New York vào tối mai”.

“Vậy thì ông bà sẽ cần chỗ ở”, Người lái xe nói, “khách sạn này ổn lắm đấy”. Anh ta lái xe thêm một quãng nữa, rồi rẽ và đi khoảng nửa dặm trên đường Sân bay trước khi dừng lại ở một tòa nhà bên tay phải. Anh bước ra ngoài rồi đi vào Văn phòng.

“Không phải rồi!” Anh nói khi quay trở ra xe buýt, “chỗ này không đúng rồi, chúng ta phải đến một chỗ gần cổng vào, tôi biết nơi đó”.

Có lẽ đi một phần tư dặm nữa, rồi chúng tôi đến được một tòa nhà khác. Người lái xe kiểm tra và thấy rằng cuối cùng chúng tôi đã đến được đúng nơi. Hành lý được mang vào là những thứ gia đình cần dùng qua đêm, còn những thứ nặng hơn được đưa thẳng đến Sân bay.

“Tôi cần dùng Phòng vệ sinh Nữ!”, Cô Ku la lớn.

“VẬY THÌ ĐÂY”, Mẹ nói, chỉ cái HỘP THIẾC đã đặt sẵn trong phòng tắm.

Bà nhẹ nhàng nâng tôi lên, mang vào phòng tắm rồi để tôi cảm nhận chiếc hộp thiếc của mình. Nhưng thường lệ, Gia đình mỗi người một phòng. Tôi ngủ với Thầy, Cô Ku ngủ với Mẹ, còn Kẹo Bơ tội nghiệp phải ngủ một mình. Cô Ku và tôi chăm chỉ nghiên cứu nơi này để đảm bảo rằng chúng tôi đã thông suốt mọi lối thoát, cũng như vị trí chính xác của mọi vật dụng cần thiết. Xong xuôi chúng tôi ăn tối.

Chẳng con mèo nào có thể nghỉ ngơi cho tới khi nó đã có cơ hội khám phá toàn bộ căn phòng. Loài mèo LUÔN phải biết được vị trí chính xác của mọi thứ. Thị lực của chúng tôi cũng rất khác so với con người và phần lớn thời gian chúng tôi nhìn sự vật ở không gian hai chiều thay vì ba chiều. Chúng tôi có thể đứng bất động đến mức khiến con người hoang mang; cũng có thể điều chỉnh mắt để phóng đại một vật như cách người ta dùng ống nhòm để làm. Ngoài ra còn có thể thay đổi thị lực để có thể nhìn rõ từ khoảng cách xa, cũng như những thứ ở ngay trước mũi. Màu đỏ nằm ngoài khoảng nhìn được của mèo, đúng ra nó trông như màu bạc. Ánh sáng xanh đối với mèo cũng chỉ giống như nắng mặt trời. Dầu tích dù mờ nhất, côn trùng dù nhỏ nhất, cũng hiển hiện với loài mèo. Con người không hiểu được cặp mắt của mèo, chúng là công cụ tuyệt vời cho phép mèo thấy được cả tia hồng ngoại. Ngoại trừ mắt của tôi, tất nhiên, vì tôi bị mù. Cặp mắt của tôi, theo như người ta nói, trông hoàn toàn bình thường, chúng mang một màu xanh cuốn hút và to sáng, mỗi tội chúng chẳng nhìn thấy gì cả.

Cả nhà đều ngủ ngon đêm đó, chẳng bị làm phiền bởi tiếng máy bay đáp rồi lại cất cánh tới bờ biển bên kia. Sáng hôm sau Mẹ và Kẹo Bơ ra ngoài mang đồ ăn sáng về. Chúng tôi lười biếng nằm ườn, Cô Ku ngồi bên cửa sổ chiêm ngưỡng váy áo của những người phụ nữ ra vào Sân bay. Thầy thì mặc quần áo chỉnh tề, dẫn chúng tôi ra chơi ở bãi cỏ bên ngoài tòa nhà. Tôi luôn phải đảm bảo rằng mình ở trong tầm với của ông. Tôi sẽ không liều mình đi lạc vào lúc này đâu.

“Feef”, Cô Ku nói, “đây là sân bay mà cậu bay đến từ Pháp phải không?”

“Vâng, Cô Ku”, tôi trả lời, “nhưng tôi vào bằng công hành lý và chưa bao giờ có trải nghiệm vui vẻ như bây giờ. Từ chỗ này chúng tôi đã bay đi Dublin, nhưng dĩ nhiên là lúc đó tôi bất tỉnh”.

“Được rồi, Bà Cô Già”, Cô Ku nói, “Tôi sẽ để mắt để đảm bảo cậu ỔN cả. Tôi rất lão luyện trong việc đó”.

“Cảm ơn nhé, Cô Ku”, tôi trả lời, “tôi rất biết ơn sự hướng dẫn của cô”.

Giờ ăn trưa đến, Mẹ gọi chúng tôi vào vì tất cả phải ăn để còn lấy sức. Ăn xong, cả nhà đi nghỉ, cô Ku với Mẹ, Kẹo Bơ một mình, Thầy với tôi. Chúng tôi nghỉ ngơi thật nhiều vì chưa chắc đã ngủ được trên máy bay.

Tôi bị đánh thức khi Thầy vuốt ve và nói: “Feef, thứ mèo già ngái ngủ, con và Ku’ei chạy vòng quanh để lát nữa ăn uống cho ngon nhé”.

“Đi nào, Feef!” Cô Ku gọi, “Chúng ta chưa khám phá hành lang, đang không có ai ngoài đó cả, ĐI THÔI!”

Tôi nhảy khỏi giường, gỡ tai một lúc nghĩ xem nên đi đường nào, thì thấy bàn tay của Thầy dẫn đến cánh cửa đang mở. Cô Ku dẫn đường, và chúng tôi thực hiện cuộc khám phá khoa học về hành lang, đồng thời phân tích những người đã đi qua đó.

Cô Ku nói: “Hãy đi ra chỗ Lễ tân, chúng ta có thể khoe khoang ở đó”.

Nhiều người chưa nhìn thấy Mèo Xiêm bao giờ, và tôi phải thừa nhận một cách thiếu khiêm tốn rằng chúng tôi khiến người ta trầm trồ. Tôi cảm thấy được tôn bốc khi mọi người nghĩ rằng tôi là mẹ Cô Ku! Thế là chúng tôi lượn lờ ở Lễ tân mấy vòng rồi trở về phòng ngủ tiếp.

Đèn khắp Sân bay sáng nhấp nháy khi chúng tôi dậy ăn tối. Bóng tối chập choạng giờ đã đặc quánh lại và chuyển thành đêm. Cả nhà chậm chậm thu dọn đồ, rồi bước ra ngoài màn đêm Ai-len âm áp, tiến về Sân bay bên kia đường. Vài người đàn ông lấy hành lý của chúng tôi để sẵn cho Hải quan kiểm tra. Thầy luôn dành những lời lẽ tốt đẹp nhất cho Hải quan Ai-len, chưa bao giờ có rắc rối gì với họ. Vấn đề duy nhất mà chúng tôi có với quan chức Ai-len là với mấy tay ở Sở Thuế, sự tham lam của họ đã khiến chúng tôi phải rời đi.

Một nhân viên hãng hàng không Thụy Sĩ lịch thiệp đến chào gia đình và có vài lời với Cô Ku và tôi.

“Công ty chúng tôi muốn mời ông bà ăn tối như khách của chúng tôi”, ông ta nói rất lịch sự.

“Không, cảm ơn”, Thầy trả lời, “chúng tôi đã ăn tối rồi, và chúng tôi sẽ không rời mầy con mèo dù chỉ là một khoảnh khắc”.

Người đàn ông hỏi có thể hỗ trợ gì không, rồi đi, để lại chúng tôi một mình.

Mẹ nói: “Chúng ta có nên cho mèo uống thuốc an thần bây giờ không?”.

“Chưa đâu”, Thầy bảo, “tôi sẽ không cho Feef uống đâu, nó luôn yên lặng mà. Chúng ta sẽ xem Ku như thế nào khi lên máy bay”.

Bởi bị mù, tôi cảm thấy khá bất lực khi cố diễn tả những sự việc xảy ra tiếp theo. Sau khi năn nỉ rất nhiều thì Cô Ku, bất chấp vô vàn khó khăn về phía mình, đã đồng ý viết tiếp những trang sau đây....

Chà, giờ chúng tôi đã ở đó, ngồi như mọi người trong Sân chính ở Sân bay Shannon. Đám đông ở đó mất trật tự như một lũ gà mái tơ. Trẻ con la hét tức tối, khiến tôi muốn đình tai nhức óc vì tiếng ồn. Một vài anh chàng Yankee đang ngồi trong một góc trông như một đồng vịt nhồi bông. Họ nghĩ họ là cái gì GHỀ GỐM lắm vì họ có những chiếc túi được dán nhãn đi Paris – quê của Bà cô Mèo. Đồng hồ sân bay có vẻ đã bị gỉ, vì thời gian trôi rất chậm. Cuối cùng, vài anh chàng mặc đồng phục màu xanh lam và màu đồng tiếp cận chúng tôi, nói rằng Chuyến bay của hãng hàng không Thụy Sĩ từ Shannon đến Sân bay Quốc tế New York đã sẵn sàng. Tôi nghĩ điều này thật ngớ ngẩn, bởi vì làm sao chuyến bay đã sẵn sàng khi mà máy bay vẫn còn ở trên mặt đất được chứ. Anh ta toan xách giỏ của tôi, nhưng Thầy và Mẹ từ chối. Thầy xách giỏ của Bà cô Mèo và Mẹ xách cái của tôi. Còn Kẹo Bơ thì- chỉ có Chúa mới biết cô ấy cầm thứ gì, lúc ấy tôi quá bận đến mức không kịp nhìn. Chúng tôi lên đường, giống như một đoàn học sinh đến Nhà thờ vào ngày Chủ nhật, đi ngang hết Sân Chính vào bóng tối mà chẳng tối. Lẽ ra là thế, nhưng mọi ánh đèn ở Shannon dường như đều được bật sáng. Trên đường băng có đủ loại đèn màu. Những ngọn đèn khác chiếu như những ngón tay trên bầu trời. Sau đó tôi nhìn về phía trước và thấy chiếc máy bay. Trời ơi! Nó mới to làm sao, to hơn bất cứ thứ gì chúng tôi đã thấy ở sân bay Dublin. Đối với tôi, nó to gần bằng cả làng Howth được kéo trên bánh xe. Chúng tôi đi tới, càng lúc càng gần

chiếc máy bay, và dường như nó lại càng lớn hơn. Ở đầu phía trước có một cái thang với hai bên thành để đàn ông trên mặt đất không thể nhìn thấy những gì loài mèo chúng tôi luôn có thể thấy. Ý tôi là phụ nữ ấy.

Ông Già bé Bà Mèo leo từ từ lên cái thang hay cầu hay bất cứ cái gì người ta gọi nó. Một Người Quản Lý to béo (trời, tôi cá rằng ông ấy ăn rất nhiều!) cúi người thấp đến nỗi ông gần như cắm mặt xuống đất. Một Cô Tiếp viên thậm chí còn to béo hơn, mặc bộ quần áo màu xanh dương cổ trắng cũng chào chúng tôi. Cô ấy không cúi người, vì áo nịt khiến cô không thể làm vậy. Tất cả các nữ Tiếp viên đều mặc áo nịt, tôi biết điều này từ một cuốn sách Thầy viết cách đây ít lâu. Dù sao, họ cũng để chúng tôi yên vị trong khoang Hạng Nhất, rồi mới đón các hành khách phổ thông lên máy bay. Họ gâ ồm ào kinh khủng.

Một cái đèn bật sáng, bảo rằng chúng tôi không được hút thuốc (đã ai từng nghe nói đến việc mèo hút thuốc bao giờ chưa?) và phải thắt dây an toàn. Chúng tôi làm theo. Thầy giữ chặt chiếc giỏ của ông như thể nó là thứ gì quý giá lắm. Mẹ cũng ôm lấy cái giỏ của tôi, bởi vì tôi chắc chắn là quý giá rồi. Một cánh cửa lớn bằng kim loại đóng sầm lại và cả máy bay rung chuyển như thể nó sắp rơi ra thành từng mảnh. Tuy nhiên, nó đã không vỡ mà từ từ di chuyển qua rất nhiều đèn chiếu. Đám người phía bên ngoài vẫy tay chào. Chúng tôi thấy miệng họ mở ra khi họ kêu lớn. Họ trông giống như những con cá mà chúng tôi đã nuôi trong bể ngày trước. Máy bay tiếp tục tiến lên thì có một tiếng động kinh khủng, làm tôi tưởng nó đã lái gần đến Mỹ, toàn bộ mọi thứ quay ngoắt, gần như đè nặng lên tai, và tiếng ồn tăng lên. Tôi hét lớn yêu cầu Phi công dừng nó lại, nhưng anh ta không thể nghe thấy gì vì tiếng ồn mà chính anh ta đang tạo ra. Có một cảm giác đột ngột tăng tốc dữ dội, đột ngột đến mức nó gần như trộn bữa trưa với bữa tối của tôi lại với nhau, và sau đó thì chúng tôi ở trên không. Viên Phi công chắc hẳn còn thiếu kinh nghiệm, vì anh ta phải quay đầu máy bay rồi lượn một vòng quanh Sân bay để biết chắc chắn rằng đã cất cánh. Tôi nhìn thấy nhiều ánh sáng bên dưới, hàng trăm ngọn, rồi thấy rất nhiều nước lấp lánh dưới ánh trăng.

“Ê!” Tôi hét lên với anh ta, “Dưới đó là nước đây, chúng ta sẽ chết đuối nếu rơi xuống!”.

Anh ta chắc đã nghe thấy tôi vì rồi anh ta quay máy bay lại và hướng về nước Mỹ.

Chúng tôi bay mỗi lúc một cao, xuyên qua những tầng mây rải rác nhuộm màu bạc của ánh trăng, và cao nữa cao nữa. Chúng tôi tăng tốc trên không, tôi bắt giác nhìn ra cửa sổ và thấy tia lửa bắn ra từ bên dưới cánh máy bay.

“Trời đất!”, tôi tự nhủ, “không chết chìm thì sẽ chết cháy mất thôi!”.

Tôi bèn cuống quít gọi Thầy và Thầy bảo rằng mọi thứ đều ô kê (tức là “ổn cả” trong tiếng Mỹ) vậy nên đừng lo lắng. Nhìn quanh thêm một lúc, tôi tự cảm thấy các ống trong động cơ đều nóng. Người Phi Công hẳn đã đọc được ý nghĩ ấy của tôi, bởi ông ấy nói xuống từ trên trần, bảo rằng hành khách chớ lo lắng, khi máy bay tăng độ cao thường có tia lửa như vậy.

Cô tiếp viên to béo đến chỗ chúng tôi, tôi không nghe được cô ấy nói gì vì mất tập trung bởi tiếng răng rắc mỗi khi cô cúi xuống.

“Quần áo của cô ta sẽ bung ra mất thôi”, tôi nghĩ.

Vài gã yankee ngớ ngẩn cũng đang ngồi ở khoang Hạng Nhất. Ngoài mấy gã mập này ra, thì không còn ai khác. Chúng tôi bay lên cao khoảng ba mươi nghìn feet, tôi đoán là gần đến Thiên Đường rồi, thì máy bay ổn định độ cao và lướt dọc theo các vì sao.

“Tôi sẽ cho Ku một viên thuốc”, Mẹ nói, vừa nhét một thứ chất kỳ lạ vào miệng tôi trước khi tôi hay Ông Già kịp phản đối. Tôi chớp mắt và nuốt. Trong thoáng chốc không có gì xảy ra, một cách từ từ tôi cảm thấy có một cơn mê nhẹ chiếm lấy cơ thể. Tự dưng lại muốn hát mà không thể cưỡng lại được. Trời ơi! Tôi cảm thấy thật thăng hoa! Mấy Người Già càng lúc càng nổi điên trong khi tôi càng lúc càng thấy vui hơn.

Lưu ý đặc biệt cho các fan hâm mộ mèo; sau này Ông Già được cho biết từ Sở thú Detroit rằng mèo không trở nên bình tĩnh hơn nhờ thuốc an thần. Mà trở nên SAY XỈN! Nhân viên Sở thú Detroit chia sẻ rằng ông đã từng có cùng trải nghiệm như Thầy khi một con mèo trở nên say xỉn. Chà, dù sao thì cũng thật vui. Giờ thì tôi đã hoàn thành phần của mình và sẽ nhường lại câu chuyện cho Bà Cô Già, suy cho cùng thì cậu ấy đã khởi đầu nó và nó là đứa con tinh thần của cậu ấy.

Chiếc máy bay vẫn vi vu hàng trăm dặm mỗi giờ. Đèn mờ đi, và cuối cùng được thay thế bằng ánh sáng xanh nhạt. Cô Ku nằm trong giỏ, cười một mình. Cô ấy cười khúc khích từng chập một. Cuối cùng không thể chịu được nữa, sự tò mò của tôi đã lấn át mọi phép tắc.

“Cô Ku”, tôi nói nhẹ nhàng để không làm phiền ai, “Cô Ku, cô đang cười gì vậy?”.

“Hử? Tôi đang cười á? À đúng rồi, HA! HA! HA!”.

Tôi tùm tùm với chính mình, Cô Ku thực sự đang “bay” như người ta nói. Trước đây tôi đã có lần chứng kiến một con mèo trong trạng thái đó, một anh mèo đực hay mon men vào hầm rượu để liếm láp những giọt rượu rỉ ra. Bây giờ cô Ku cũng giống vậy.

“Feef!”, cô ấy cười khúc khích, “chuyện này thật quá vui để giữ cho riêng mình, Feef, cậu có đang nghe không đấy? Feef!”.

“Vâng, cô Ku”, tôi trả lời, “tôi đang nghe mà, tôi sẽ rất vui được nghe câu chuyện của cô”.

“Chà”, cô ấy bắt đầu, “chuyện xảy ra ngay trước khi cậu đến Howth. Cậu biết đấy, Thầy là một nhà sư Phật giáo, một vị Lạt ma. Một ngày nọ, ông ấy đang ngồi trên tảng đá bên cạnh mép nước, thì một Cha xứ trẻ đang đi dạo cùng với cả hội của họ, đến ngồi xuống bên cạnh Thầy.

“Con trai ta”, người tu sĩ nói (trong khi Thầy đáng tuổi ông nội anh ta!).

“Con trai ta, con đã không đi lễ hôm nay”.

“Không, thưa Cha”, Thầy lịch sự trả lời, “tôi đã không đi”.

“Hãy đi dự Lễ, con trai”, cha xứ trẻ nói” hứa với ta rằng con sẽ đi hôm nay!”. “Không, thưa Cha”, Thầy trả lời, “tôi không thể hứa điều ấy”.

“Vậy con không phải là một giáo dân tốt”, ông cha xứ trẻ giận dữ vặn lại. “Không, thưa Cha”, Thầy ôn tồn đáp, “Tôi là một nhà sư Phật giáo, đúng hơn là một Hòa thượng”.

Cô Ku ngừng lại một lúc rồi phá lên cười.

“Feef!”, cuối cùng cô nói, “Feef, cậu nên nhìn mặt tên cha xứ trẻ đó, anh ta thất thần như thể bị quỷ rượt vậy!”.

Mãi rồi cô Ku cũng cảm thấy mệt vì nói và cười quá nhiều nên thiếp đi. Tôi quay vào giỏ của mình, Thầy đưa tay xoa cằm tôi. Với một tiếng gừ gừ, tôi chìm vào giấc ngủ.

Thầy bị ốm khi tôi tỉnh giấc, người Quản lý đang cúi xuống cho ông uống thuốc. Thầy đã già và đã trải qua nhiều khó khăn cũng như bệnh tật, trên máy bay ông bị đau tim, và tôi thực sự không nghĩ ông có thể sống sót qua cuộc hành trình này.

Tuy nhiên, trước khi đi ông đã với tôi rằng: “Nếu con có thể chịu được, Feef, thì ta cũng có thể! Đây là một thách thức cho con đấy!”.

Tôi có một tình cảm đặc biệt với Thầy, rất đặc biệt, bởi vì ông ấy và tôi có thể trò chuyện dễ dàng như tôi và Cô Ku vậy.

“Quý thần ơi!”, Cô Ku nói với giọng ảm đạm, “Tôi chắc chắn đã say mèm! Giá mà Tôi có thể cho ông Bác sĩ thú y già uống thuốc an thần để ông ta tự ném mùi nhĩ. Mấy người Bác sĩ thú y thì biết gì về loài mèo chứ?”.

“Bây giờ là mấy giờ rồi Cô Ku?”, tôi hỏi. “Giờ à? Tôi chẳng biết nữa, Tôi mất hết khái niệm về thời gian rồi. Dù sao thì, đèn xanh đã tắt và người ta đã bật hết đèn sáng lên. Chắc gần đến giờ ăn của họ rồi”.

Tôi bắt đầu nghe tiếng chén đĩa loảng xoảng, và những âm thanh nhỏ mà con người thường làm khi họ thức dậy. Tôi đã quen với việc bị mù, nhưng vẫn thấy THẬT bực bội khi không biết chuyện gì đang xảy ra. Bàn tay của Thầy vuốt ve tôi.

“Mèo Già Ngốc Nghếch”, ông bảo, “còn lo lắng điều gì nữa? Dậy đi, tới giờ ăn sáng rồi, chúng ta sẽ hạ cánh sớm thôi”.

Một giọng nói từ trên trần vang lên chói tai. “Xin quý khách vui lòng thắt dây an toàn, máy bay đang hạ cánh xuống Sân bay Quốc tế New York”.

Tôi nghe tiếng kim loại lạch cạch, rồi Thầy ôm chặt giỏ của tôi. Mũi máy bay chúc xuống và tiếng động cơ thay đổi. Có cảm giác trôi lơ lửng, sau đó động cơ hoạt động hết công suất. Một cú chạm đất và một tiếng rít của lốp xe. Một cú sóc nhỏ khác, và máy bay chậm chạp đi dọc theo đường băng.

Tiếp viên nói: “Xin quý khách vui lòng ngồi yên tại chỗ. Hãy đợi cho đến khi máy bay dừng hẳn”.

Máy bay từ từ di chuyển, thỉnh thoảng có tiếng phanh khi Phi công rẽ và kiểm tra tốc độ. Một cú lê cuối cùng và chúng tôi dừng hẳn. Động cơ chậm lại rồi tắt.

Trong giây lát chỉ có tiếng thờ, bỗng bên ngoài vang lên một tiếng CẠCH lớn, tiếp theo là tiếng kim loại va vào nhau. Một cánh cửa mở ra và luồng không khí lạnh tràn vào.

“Tạm biệt”, Người quản lý và cô tiếp viên nói, “Chúng tôi hy vọng được gặp lại quý khách trong những chuyến bay tới!”.

Chúng tôi đi bộ xuống thang, Thầy xách tôi, Mẹ xách Cô Ku còn Kẹo Bơ thì đi đằng sau. Trời lạnh căm căm khiến tôi không thể hiểu được.

“Brrr!” Cô Ku bực bội nói, “Hết trận say, giờ lại là trận tuyết này!”.

Gia đình vội vã đi nhanh để không phải ở ngoài trời lạnh lâu hơn cần thiết. Ngay sau đó chúng tôi bước vào một hội trường lớn. Cô Ku, người am hiểu mọi thứ, nói rằng đây là Sảnh Nhập cảnh và Hải quan, cũng là tòa nhà lớn nhất trên thế giới dành cho việc này. Thầy xuất trình tất cả các giấy tờ và chúng tôi được Nhập cảnh, đến Hải quan.

“Ông bà có gì phải khai báo không?” một giọng đàn ông hỏi.

“Thưa, không có gì để khai báo”, Thầy trả lời, “chúng tôi đang quá cảnh đến Canada”.

“Chúng là gì vậy, mèo à?”. Ông cán bộ Hải quan hỏi.

“À!” Một nữ cán bộ trả lời với một tiếng trầm trồ, “Tôi đã từng nhìn thấy giống mèo này trước đây. ĐẸP QUÁ !!”.

Chúng tôi được thông qua, dựa vào mùi, tôi biết một người đàn ông da màu đang mang các va-li của cả nhà, nhưng Thầy và Mẹ vẫn tự xách tôi và cô Ku. Ở sảnh chính, Thầy phải ngồi nghỉ vì đuối sức, còn Mẹ đi gặp những người của hãng hàng không Mỹ, những người sẽ đưa chúng tôi bay đến Detroit. Bà đã đi rất lâu. Khi quay lại, bà sôi sục bực tức.

“Họ phá vỡ hợp đồng!” bà nói, “Họ sẽ không cho tụi mèo ở trong khoang hành khách, nói rằng chúng phải được để trong khoang hành lý, đó là quy tắc và quy định. Họ nói rằng lỗi là do mấy người ở Shannon”.

Tôi chợt cảm nhận rõ tuổi tác của mình, cảm thấy mình già nua. Tôi không nghĩ mình có thể sống sót trong khoang hành lý được nữa, khi đã có quá đủ trải nghiệm ở đó rồi, và ai có thể tưởng tượng được cô Ku sẽ chịu đựng điều đó chứ.

Thầy nói: “Nếu mấy con mèo không thể đi – chúng ta cũng sẽ không đi! Hãy quay lại và nói với bọn họ rằng chúng ta sẽ làm lớn chuyện, sẽ đòi lại tiền vì họ đã đồng ý cho lũ mèo đi cùng nếu chúng ta trả tiền trước”.

Mẹ lại đi, và một lần nữa tất cả chúng tôi ngồi đợi. Cuối cùng, bà quay lại và nói:

“Tôi đã nói với họ rằng ông bị ốm, họ đang đưa chúng ta đến La Guardia bằng xe đặc biệt. Họ đề nghị chúng ta ở lại Nhà nghỉ lớn ở đó và chờ xem liệu Hãng hàng không có đổi ý”.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã ở trong một chiếc xe hơi to, một chiếc Cadillac hoành tráng có cả máy lạnh.

“Trời!”, Kẹo bơ thốt lên khi chúng tôi nhập vào dòng giao thông đông đúc trên xa lộ New York, “tôi sẽ chẳng thích lái xe ở đây!”.

“Sẽ không sao nếu cô đi đúng làn đường của mình”, người Lái xe bảo.

Hai mươi phút sau chúng tôi đến một Nhà nghỉ mà Cô Ku bảo tôi là Nhà nghỉ lớn nhất cô từng thấy. Chúng tôi đi vào cả.

“Ở đây có cho mèo Xiêm vào không?”, Thầy hỏi.

“Ồ, chúng dĩ nhiên là được chào đón ở đây!”, người đàn ông đứng sau quầy Lễ tân trả lời trong khi quan sát chúng tôi thật kỹ.

“Chúng RẤT được chào đón”, ông nhắc lại, vừa sắp xếp phòng cho chúng tôi.

Quãng đường từ hành lang đến phòng dường như dài cả dặm.

“Nhà vệ sinh nữ, nhanh lên!”, cô Ku cuống quýt. Tôi thấy biết ơn vì sự lên tiếng của cô. Những cái hộp cần thiết được bày ra nhanh chóng, kịp thời đóng góp vào sự dễ chịu và bình yên cho chúng tôi.

“Đồ ăn đây”, Mẹ nói.

“Cho lũ mèo trước đi”, Thầy đáp.

Thời khóa hằng ngày của chúng tôi đã bị ảnh hưởng rất nhiều, nhưng vẫn có thể chấp nhận được. Chúng tôi lang thang xem hết cả ba căn phòng mà gia đình đã nhận, cũng như khám phá khu hành lang một cách rất cẩn trọng.

“Tôi nhìn thấy Sân bay”, Cô Ku nói, “kia hẳn là La Guardia”.

Mẹ đứng dậy, “Thôi!”, bà nói, “tôi sẽ đi gặp Hãng hàng không xem có thể làm gì”.

Cánh cửa đóng lại sau lưng bà, còn tôi và Cô Ku ngồi yên để trông nom Thầy. Chuyến hành trình này thật quá sức với ông, nó khiến ông phải nằm bẹp trên giường.

Kẹo Bơ bước vào phòng, “Làm sao chúng ta đến được Windsor nếu Hãng hàng không không chịu chờ?”, cô hỏi.

“Tôi không biết nữa, có thể đi tàu chằng”, Thầy đáp.

“Chúng ta có thể thuê nguyên một khoang để lũ mèo được ngồi cùng”, ông nói thêm.

Tôi đang ngủ chập chờn thì đúng lúc Mẹ quay lại.

“Họ sẽ không chờ chúng ta trừ khi lũ mèo ở trong khoang hành lý”, bà nói.

“Không được!”, Thầy dứt khoát “chúng ta sẽ tìm cách khác”.

Một khoảng im lặng dài. Cô Ku và tôi ngồi cạnh nhau, cả hai đều chết khiếp khi nghĩ đến việc phải ở trong khoang hành lý; nhưng suy cho cùng, chúng tôi cũng không thể ở lại Nhà nghỉ này lâu được vì giá cả đắt đỏ.

“Chúng ta chỉ có thể thuê máy bay taxi thôi”, Mẹ nói.

“À”, thầy trả lời, “chúng ta sẽ lấy lại tiền cho vé từ La Guardia đến Detroit vì Hãng hàng không phá hợp đồng. Việc này sẽ giúp giảm chi phí. Họ có nói nếu bay từ đây đi Canada thì sẽ tốn bao nhiêu không?”.

Mẹ nói ra số tiền họ ước tính và Thầy suýt nữa ngã ngửa vì sốc. Cô Ku và tôi cũng vậy.

Cuối cùng ông nói: “Hãy đặt máy bay cho sáng mai đi, nhưng nó phải đủ rộng để chở lũ mèo cùng với chúng ta đấy”.

Mẹ gật đầu đồng ý rồi trở ra.

Cô Ku và tôi tập thể dục bằng cách rượt đuổi quanh các phòng. Bởi đây là những căn phòng lạ nên Cô Ku phải nói cho tôi biết vị trí của các món đồ, trong khi chạy đằng trước. Tôi bám sát, chơi đùa và đồng thời cũng giải khuây cho Thầy, ông ấy thích được xem chúng tôi đuổi bắt và nhảy nhót. Khi đã thấm mệt, Cô Ku dẫn tôi đến bên cửa sổ và kể về những tòa tháp của Manhattan nơi mà Thầy đã từng sống và làm việc cách đây vài năm.

Mẹ quay lại, nói rằng mọi thứ đã ổn thỏa, giờ này ngày mai chúng tôi sẽ có mặt ở Windsor Canada. Thế là chúng tôi ngồi uống trà, nghĩ ngợi về vùng đất mới mà mình sắp sửa đến. Màn đêm buông sớm. Cả nhà đi ngủ để nghỉ ngơi được nhiều nhất có thể; chuyến đi từ Howth thậm chí còn mệt mỏi hơn dự tính. Chỗ này là một Nhà nghỉ khá thoải mái, nhưng đắt đỏ vì nó ở gần Sân bay và New York, tuy nhiên Thầy sẽ không thể chịu đựng được cuộc hành trình mà không được nghỉ ngơi. Vào buổi sáng, chúng tôi ăn sáng và chào tạm biệt người đàn ông ở Quầy lễ tân, anh ấy rất thích cô Ku và tôi, điều này khiến cô Ku có cảm tình với anh ta. Vì Thầy bị ốm, và hành lý của chúng tôi khá nhiều, Nhà nghỉ cho một cái xe đưa chúng tôi qua đường, đến văn phòng của công ty Taxi hàng không. Một người đàn ông da màu rất dễ thương đã chở chúng tôi, anh ấy đảm bảo chúng tôi đến đúng văn phòng và đến gần nhất có thể.

“Tôi sẽ đợi ở đây, thưa Ngài”, anh nói với Thầy, “cho đến khi tôi thấy tất cả các vị đều đã ổn định”.

Cả nhà đi vào Văn phòng. Thoạt tiên chẳng ai ở đây biết về chúng tôi cả. Mãi sau, như thể có một bóng đèn lóe sáng trên đầu, một người đàn ông nhắc điện thoại.

“Chắc chắn! chắc chắn rồi!”, ông ta nói, “Phi công đang đến ngay bây giờ. Xin vui lòng đợi ở đây”.

Chúng tôi đợi một lúc, rồi thêm một lúc nữa. Cuối cùng, một người đàn ông chạy vội vào Văn phòng và nói: “Ông bà đi Canada đúng không?”

Chúng tôi trả lời đúng, Cô Ku và tôi cao giọng để nhấn mạnh.

“Ô kê”, người Phi công bảo, “chúng tôi sẽ xếp hành lý của các vị lên máy bay, còn lũ mèo thì sao?”

“CHÚNG SẼ NGỒI TRONG MÁY BAY CÙNG CHÚNG TÔI!” Thầy quả quyết đáp.

“Được thôi, hai quý bà phải ngồi hàng ghế sau và giữ mỗi giỏ trên đùi nhé”. Nói rồi ông ta dẫn đường đến máy bay.

“Trời đất!”, Cô Ku kêu lên với giọng kinh ngạc, “thứ này chẳng khác gì một món đồ chơi cả! Hai động cơ, ba chỗ ngồi cộng ghế Phi công, bốn chỗ tất cả. Ba bánh xe dưới gầm. Quý thần ơi!” cô kêu lên với giọng hoảng hốt.

“Tôi không hiểu làm sao Thầy có thể đặt vừa mông vào cái ghế nhỏ như vậy được. Làm sao chứ”, cô la lên hốt hoảng, “viên Phi công thậm chí còn phải cạo đầu để tiết kiệm diện tích nữa đấy”.

Mẹ và Kẹo Bơ đi lên chiếc máy bay mà theo như cô Ku nói thì chỗ ngồi bên trong chỉ như một chiếc ô tô nhỏ, chỗ ngồi ở hàng ghế sau vừa vặn hai người cỡ trung bình. Mẹ thì khá tròn trịa, còn Kẹo Bơ thì mảnh mai, bởi vậy hai người họ gộp lại cũng thành hai người trung bình. Tôi cảm nhận toàn bộ máy bay lắc lư khi Thầy bước lên. Ông ấy nặng khoảng một trăm linh hai cân (có thể đã giảm mất gần một cân trong chuyến đi) và thế là máy bay hơi nghiêng một chút. Phi công chắc hẳn là người nhỏ con nhất trong đội, bởi vì trọng lượng của anh ta dường như không ảnh hưởng gì. Anh ta khởi động lần lượt các động cơ, để chúng nóng lên, sau đó thả phanh, và di chuyển từ từ. Chúng tôi di chuyển vài dặm trên mặt đất, đến đầu kia của sân bay. Cô Ku đã bình luận cho tôi suốt quãng đường.

“Ôi chào!” cô ấy kêu lên, “có vẻ như tất cả các máy bay ở Mỹ đều cất cánh từ đây; phải ít nhất mỗi phút một chiếc”.

Đột nhiên viên Phi công thốt ra một từ RẤT bậy, rồi đột ngột xoay máy bay sang ngang, ra khỏi đường băng chính.

“Chúng ta bị xịt lốp”, anh ta gầm gừ, “Phi công của chiếc máy bay kia vừa điện đàm cho tôi”.

Sau lưng chúng tôi là tiếng còi đình tai nhức óc và tiếng gầm rú của động cơ. Cả một đoàn xe ô tô lao khỏi đường băng và bao vây chúng tôi.

“Ôi chào!” Cô Ku hét lên trên tiếng ồn, “họ gọi cả Lính Quốc Phòng!”.

Cô thận trọng nhìn qua phía dưới cửa sổ, cụp tai để không bị phát hiện. “Cảnh sát, rất nhiều cảnh sát, có cả đội cứu hỏa, và một đoàn xe chở bảo vệ sân bay, họ cũng có một chiếc xe tải. Quỷ thần ơi!”.

“Trời ạ!” Thầy thốt lên, “có mỗi một chiếc lớp xẹp mà náo động ghê gớm”.

Người tản ra xung quanh, tiếng còi báo động phát ra những tiếng inh ỏi cuối cùng, tiếng động cơ ô tô hòa với tiếng máy bay đang tăng tốc trước khi cất cánh. Rồi có tiếng động mạnh đột ngột và phập phồng bên dưới chúng tôi, máy bay được nâng lên khỏi mặt đất vài inch để có thể tháo lớp xe bị xẹp. Vài chiếc xe lao đi, sau đó chiếc xe tải cũng chạy đi cùng với chiếc lớp cũ. Chúng tôi ngồi lại để chờ đợi. Đợi một giờ, rồi hai giờ.

“Lúc này mà ĐI BỘ có khi cũng đến Canada rồi!”, Thầy nói lộ rõ vẻ phiền toái.

Chiếc xe tải thông thả quay trở lại đường công vụ bên cạnh đường băng. Một cách nhàn nhã, đúng hơn là uể oải, mấy gã này thả mình ra khỏi xe và đi tới máy bay của chúng tôi. Cuối cùng thì lớp xe đã được cố định lại và chiếc xe tải phóng đi. Phi công khởi động lại động cơ để làm ấm chúng. Nói vào micrô với Đài kiểm soát không lưu, phi công thông báo đã sẵn sàng cất cánh. Cuối cùng cũng được phê duyệt, anh ta mở hai cần gạt, lao máy bay xuống đường băng và nâng nó từ từ lên không trung. Bay lên một cách từ từ, giữ ở vị trí thấp hơn các chuyến bay thương mại, viên Phi công ổn định hướng và bay là là.

Chúng tôi bay, bay và bay, nhưng dường như chẳng đến được đâu cả.

“Chúng ta đang bang ở tốc độ nào vậy Cô Ku?”, tôi hỏi.

Cô rướn cổ, nhìn qua vai viên Phi công.

“Một trăm hai mươi lăm, độ cao sáu ngàn feet, la bàn chỉ hướng Tây Bắc”, Cô Ku trả lời.

Tôi cảm thấy thật ghanh tỵ với kiến thức, cũng như thị giác của cô. Tôi thì chỉ có thể ngồi yên một chỗ, phụ thuộc vào người khác nói cho mình nghe mọi thứ. Dù vậy, tôi cũng nghĩ, so với tất cả những chuyến bay mà mình đã nằm bất tỉnh trong hộp, chuyến này thật tốt hơn RẤT nhiều, giờ đây tôi đang được đối xử còn TỐT HƠN cả con người nữa, vì tôi đang ngồi trong lòng Mẹ.

HẾT

Dịch giả: Trung tâm VMC
Biên tập ebooks: Daohoc.com